

CÁC EM...



Hãy rửa tay trước khi ăn



lúc ăn nên nhai cho kỹ



Hãy chải răng sau mỗi bữa ăn

THUỐC ĐÁNH RĂNG **Perlon** NHẮN NHỦ

VN EXPRESS

PHỐ THÔNG

Tạp chí Văn-Hoa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : NGUYỄN - VỸ

179
1-9-1966



NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia - đình



NƯỚC NGỌT CON CỎ Ở ĐÂY
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH, SỐNG LÂU YÊU ĐỜI.

LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiêm và tái Bảo-Hiêm những tài nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chính :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cục Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghi thức giản tiện

Khí hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện-thoại số. 26.893

31.33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặt biệt các món ăn Tiều
- Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XAY DUNG VAN HOA VIETNAM
PHO BIEN VAN HOA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn - Vũ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài Gòn — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VIII * SỐ 179 * I-9-1966

1.— Đại hội Văn hóa Dân tộc.	Nguyễn-Vỹ	7 — 12
2.— Bạch cư Di dưới con mắt chúng ta.	Phạm văn Sơn	13 — 16
3.— Nhà bà Ba (truyện ngắn)	Lan Đình	20 — 27
4.— Người chiến quốc: Cam La	Thiếu Sơn	28 — 33
5.— Giao cảm (thơ)	P. T. K. H.	34
6.— Nửa đêm nghe tiếng chuông Chùa.	Nguyễn-tử Quang	35 — 42
7.— Khoa truyền hình màu ở Nhật.	Nhất Thiên	43 — 49
8.— Buồn buồn (thơ)	Lê thị Cúc	50
9.— Bến Hải, Huế, Saigon	Tâm Trí	51 — 55
10.— Đi tìm sự thật về bùa yêu	Hà Châu	56 — 59
11.— Thư cho anh (thơ)	Kim Hải	60 — 61
12.— Đêm thị trấn (truyện ngắn)	Thùy Dương Tử	62 — 70

13.	Những người đàn bà liêng danh . . .	Tôn Phong	71 — 78
14.	Họa thơ Quan thế Âm	Phổ Thông	79 — 81
15.	Mình ơi !	Diệu Huyền	82 — 93
16.	Trần, chàng trai nước Việt.	Nguyễn Vỹ	94 — 109
17.	Sách báo mới.	P.T.	101
18.	Truyện (thơ).	Trần thanh Lý	102 — 103
19.	Alaska, biên thùy cuối cùng.	Thái Bình Dương	104 — 113
20.	Vực thẳm	Thăm thê Hà	114 — 123
21.	Thư bạn đọc	Phổ Thông	124
22.	Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	125 — 130

- Tranh trong bài : họa sĩ Ngọc - Dũng.
- Tranh bìa : của họa sĩ LATAPIE



- ★ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chi quốc-tế).
 - ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
 - ★ Các sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
 - ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - ★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés. pour tous pays.
- Copyright by PHỔ THÔNG, printed in Việt-Nam.

- Tổng phát hành PHỔ - THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG NAI, 270, Đê-Thám — Saigon
- Tổng-phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
- Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
- Our general agent in Europa & Africa
LONG HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
(vente — abonnements — Publicité)



ĐẠI HỘI VĂN HÓA DÂN TỘC

NGUYỄN - VỸ

MỘT nhóm Giáo-sư và tri-thức, Văn nghệ sĩ ở Saigon có mỹ-ý lập một Ban « vận động Đại-hội Văn-hóa Dân-tộc », với mục đích « tìm biện-pháp chống lại những hiện tượng văn-hóa, văn nghệ sa-đọa, hầu xây dựng nền văn hóa, văn nghệ lành mạnh trên căn bản dân tộc ».

Những người đã đưa ra sáng kiến trên đây, và muốn thực hiện nó trên bình - diện rộng - rãi của công - cuộc khương - kiện - hóa dân-tộc, đều có một thiện chí rất đáng khen và một chủ trương xây dựng rất đáng khuyến khích. Tất cả những ai hằng lo ngại cho tương-lai của thanh thiếu niên nam-nữ hiện đại đang bị đầu độc bởi văn nghệ truy lạc, đều nhiệt-liệt hoan nghênh một ý tưởng tốt đẹp và cao siêu như thế.

Tuy nhiên, thiện-ý của tôi là cuộc vận động này đã đến hơi muộn quá, và cũng hơi sớm quá.

● **Muộn quá**, vì con vi trùng sa đọa do một số « văn-nghệ sĩ » bệnh hoạn của một thời loạn ly vô kỹ-luật, vô trách nhiệm, đã tiêm nhiễm vào đầu óc và xương tủy của đa số thanh niên nam-nữ, quá sâu rồi, khó trừ diệt hoặc cứu vãn được nữa. Chứng bệnh truyền nhiễm đầu độc nhanh chóng đó, do ngoại - quốc nhập - cảng ngay giữa lúc xã-hội Việt-Nam đang quần quai trong chiến - tranh đã được thi-vị-hóa như một phương thuốc an-thần tuyệt-diệu dưới nhãn-hiệu « Đợt Sóng Mới », dịch theo tiếng Pháp: « La Nouvelle Vague », Một thiếu số văn-nghệ-sĩ vô lương-tâm, thiếu chí-khí dân-tộc, không còn chút nhiệt-huyết và ý-thức quốc-gia, đã vồn-vã truyền nó vào các tác-phẩm tai hại của họ. Dưới chiêu-bài « hiện-sinh », và lạm dụng những danh-từ quyền-rũ : « văn-nghệ trẻ », « văn-nghệ

ĐẠI HỘI VĂN HÓA DÂN TỘC

hôm nay », « văn-nghệ thời-dại ».. họ thi đua sản-xuất những loại văn-chương « rùng-rợn, mê-ly » làm say-dắm lớp tuổi hoa-mộng còn ngây-thơ trong-trắng.

» Dưới chế-độ thối-nát của Ngô-đình-Diệm và các chế-độ bừa bãi, vô tổ-chức, vô kỷ luật, kế-tiếp đến nay, các loại văn-nghệ bần-thiếu, diêm-dứa, lãng-mạng, hạ-cấp, đã đầu độc biết bao nhiêu tâm-hồn của bạn trẻ chưa đến tuổi trưởng-thành, gây ra những hậu quả tai hại không thể nào lường được. Ngày nay, trong tình thế chính-trị và xã-hội còn hoàn-toàn bế-bối, thối nát tận xương tủy, phải thú-nhận rằng không thể một Héraclès nào tẩy uế cho sạch được « chuồng-bò Augias » đó.

Đại-Hội Văn-hóa Dân-tộc có đảm-đương nổi công-việc của chàng Hercule la-mã ấy không ? Đàng võ-tay xiết bao kế-hoạch vĩ-dại ấy ! Nhưng cụ-thể-hóa bằng biện pháp nào ? Nước sông Saigon có sức mạnh mẫu-nhiệm như nước sông Alphée không ?

Xét kỹ lại : bây giờ đã muộn chăng ?

● Vàng, thật đã quá muộn rồi ! Nhưng không sao, hãy còn sớm chán ! Sớm, bởi lẽ muốn thực-hiện một chương trình xây-dựng lớn-lao như thế cho có hiệu quả, tôi thiết tưởng chúng ta nên đợi một hoàn cảnh thích hợp hơn, có đủ những yếu tố cần thiết cho sự phục hồi sức khỏe tinh thần của dân-tộc. Trước tình-thế chính-trị và xã-hội hiện tại, trong không khí bất tín nhậy, ngấm-ngấm, và sự xáo trộn của mọi trật tự do chiến tranh gây ra, sự vô thẩm quyền và vô trách nhiệm của giới văn nghệ trước những

xâm nhập đương nhiên của một vài phong tục quá phóng
đăng của Âu-Mỹ, mà chính quyền không thể làm gì để
ngăn cấm được, — ảnh hưởng khôn nạn của những hình
thức đồi bại ấy đối với thanh-thiếu-niên Việt-Nam, —
trước bức tranh đầy ảo-giác thoái-hóa đó, tôi sợ rằng mọi
thiện chí và cố gắng xây dựng văn-hóa lành mạnh cho
hanh niên ta hiện nay, trên lý thuyết thì rất hay, nhưng sẽ
không đạt được kết quả như ý muốn trên thực tế.

Theo suy xét thiên cận của tôi, nên chờ đến lúc Hòa-
bình trở về với Dân-tộc, văn-nghệ cũng như chính-trị, xã-
hội, sẽ không còn bị chi phối nữa bởi những yếu-tố chiến
tranh. Chừng đó những người có tâm huyết và kinh
nghiệm đầy đủ hôm nay sẽ có tầm quyền và tư-cách hoàn
toàn độc lập để tạo lại trật-tự bình thường của mọi sự vật
mới và sự ổn định tinh thần của mọi người. Chừng đó,
đúng lúc khởi hành toàn diện, trong sự hòa nhịp chung
của toàn thể mạch sống quốc gia, của mọi hoạt động chánh
trị, văn hóa, kinh-tế, xã-hội, của các tầng lớp quốc dân.

Chứ bây giờ, thành thật mà nói, tất cả thiện chí cũ
thiện đều chỉ có tính cách là những thí-nghiệm, hoặc
những chấp vá tạm bợ mà thôi.

Giữa cảnh sống vô cùng bẽ-bối, hỗn-loạn, nhớp nhúa,
sặc những mùi xối thịt, dollar, láo, phét, lừa-gạt, giả-dối,
nịnh bợ, quyền lợi bè phái, cá nhân, làm thế nào tách
riêng Văn-nghệ ra để xây-dựng riêng một Văn-nghệ lành
mạnh ?? Dùng những sáo-ngữ màu mè tốt đẹp để tô-diêm
lại mặt tiền của lâu đài Văn hóa dân tộc, thì hai anh em
họ Ngô đã làm rồi. Nay muốn quét lại một lớp vôi mới

cũng chẳng sao. Nhưng tòa nhà đã đổ nát, đã bị bọn quỷ
dạ xoa, bọn Lucifer, của Văn nghệ cow-boys, văn-nghệ
blue jean, văn-nghệ snack-bar, văn nghệ «marie-phông-
ten», làm bản-thủ từ trong ra ngoài, từ trên trần xuống
sàn gạch, phá phách, đập đổ tất cả những thần-tượng
của Chân-Thiện-Mỹ, mà nói đến xây dựng lành mạnh thì
tôi sợ chỉ làm công việc đã trắng mà thôi. Lại thêm một
trò cười cho thế hệ. Bởi lẽ một là chỉ hô hào suông, hai là
thực hiện sẽ không có hiệu quả.

Hãy thông thả ! Đợi Hòa-bình trở về với Đất nước
hãy bắt tay vào việc, có lẽ thận trọng và vững chắc hơn.
Chiến tranh chấm dứt, đồng thời sẽ đương nhiên chấm
dứt tất cả những hiện tượng xấu xa, tồi bại, gò bó, do
chiến tranh cấu tạo. Chừng đó, chúng ta sẽ quyết liệt góp
sức vào cuộc quật khởi chung của toàn thể dân tộc. Mọi
hoạt động quốc gia sẽ ăn khớp với nhau, văn hóa, chính
trị, kinh tế, xã hội, không một ngành nào có thể tách riêng
ra toàn diện được. Sẽ có cuộc xây dựng tổng quát khắp các
lĩnh vực, trên căn bản nhân dân.

Còn bây giờ đang thời mạt đạo, ác-quỷ nhập tràng,
cứ để mặc cho chúng phá nhà cháy. Đuổi chúng chỉ mất
công toi. Đuổi chúng ra ngõ này, chúng vẫn nhập vào ngõ
khác. Và còn bao nhiêu loài quỷ-sứ, bọn A-tu-la, Ca-lâu-la,
Khôn-na-la, bọn Méphistophélès, Asmodées, Azazel, Lilith,
Démons... và bọn phù thủy đủ-loại, đồng mưu với quạ,
vói cú-mèo...

Một ngày nào đó Hòa Bình sẽ trở lại. Chúng ta sẽ

hoàn toàn tự-do, hoàn-toàn độc-lập, không bị chi phối bởi một quyền lực nào khác ngoài chủ-quyền toàn - vẹn của quốc - gia. Chúng ta sẽ có đầy đủ uy-tin và phương-tiện để thanh toán tất cả những yêu-tinh quý. quái đang lợi-dụng chiến-tranh loạn-lạc, và tình trạng nhược-tiểu của xứ ta không những dễ phá-hoại văn-hóa cao siêu mỹ-lệ của Dân-tộc, mà còn dễ lung đoạn khắp các ngành sinh-hoạt của đồng-bào.

Chừng đó, chúng ta sẽ hân hoan mở Đại hội Văn-hóa Dân-tộc, chắc chắn sẽ không muộn đâu.

■ N. V.



● KHI NHÀ VĂN NÓI PHÉT

Một hôm, tình cờ trong buổi tiệc, một độc giả hỏi nhà văn Sacha Guitry :

— Trong mấy chục quyền sách của ông đã viết, theo ý ông thì quyền nào hay hơn hết ?

Sacha Guitry bình thân đáp :

— Tôi không thể quả quyết là quyền nào, vì quyền nào của tôi đã viết cũng hay hơn hết.

● THỂ NÀ THỂ NÀO

Bố thằng Ngọng một hôm lấy quyền Album ra xem, và chỉ cho thằng Ngọng mấy tấm hình chụp ngày đám cưới Ba Má nó. Nó nhìn miết một hồi, bỗng đứng nó quay lại giận dữ hỏi :

— Thế nà thể nào ? Sao hôm đám cưới của Bố và Bu. Bố không cho con đứng chụp hình chung với Bu và Bố ! Thế nà thể nào ?

NGAI VÀNG KHÔNG LƯU DANH ĐƯỢC CÁC ÔNG VUA TRONG LÒNG NGƯỜI DÂN VỚI THIÊN CỒ, NHƯNG TÌNH THƯƠNG NỒNG NHIỆT VÀ THÀNH THỰC GIỮA NHỮNG KẺ BIẾT THÔNG CẢM VỚI NHAU XÓT XA NHAU TRÊN SỰ ĐAU KHỔ THÌ BẤT DIỆT

B A C H
C Ủ - Đ I

D Ư Ớ I C O N M Á T
C H Ú N G T A

○ PHẠM-VĂN-SƠN

TH E O quan - niệm phong kiến con người vừa mở mắt chào đời đã có nghĩa quân thân. Với chúng ta ngày nay, quan niệm này đã lỗi thời mà nghĩ cho rộng rãi, cho hợp lý, cho thực tế hơn thì con người lọt lòng mẹ ra đã có xã hội tính, đã là một phần tử xã hội (*être social*). Vì thế, con người khôn lớn lên phải có bổn phận đóng góp với sự sống còn, thịnh suy của xã-hội.

Đạo-dức, luân lý Đông, Tây xưa cũng như nay vẫn khuyến cáo con người nhiều trường hợp phải quên mình cho nhà, cho nước. Ấu đó cũng là một ý - niệm tương đồng với ý-kiến trên đây.

Con người chúng ta càng quảng đại bao nhiêu thì nhất cử nhất động phải nghĩ đến tập thể bấy nhiêu và không có gì bỉ - ổi hơn là những hành động vị kỷ.

Trên lãnh vực văn học

nghe-thuật đối với chúng ta những nhà văn nhà thơ chỉ nói đến cái « tôi » của họ không thể làm ta quý mến nhiều như với những văn nghệ-sĩ đã biết xếp bỏ cái « tôi » nhỏ nhen chật hẹp mà chỉ nghĩ đến đại chúng, thông cảm với mọi người để cùng sống, cùng phát triển trong một ý-niệm hòa đồng.

Hôm nay chúng tôi xin giới-thiệu Bach-cu-Dị một thính-hán đời Đường, sinh vào thế-kỷ thứ 9 sau C.N. đã khác hẳn đa số tuyệt đối thi nhân cả đời trước và cả các đời sau do ông đã đi sâu vào hiện thực và quần chúng.

— Vì sao ông đi sâu vào hiện thực và đại chúng ?

— Xin trả lời, vì ông là kẻ có lòng, có tinh thần vị tha, biết phục vụ những gì cao cả mà đạo Khổng gọi là lòng Nhân, đạo Phật là lòng

từ bi, hỷ xả, đạo Thiên chúa là Bác-ái.

Cái bối cảnh xã-hội thử thời (thời Trung Đường) vô cùng đen tối, trật tự quốc-gia ngửa nghiêng, nhân dân đói khổ, chánh quyền vô trách nhiệm đã tạo cho ông một tinh thần đối kháng với cường quyền, với cái giàu ích kỷ và lòng thương xót những đám dân cùng khổ.

Điều đặc biệt ở con người họ Bach là ông tuy dự hàng quan liêu nhưng không vì cái thành phần xã-hội cao-quý (theo quan niệm phong kiến) mà xa lìa quần chúng trong khi nhiều kẻ khác khi đã nắm được một địa-vị tốt đẹp chỉ biết có a - dua, phe đảng với kẻ mạnh để lấn áp đồng bào cho vinh thân phì gia, ngoài ra còn tự coi mình là thần thánh, khinh rẻ những kẻ bình dân như cỏ rác...

★ Vài hàng tiểu sử của Bach-cu-Dị

Bach sinh năm 772 sau Công-nguyên, tự là Lạc - thiên, quan ở Thái-nguyên, tỉnh Sơn Tây, đậu Tiến sĩ, năm 34 tuổi được bổ làm Huyện-úy Chu - chỉ là một thị trấn thuộc tỉnh Thiểm-Tây. Gia đình ông cũng là gia đình quan lại nhưng rất thanh bạch. Ông lớn lên trong cảnh bần hàn, ly loạn nên đã bị trôi dạt xuống Giang-Nam, Tô-Châu và Hàng Châu từ năm 14 tuổi.

Ông đã đánh dấu cuộc đời lặn lội này bằng bốn câu thơ trong bài «*Chiều thu trên đường về Tây*» như sau:

«*Ngựa gầy quần áo rách,*
«*Xa nhà đã ba đông,*
«*Muốn về nhưng ngao ngàn.*
«*Sở lực không một đồng...*»

Tuy cuộc sống lao đao, cơ cực ông vẫn chăm - chỉ đèn

sách để thành tài, như vậy đủ hiểu ông là người rất có chí vậy.

Trong thời ông làm quan ở Thiểm Tây, ông luôn luôn lần mò vào các nơi dân chúng, tiếp xúc với mọi ngành để hiểu tình dân hầu tránh những sự sai lầm, do đó dân rất được nhờ, và về phần ông vì có sự cảm thông với cảnh bần hàn của đám dân nghèo, ông đã sáng tác được rất nhiều thi văn có giá trị về thực tế. Tỉ dụ : bài *Gặt lúa, Cảnh rét trong thôn xóm, Nộp thuế*, v.v... Ông ký thác vào các lời thơ những tình cảm thiết tha, thống thiết mà nếu là người không có lòng nhân đạo thì không thể viết nên được.

Ông ở Huyện một năm thì được chuyển về Kinh làm Hàn-lâm học-sĩ và năm sau đổi sang chức Tá-thập-

di tức Ngự - sử - quan. Tập đoàn phong kiến nhà Đường bấy giờ hết sức mục nát. Nhà vua chỉ tin dùng các hoạn quan, triều thần thì năm bè bảy bối: Lý cát Phủ và Ngưu tăng Nhạ mỗi người cầm đầu một đảng phải lấy bọn Nội-thị, Thái giám làm vây cánh và nội công.

Bạch không tham gia với bọn gian, chỉ biết làm nhiệm vụ và thường đưa ra những lời can gián khiến vua bực mình, các đồng liêu tức giận oán ghét.

Trong dịp này Bạch làm nhiều bài thơ châm biếm như bài *Khinh phi* (béo nhẹ) bài *Hắc đàm long* (Rồng đàm đen) *Túc Tử các sơn* (ngu trọ trên núi Tử-các) v.v... là những nhát búa tạ giáng vào bọn cường quyền, bọn lừa vua dối dân và bọn nhà giàu ích-kỷ.

Năm 811 mẹ chết, Bạch xin nghỉ về cư tang. Mấy tháng sau ông lại bị một việc đau buồn không kém nữa, đó là cái chết của con gái, người con độc nhất của ông. Ông buồn hơn bao giờ hết nên hàng ngày theo nông dân ra đồng cũng cầm cây, cầm bừa dắt trâu như họ cho khuấy khỏa tinh thần. Ông đã làm được bài « *Người nhất cử địa hoàng, Chiếc áo mới may, Thuồng trạch* v.v... trong thời gian này.

Mãn tang, Bạch trở lại triều. Bọn gian nịnh đây ông ra khỏi công tác gián quan và cử ông sang làm Tân thiên đại phu là một chức dạy dỗ các hoàng tử. Vậy mà vào 815 ông vẫn cương quyết can thiệp vào vụ Vương-thừa-Tôn và Lý sư-Đạo âm-mưu ám sát Tể tướng Võ-nguyên-Hành và

Ngự sử Bùi-Độ. Đồng lõa với Vương và Lý là bọn hoạn quan.

Phản-ứng của chúng dĩ-nhiên phải có và chúng đã thành công trong việc tống ông đi xa với chức Tư-Mã Giang Châu. Thế là cái hoài bão « *Tri quân trạch dân* » của ông tan ra mây khói rồi sự thất bại chán chường của ông được diễn tả trên bài « *Tỳ bà hành* » qua tâm sự và tiếng đàn ai oán của người kỹ-nữ già trên bến Tâm-dương.

Bạch mất vào năm 846 tại Lạc-dương sau những thời làm Thứ-sử ở Trung châu, Hàng-châu và Tô-châu. Xét đời làm quan của Bạch là cả một chuỗi thời gian bất mãn, đầy uất hận bởi chí nguyện bình sinh của ông là giúp dân giúp đời chẳng được toại.

Nếu ông được phần nào sự an ủi đó là lòng quý mến của nhân dân, những

kẻ đã chịu ơn ông rất nhiều. Thật ra các chức vị của ông đã chẳng là những con mưa lớn để giải hạn cho khắp vùng trời, nhưng lòng ưu ái của ông thì vô biên và người dân thường thường chỉ cần ở tấm lòng của ông quan cũng cho là đủ. Chẳng vậy, sau khi Bạch qua đời dân chúng đã lấy tên ông để mệnh danh một con đê chạy dọc theo Tây hồ, gọi là Bạch đê cho tới ngày nay Ngai vàng không lưu danh được các ông vua trong lòng người dân với thiên cổ, nhưng tình thương nồng nhiệt và thành thực giữa những kẻ biết thông cảm với nhau, xót xa nhau trên sự đau khổ thì bất diệt, nhớ nhau hoài, thương nhau mãi là vì vậy. Như thế dân có « *bất nhân* » chăng? (1)

(1) *Tục ngữ* có câu « *Bạc lờ dân..* » xét ra vô lý, họa ra chỉ có quan là bạc mà thôi!

thuở bình sinh Bạch làm
 rất nhiều thi ca dưới
 mọi hình thức. Người ta
 được của Bạch tới 2800
 có thể nói ông đứng
 đầu trong thi nhân
 quốc về năng lực
 tác và về giá trị thi tác
 của ông cũng hết sức
 biệt, khó ai bì do nó
 về loại độc đáo. Quả
 trong khi người ta than
 khóc gió, ngâm hoa
 nguyệt hay ca tụng vua
 a, các nàng phi để được
 sủng của vua chúa hay
 tình của những kẻ
 quyền thế thì Bạch chỉ
 nhìn xuống những người
 khổ, những kẻ nghèo
 và nói lên những niềm
 hận thay họ. Dưới thời
 n chủ độc tôn, phong
 cực thịnh loại thi ca
 Bạch đáng kể là nguy
 m, tai hại cho kẻ sáng tác
 thể mà hoạn lộ của
 ch đã điêu linh,

lận đận. Nhưng con người
 đã có vững trong lòng chủ
 trương cất lên những tiếng
 rên la của kẻ nghèo, bênh
 vực những người kém thế
 và ngược lại, dám chống lại
 bọn thống trị thì có ngại gì
 búa rìu của những chế độ
 phi dân. Ngoài ra phải đầu
 Bạch không biết rằng hành
 động của mình sẽ gây thù
 gây oán với những người
 đang cầm quyền sanh sát,
 và như thế là tiêu cực.

Xét ra nếu Bạch tiêu cực
 thì đã không đi với đám vua
 quan mặc dầu ngay thuở đó
 Bạch đã được trông thấy cái
 thối nát của Đường - tráo.
 Nhưng đạo Nho đã dạy con
 người phải mạnh dạn bước
 ra phục vụ xã-hội thì không
 được lẩn tránh nhiệm vụ
 đầu sẽ gặp nguy hiểm, khó
 khăn. Vì thế Bạch đã hăng
 hái gia nhập cái thương tầng

kiến trúc hủ hóa, suy đốn,
 đã cương quyết trên nhiệm
 vụ gián quan, đưng đầu
 với bọn gian thần và hoạn
 quan đang nắm tru thế chôn
 miếu đường. Nhưng Bạch đã
 thua trên trận tuyến này,
 âu cũng là số phận chung
 của những người lòng ngay
 dạ thẳng. Rồi Bạch xoay
 qua lĩnh vực khác để chiến
 đấu, đó là lĩnh vực văn hóa
 nó thường là con đường rút
 lui của những kẻ thất bại
 chính trị.

Nay coi văn thơ của Bạch

ta có cảm tưởng nó là những
 mũi kim nhọn đâm vào lũ
 vua quan tham tàn ích - kỷ.
 Người sáng tác ra nó phải
 kể là những chiến sĩ, những
 kẻ cầm tử bới thuở quân
 quyền còn đang cực thịnh,
 một lời nói, một câu thơ
 công kích, mỉa mai vua quan
 cũng dễ đem lại cái họa
 mất đầu. Chúng ta có nghĩ
 như vậy mới thấu triệt được
 tâm sự của người xưa và
 xác định được giá trị con
 người và sự nghiệp của họ
 vậy...

(còn tiếp kỳ sau)



● LỜI HAY Ý ĐẸP

● *Nghe nhiều, hỏi nhiều, nói ít, nói lịch sự, khiêm
 tốn, êm dịu, hợp lý : Đó là xương sống của thuật xã-giao
 và gây thiện cảm.*

Manwater

● *Ngôn thủ oán giả tự họa dã : Lời nói mang oán
 là tự mình gây họa.*

Tố-Như

nhà
bà
BA



Truyện ngắn * LAN-ĐÌNH

S AU bữa cơm tối, cả nhà ai cũng ngồi nín lặng, hể nhìn nhau lại nghe ngóng vu-vơ. Đêm nay hình như trời chuyển gió Đông, bởi vì lâu lâu tiếng xe đồ từ mạn quốc lộ, mãi ngoài xa, vẫn vọng vào xóm, nghe rõ mồn một.

Chị Hai hít xong một hơi thuốc lá sâu kèn, vừa thỏ ra vừa nói, giọng khàn khàn :

— Lương tháng ba ngàn thòi bây giờ ăn tiêu sao đủ ?

Chẳng ai trả lời. Chị Hai cũng làm thỉnh nốt, để ngẫm nghĩ một mình. Chị hồi tưởng về quãng đời xa xăm, chị chưa góa chồng, còn dư dả, đã chơi tứ sắc, mỗi chén ăn

thua hàng nghìn bạc. Bây giờ chị đã đứng tuổi. Kể như hết thời vui chơi rồi, lại túng thiếu nữa, nhưng chị vẫn cho rằng con số ba ngàn quả thật còn ít quá.

Chị Hai còn hít một hơi thuốc lá, nói qua làn khói :

— Thiệt chớ, ba ngàn thòi bây giờ có ăn nhằm gì ?

Giỗ con ngủ xong, chị Tư trở ra nhà ngoài, vẫn mặc nguyên bộ quần áo mới may, cái áo bà ba tím ngắt, quần lĩnh thả chùng, lưng thụng bóng loáng. Chị lách ngời xuống một chỗ còn trống, nghiêng ghế bần khoắn. Khuôn mặt chị tròn quá đến gần hẳn đi, chiếc mũi chun vào — vì bần khoắn — gọn thành những nếp răn làm cho vàng trán đã tối hẹp càng tối hẹp hơn. Chị bần khoắn quá thành ra nhăn nhó Bất chợt chị bật cười, giọng nói còn đượm tiếng trẻ con, chưa đáng làm mẹ chút nào :

— Hăm lăm tuổi mà còn nhỏ cái giống gì chớ ?

Cũng chẳng ai trả lời. Chị Tư đành tính nhằm, mình về làm dâu nhà này từ năm mười sáu tuổi, đã dễ được con Bè biết đi rồi, sẩy một lần, và hiện thòi lại đang có mang nữa. Cho nên chị không thể quan niệm được rằng Hoa còn nhỏ.

Chị Hai xốc thẳng Tý, đặt vào lòng, âu yếm vuốt tóc con, cái đầu chỉ bé bằng quả dưa ếch, nhọn hoắt. Hương về phía bà hàng xóm, chị Hai nheo mắt kénh kiệu :

— Nè cô Mùi, đầu nhỏ thì làm sao ? Khôn lắm hả ?

Cô Mùi nhún vai một cái :

— Chớ gì ! Thằng này nhất định làm lớn.

Gọi « cô » Mùi là quen miệng từ hồi bà hàng xóm còn trẻ, lấy Tây.

Vả chăng, bây giờ tuy đã ngoài năm mươi tuổi, nhưng bà hàng xóm vẫn trung diện một cách con gái, và càng trung diện càng khó coi, tóc ngắn cũn cỡn, bộ mặt lưỡi cày đã nhẽo ra, không ăn phần nữa, cái mồm cá ngạo rụng hết răng mà lại đánh môi son trông môi thiếu nảo như bôi hề chứ không phải làm đom.

Cô Mùi nhún vai thêm cái nữa :

— Hăm lăm tuổi thì còn nhỏ thiệt chứ ! Tôi cho người Pháp thiệt văn minh, hồng ai lập gia đình sớm. Mà có điều đậu trung học là đậu đíp-lôm hồi xưa đó. Tôi cũng có đíp-lôm nè ! Đíp-lôm hồi xưa giá trị bằng mười đíp-lôm bây giờ. Bởi vậy bữa trước có thằng cha mượn tôi làm «la-dô» trong sân bay, mà tôi từ chối. Minh già rồi, nó đòi thế nào cũng «sa va» đi !

Thằng Tám ngẩn ra, ngó sững cô Mùi. Xưa nay nó vẫn khiếp phục cô Mùi qua những câu nói có chêm tiếng Pháp như vừa rồi. Mỗi lần nó hóng chuyện, thế nào đôi mắt cũng đại hấn đi, mồm há ra, cả hai bàn tay cũng lật ngửa, tỏa rộng một cách bỏ quên. Người ta bảo Tám khôn ngoan nhất nhà, nhất xóm, chỉ vì trông nó trắng trẻo, sáng sủa. Nhưng nhìn kỹ mới thấy Tám đoảng cái lưng làm biếng dài thườn thượt, lại thêm tướng đi ưỡn ẹo, hai bàn chân bước vào nhau rồi vật xuống huỳnh huých, hai cánh tay cũng văng chéo vào nhau làm cái mình vắn qua vắn lại. Nó đi như chẳng muốn đi chút nào.

Bà Ba nhả miếng trầu cầm tay, ngắm nhanh, rồi lại đưa mồm, ngậm hờ ở mép, một bối to tướng bằng quả bàng khô. Từ ngày tái giá với ông Quán, hình như chưa bao giờ bà gặp trường hợp khó xử thế này. Khó xử hơn cả trường hợp bước thêm bước nữa của bà.

Bà Ba lấy chồng năm 19 tuổi, để một thời liền tiếp sau con, chết mất hai người—chị Ba và cô Năm—rồi góa chồng năm hai mươi bảy tuổi. Bây giờ ông Quán còn tại ngũ, giữ chức trưởng đồn canh nhà tù trong tỉnh. Ngẫu nhiên, bà Ba vừa góa chồng, thì ông Quán cũng góa vợ. Ông Quán đã theo đuổi bà Ba suốt bốn năm liền. Khi nhu, ông kể lẽ «đoạn trường gà trống nuôi con». Khi cương, ông đón đường, võ đánh «đét» bao súng lục đeo kè kè bên cổ bụng phê «nếu không chịu thì chết cùng chết»!

Hai người «rồ rá» cap lại. Thật khó xử. Cả đôi bên đều có con riêng. Cuối cùng họ quyết định nhà ai người ấy ở, con ai người ấy nuôi, nhưng phải qua lại hàng ngày với nhau, trao đổi một vài món ăn, chẳng hạn bát canh, khúc cá...

Nhưng hai giòng con khác cha khác mẹ đối với nhau vẫn cứ khinh khỉnh. Tuy rằng trước mặt chú đương hay đi ghê, họ còn cố giữ bề ngoài tự nhiên. Được thế là nhờ oai bà Ba nhiều hơn. Bởi vì phía bà mới đòng con, tới bốn người, họ bay về hùa áp đảo hai anh em Đậu, Hoa con ông Quán. Mỗi lần có sự xích mích, chẳng cần biết phải trái, bà Ba cứ đánh suốt lượt, từ chị Hai xuống đến cậu Bầy Bà phàn trần, tuy mình có lỗi tình với ông chồng chết, nhưng lại có công nuôi đậu lũ trẻ, không hao hụt đi đâu đũa nào, đương nhiên bà vẫn còn đủ quyền hành làm mẹ.

Mãi đến khi ông Quán, bà Ba có đứa con chung, thằng Tám, hai nhà mới trở nên thân mật đôi chút. Hồi còn bé, thằng Tám kháu khỉnh, dễ thương, nó chạy qua chạy lại, tình cờ đã giàn hòa được đôi bên các anh, các chị.

Lâu lắm mới nghe chị Hai nói vụng « con Hoa người gì mà to con hồng kém gì ông ». Ý chị muốn mỉa Hoa cao lớn như ông Quân, tức con gái giống bố thì xấu. Cũng lâu lắm mới nghe anh Tư chế Dậu hay nói chữ, bằng cách nhệch mồm nhại lại « muốn gì thì bành trướng nó ra, đừng có trướng kỳ nữa » !

Nhưng chẳng đáng gì. Cho đến mấy hôm nay bà Ba mới gặp phải trường hợp khó xử này.

Thêm lần nữa, ông Quân lại gật gù, nghĩ thầm « thằng Dậu nói có lý ». Dậu bảo « nhà mình sang trọng thế này, sao con Hoa đi ung thẳng đó, mới đậu Trưng học, làm tháng có ba ngàn ».

Ông Quân đảo mắt một vòng khắp phòng khách. Trong ánh đèn măng xông sáng quắc, quả thật ông nhìn đâu cũng thấy sang trọng. Cái bàn tròn lót kính sơn trắng kê với đôi trường kỷ gỗ gu, chân quỳ ! Trên nóc tủ gương, tượng Quan Công bằng đồng ngồi giữa tượng ông Phúc và Lộc bằng sứ ! Hai bộ hoành phi và câu đối kia nữa...

Không hiểu ông Quân đã lấy đâu mấy bức chữ nho này, rồi ghép nhảm tứ tung. Gian nhà ngoài, trên xà ngang treo hoành phi « tích tụ kim hoa », và hai cột treo câu đối « Bạch tuyết kính trung song thọ diệu » với « Thất nhập chi lan hưng giữ hóa ». Chỗ bàn thờ : « Cửu nhi kính », « Đinh tiền sơn thủy sắc câu sinh » và « Bích đào tử lý nhất thiên hương ».

Có lẽ ông Quân đã lẫn lộn chỉ vì cái nào cũng giống cái nào, sơn thên, khảm chai.

Nhưng ông Quân cảm thấy bành diện nhất là cái khung kính ở bức tường trước mặt, tấm bằng về hưu, chữ Tây rỗng châu mặt nguyệt.

Bất chợt, ông Quân đứng bật dậy, vừa bước ra vừa nói:

— Dậu mày coi chừng nó, tao qua kêu vú mày để bà giải quyết.

Cả nhà đang ngồi nhìn nhau, thì ông Quân xô cửa, lù lù đi vào. Bà Ba vội vàng sửa lại dáng ngồi, cái củ chỉ vồn vã :

— Sao, con nhỏ có bớt không ?

Ông Quân còn lặn lội húi tìm chỗ đặt cái đèn bão đem theo, chưa kịp trả lời. Dậu hiện ra đột ngột ngoài hiên :

— Cha ! Bớt ! Nóng còn hơn lửa !

Ông Quân giạt nẩy mình, ngoảnh nhìn :

— Thằng quỉ, đã biểu mà mày để nó một mình ở bên, hả ?

Ông vờ nhanh cái quạt nan, vut lia lia. Dậu biến mất ngoài đêm. Chị Tư, thằng Tám và cu Tý cười vang. Bà Ba quát lớn :

— Có im không hay !

Ông Quân uể oải ngồi xuống chiếc ghế bành, chiếc ghế dành riêng cho ông hàng chục năm rồi, hai khuỷu tay thì trên hai đầu gối, hai bàn tay ấp kín chung quanh bát nước chè :

— Coi mồi con nhỏ thương thằng đó quá cỡ. Đại quá. Mà mới hăm-lăm, còn con nít, biết gì !

Chị Hai vừa vắn xong điều thuốc sâu kèn, xéch quần đứng dậy :

— Rõ nực !

Bà Ba lại sửa裳 ngồi, chân xếp bằng tròn, tay thủ trong vạt áo, bộ tịch oai nghiêm :

— Mà nói ai nực ?

Chị Hai thủng thẳng với lên bàn thờ, cầm chiếc đèn dầu tây, châm thuốc, hút một hơi dài, giọng khản đặc :

— Chớ không nực sao ? Hăm lăm mà còn con nít à ?

Bà Ba ném nhanh cái bã trầu vào xô tối :

— Ngu ! Nói như mày thì làm chi có chuyện ?

Ông Quán ngừng lên, lừ mắt về phía chị Hai, rồi lại cúi xuống, dăm chiêu với bát nước. Chị Hai đứng dựa vai vào chiếc cột, chân vắt chéo, mặt vác hẳn lên. Có Mùi xua tay rối rít :

— Hai ơi... cái vấn đề « la-mua » nó kỳ cục lắm !

Đang tức bà Ba, chị Hai được dịp xả xối :

— Thôi dẹp đi ! Tôi không biết tiếng Tây ! Hay dữ mà làm le hoài !

Có Mùi tiu ngầu, nín thính. Chị Tư và mấy đứa trẻ bung miệng, nín cười. Đột nhiên bà Ba cười phá lên :

— Ngộ há !

Được thể, chị Tư và mấy đứa trẻ lại cười rữ. Ông Quán chép miệng :

— Bộ sướng lắm sao mà bay cười dữ ?

Bà Ba vội vàng lập nghiêm :

— Tội nghiệp con nhỏ...

Vứt mạnh mẩu thuốc, chị Hai ngoắt vào nhà trong :

— Uýnh cho một trận cho hết ngựa, chớ tội nghiệp gì !

Bà Ba chộp nhanh chiếc guốc, ném chị Hai, nhưng hụt, chỉ trúng cái thùng rỗng kêu một tiếng xoảng ! Ông Quán dấm tay xuống bàn làm bát nước nảy lên, sóng ra :

— Nó tư thù cá nhân gì con Hoa, nói cho tao biết !

Bà Ba lật đật đứng dậy, giắt tay ông Quán cùng đi ra :

— Ông để tôi tinh cho.

Đêm đã về khuya. Gió nổi hơn, khua dài theo những mái tranh kêu sào sạc, nhưng không nghe tiếng xe đồ ngoài quốc lộ vọng vào nữa. Ngọn đèn bão in bóng trong vũng nước mưa lác lổng, chập chờn.



★ THI SĨ LÃNG TRÍ

Thi sĩ X. có tiếng là người lãng trí thượng hạng. Một buổi sáng thứ hai, chàng ngủ dậy, sực nhớ chiều thứ Bảy có bà Nghị viên mời dự tiệc mà chàng quên đi. Chàng thi sĩ vội lật đật cầm máy nói lên gọi bà Nghị viên :

— Xin lỗi Bà Nghị, thật tôi vô cùng ân ân hận vì chiều thứ Bảy rồi tôi không đến dự tiệc được. Thế nào Bà cũng tha lỗi ẻo tôi nhé, và lần sau tôi xin chuộc tội...

Bên kia đầu giây im lặng một lúc, rồi bỗng có tiếng cười dòn, đáp lại :

— Ông thi sĩ của tôi quên rồi đấy, vì chiều thứ Bảy ông có đến dự tiệc mà !

CAM - LA

* THIẾU - SƠN

CA M - LA là cháu của Cam-Mậu, một cựu-thần của nhà Tần. Mới 12 tuổi đã tỏ ra khôn-ngoan mưu trí, thông hiểu chuyện cổ-kim và rất am tường tình-hình trong nước và ngoài nước. Cam-La xin vào làm môn khách của Văn - Tính - Hầu Lữ - bắt - Vi nhưng họ Lữ không mấy đề ý đến vị môn-khách này vì chê nó là con nít.

Tần-Vương chánh muốn đánh Triệu đề báo-thù và cũng đề mở-

mang bờ cõi. Thái-Trạch đề-nghị phải liên-kết với nước Yên đề cô-lập nước Triệu vì nếu đề Yên theo Triệu thì khó đánh. Vua Tần đồng ý và cho Thái-Trạch đi sứ qua Yên đề-nghị vua Yên cho Thái-tử Đan qua làm con tin bên Tần rồi Tần sẽ gởi một Đại-thần qua làm tướng bên Yên, hai nước sẽ hợp sức lại đánh Triệu thì thế nào cũng thắng. Vua Yên tán-thành đề-nghị đó vì Yên nhiều lần bị Triệu xâm-lấn nay cũng muốn trả

thù. Hơn nữa, liên-minh với một cường-quốc như nước Tần là một điều mà tất cả những nước nhỏ yếu đều ham muốn.

Thái-Trạch đi sứ thành công. Thái-tử Đan qua làm con tin nước Tần. Nhưng còn vị Đại-thần gởi qua làm thừa-tướng bên Yên nay phải lựa ai đây ? Lữ-bắt-Vi muốn lựa Trương-Đường nhưng họ Trương từ chối mà nói rằng : « Tôi nhiều phen cầm binh đánh Triệu, nước Triệu đã thâm oán tôi rồi. Qua Yên tất phải đi ngang qua Triệu và chắc chắn là Triệu không tha tôi. Vì thế mà tôi không đi. »

Lữ-bắt-Vi đã năng ni đôi ba phen không được nên về phủ đệ ông có vẻ lo buồn.

Cam-La thấy chủ buồn liền rón rén tới bên thưa rằng :

— Xin Thượng-phụ chớ chấp trách con là một đứa trẻ thơ. Con coi ý Thượng-phụ có vẻ khác thường tỏ ra có điều lo nghĩ. Người ta sợ dĩ cần môn-khách là đề chia sự tru-hoạn với chủ. Bây giờ chủ có việc mà không cho ở hay thì đầu óc có muốn hết lòng với chủ cũng không biết làm

sao được.

Lữ-bắt-Vi liền chép miệng thở dài mà nói cho Cam-La biết về vụ Trương-Đường không chịu đi Yên. Cam-La liền nói : « Việc nhỏ mọn đó sao Thượng-phụ không nói sớm ? Thôi để tôi xin qua nói với Trương-Khanh cho ? » Bất-Vi cả giận nạt rằng : « Ta thân hành qua nói còn không được. Mày là một đứa con nít, nói ai mà nghe. Thôi, đi đi ! »

Cam-La nói :

— Xưa Hạng-Thác mới 7 tuổi, Đức Khổng-Tử còn tôn là thầy. Bây giờ tôi lớn hơn Hạng-Thác 5 tuổi. Thử cho tôi đi đã, như không thành-công thì nạt tôi cũng chưa muộn gì. Sao Thượng-phụ quá nóng-nảy và khinh thường thiên-hạ như vậy. »

Bất-Vi liền đổi giận làm vui, tỏ lời xin lỗi và hứa sẽ trọng thưởng nếu Cam-La thuyết phục được Trương-Đường.

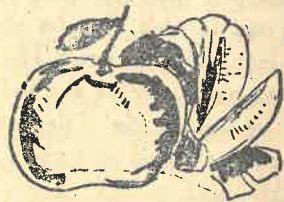


Trước hết Trương-Đường cũng tỏ ra khinh thường Cam-La nhưng liền bị Cam-La làm cho ông phải kinh ngạc. Cam-La hỏi :

minh mưu-trí vượt mức như thế được. Không nên đem Hạng Thác mà so sánh với Cam-La, vì chuyện Hạng Thác mới khó tin chớ Cam La 12 tuổi đầu và, ở cỡ tuổi đó Lịch sử đã ghi nhiều vị thần đồng làm vinh dự cho loài người. Nhưng điều đáng làm cho ta phải suy nghĩ là làm sao một đứa trẻ 12 tuổi mà đã có lòng nham hiểm như Cam-La.

Cam-La gở rối cho Lữ-bất-Vi, cho Trương Đường là có công với những người này. Điều đó không ai chối cãi được. Nhưng chính Cam-La đã đổi ngược thế cờ của vua Tần. Vua Tần muốn tạm thời liên minh với nước Yên để đánh Triệu. Nhưng Cam-La đã khiến cho Triệu thần phục Tần để đánh Yên, lấy được 30 thành của Yên, chia cho Tần 11 thành còn 19 thành giữ lấy cho mình. Thế là Tần không phải động binh mà vừa được đất của Triệu, vừa được đất của Yên khỏe biết mấy. Như tôi vẫn thường nói, về chính trị không có vấn đề tình cảm. Vua Tần thù Triệu và thật tình muốn giao hảo với Yên để đánh Triệu. Nhưng khi Triệu đánh Yên, để chiếm đất chia cho mình thì Tần chẳng những không cứu Yên mà cũng không hề mảy may thương xót

Hơn nữa, Tần sẵn sàng đoạn giao với Yên mặc dầu người ta đã gởi con tin cho mình. Tâm-thuật của hạng bá chủ là như thế. Tâm-thuật của bọn Đê-quốc ngày nay cũng như thế.



Nhưng lợi cho Tần mà có lợi gì cho Triệu? Tần muốn tiêu diệt tất cả, thôn tính tất cả. Sở đất mà Triệu dâng cho Tần giữ được, nhưng phần đất mà Triệu thôn tính của Yên thì Triệu sẽ giữ được bao lâu nữa? Yên muốn dựa vào Tần để đánh Triệu là ngu. Nhưng Triệu theo Tần để đánh Yên cũng không hơn gì. Yên yếu đi thêm mạnh cho Tần mà khiến cho Triệu càng ngày càng bị cô lập đến nỗi cuộc cũng sẽ là miếng mồi ngon của Tần.

Đáng lẽ những nước yếu phải liên minh lại để đối phó với Tần theo thuyết hợp tung của Tô-Tần. Đằng này anh nào cũng muốn dựa thế Tần để được yên thân

nhứt thời và dễ khuynh-loát lẫn nhau làm lợi cho Đê-quốc.

Số phận của Yên, Triệu và những nước nhỏ ở thời chiến-quốc trước sau đã quyết định rồi, hết thảy đều bị Tần thôn-tính.

Nhưng ở đây, đáng lẽ Yên theo Tần và Triệu phải làm mồi cho một cuộc xâm-lăng. Nhưng Cam-La đã lật ngược thế cờ để cho Yên thật tình muốn yên thân mà lại chịu hy-sinh trước do sự lật-lọng của một nước đàn-anh. Dầu là bá chủ, dầu là đê-quốc cũng phải

giữ một hình-thức ngoại-giao tối thiểu, một chút thế thống và liêm sỉ. Ai đời vừa hứa đó rồi quýt ngay đó, vừa giao-hảo đó rồi đoạn giao ngay đó thì thật là trắng-trợn và đều giả vô-cùng.

Cái nó làm cho ta kinh-ngạc là cái tâm lý đều-giả đó lại ở trong một đứa con nít mới mười hai tuổi đầu. Ta đã ghé thăm về lòng dạ người chiến-quốc. Ai dè lòng dạ một đứa con nít ở thời này cũng làm cho chúng ta phải ghé thăm.



★ TẢ CẢNH MỘT GIA ĐÌNH NGHÈO

Thầy giáo bảo học trò làm một bài luận với đầu đề: « tả cảnh một gia đình nghèo ». Trong số học sinh có em Lê-văn-Giàu, con trai cũng một nhà tỷ phú tả như sau:

« Ở một thành phố nọ, có một gia đình rất nghèo. Ông cha cũng nghèo, bà mẹ cũng nghèo, người con trai nghèo, người con gái cũng nghèo, anh tài xế nghèo, chị bếp nghèo, ai cũng nghèo cả. Đến con chó, con mèo nuôi trong nhà cũng nghèo...»

g i a o c a m

Mến gửi anh PHONG SƠN, tác giả
thi-tập «Trắng Canh Tâm Sự»

đi trong phố thị mưa buồn
hồn theo phiêu lãng, dậm nguồn vút xa
thương yêu dù đã tha ma
Gió trắng dù đẽ bi-ca thể-tinh
đời còn vững chí trường-chinh
thì còn nhiều rượu ly-đỉnh đó anh...

nhạc buồn như nỗi đêm đêm
làm sao gục mặt cho quên hận sầu !
núi sông chừ chuyện bể dâu
đau thương chừ chuyện giang-đầu ngóng trông

dù chưa thắm một vầng đông
vẫn còn thắm nụ hoa hồng trong tim
« đôi lòng ăn nửa trái sim
uống lưng bát nước đi tìm người thương »
đây thôn xóm, đó phố phường
dù cho lối hẹp, đường tròn, một lòng...

cho vườn tình nở rộ bông
thì xin góp sức vun trồng mầm xanh..

★ P.T.K.H

PHONG - KIỀU

ĐẠ

BẠC

« NỬA ĐÊM NGHE
TIẾNG CHUÔNG
CHÙA HÀN SƠN »

★ NGUYỄN-TỬ-QUANG

« *Nửa đêm nghe tiếng chuông
chùa Hàn-sơn* ».

là câu thơ dịch của cụ Trần-trọng-
Kim, do nguyên văn câu :

*Cô tô thành ngoại Hàn-sơn tư
Đạ bán chung thanh đảo khách
thuyền* »

trong bài « *Phong-Kiều dạ bạc* »
của thi hào danh tiếng Trương Kế
thời Thịnh Đường (715-766) ở
Trung Hoa. Nhân một đêm
thuyền ghé bến Phong kiều ở huyện

Ngô, tỉnh Giang-tô, tác giả vì
mang nặng nỗi u-hoài trước một
ngoại cảnh thê lương gợi cảm,
nên đề dòng cảm xúc của mình
thành một bài thơ tứ tuyệt :

« *Nguyệt lạc, ô đề, sương
mãn thiên,
Giang phong ngư hỏa đối sầu
miên.*

*Cô tô thành ngoại Hàn-sơn-tự.
Đạ bán chung thân đảo khách
thuyền* »

Lời thơ bị thiết áo não làm sao!

Đã có biết bao người thuộc nằm lòng, vì mến phục, yêu chuộng cái tài hoa phong phú của tác giả. Và, cũng vì cảm xúc thi tứ, yần tãi nên những danh sĩ ta, có nhiều người dịch ra quốc văn. Trông cũng cần trình bày ra đây để bạn đọc thường thức và lấy làm tài liệu.

Ngô Tất-Tố dịch :

* Quạ kêu, sương tỏa, trăng lui,

Đèn chài, cây bãi đối người năm khô.

Chùa đầu trên núi Cô-tô,

Tiếng chuông đưa đến bên đò canh khuya »

Trần Trọng-Kim dịch :

* Quạ kêu, trăng lặng, sương rơi,

Lửa chài, cây bãi đối người năm co.

Con thuyền đậu bến Cô-tô

Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn-san ».

Nguyên tác là thể Thất ngôn tứ tuyệt, bản dịch lại thể Lục bát, ý chừng có bạn cho rằng chưa đạt hết kỹ thuật siêu việt của nguyên tác nên dịch cả nguyên thể.

Vô Danh dịch :

Trời sương, trăng lặn, quạ kêu luôn

Ngủ đối cầu Phong, lửa cá buồn.

Thuyền đậu thành Tô chùa núi lạnh.

Nửa đêm chuông nện tiếng boong boong »

Trần Thanh Đạm dịch :

* Trăng lặn ngang trời quạ điềm sương,

Lửa chài cây úa giốc sầu vương. Thành Tô ngoài mé Hàn-Sơn tự,

Thuyền khách đêm tàn vắng tiếng chuông »

Không biết còn bản dịch nào nữa không ?

Để rõ nghĩa thêm, trong quyển

* Đường thi » (phiên dịch và khảo cứu thơ Đường), ông Ngô

Tất Tố có giải nghĩa :

« Bài này tả cảnh vắng vẻ của một đêm khuya. Bấy giờ, trăng đã

lặn, quạ đã kêu, sương đã tỏa ra đầy trời. Trong một khúc sông,

chỉ còn bóng cây bàng lù lù ở bờ sông và đèn thuyền chài lập

lòe trên sông làm bạn với người nằm khô trong thuyền. Thành linh

thấy có tiếng chuông đưa đến bên

thuyền, lắng tai nghe, còn có thể biết là chuông của một ngôi chùa ở trên trái núi ngoài thành Cô-tô. Cái đêm tịch tịch biết chừng nào ! » « Bài tả cảnh vắng vẻ của một đêm khuya. Cái đêm tịch tịch biết chừng nào ! » Lời giải nghĩa này đã đủ chưa ? Hay là sự tịch tịch của trời đêm và sự vắng vẻ của cảnh vật là cái tịch tịch, cái vắng vẻ trong tâm hồn uẩn khúc của tác giả « Phong Kiều dạ bạc ». Hay hoàn cảnh, thân thế đã tạo cho con người tài hoa, giàu cảm lụy ấy một mối tâm sự u hoài để kết tụ thành một giai tác khi « nửa đêm ghé thuyền bên cầu Phong ở thành Cô Tô, nghe vắng tiếng chuông chùa », hầu gợi lại cho nhân thế ?

Phải. Hẳn còn ai lạ gì với tác giả nữa.

Nhắc lại là thừa.

Nhưng làm sao không nhắc lại

được mỗi khi tiếng chuông chùa đầu đây còn thánh thót rơi trong

đêm dài nặng nề cô-tịch, giữa lúc vài đóm lửa chài le lói, vài cánh

quạ vì bạt gió, lẻ bạn kêu đêm ...

Nhắc lại để gợi niềm thương vay cảm luyến mà cõi doanh hoàn còn biết bao khách đồng hội đồng thuyền.

Bất chước Tân-Đà Nguyễn-

khắc-Hiếu « đốt lò hương hốt chuyện người ngày xưa ».

Trương Kế tự Ý Tôn, người ở Duyện Châu, đời Tiến-sĩ năm Thiên-bào thứ 12 đời vua Huyền Tông nhà Đường. Trước làm Giám sát Ngự sử.

Đời Huyền Tông, thiên hạ thái bình lâu ngày, triều đình hóa ra hư hỏng, kiêu sa. Bấy giờ ở biên giới miền tây bắc có các rợ Thổ-phồn và Hồi ngọt lại hưng thịnh. Huyền Tông đặt theo biên giới 10 quan Tiết-độ-sứ. Mỗi người cai quản mấy châu để phòng ngoại hoạn và kiểm soát quan lại địa phương. Mỗi Tiết độ sứ lại có quyền hành rất rộng, kiêm quản cả binh chính, dân chính, tài chính, mấy châu. Do đó, chính sách trung ương tập quyền buổi sơ Đường bỗng bị phá vỡ, gây thành mầm nội loạn.

Huyền Tông tức Đường-minh-Hoàng lúc thiếu thời là một người anh vũ, có tài lược. Nhưng khi trở về già « sinh chứng », đã trên sáu mươi mà đâm ra say mê Dương-quí-phi tức nàng Dương-ngọc Hoàn, một tuyệt sắc giai nhân tuổi ngoài hai mươi, là ái thiếp của đấng con thứ 18 của

vua. Sắc đẹp của nàng đã cho thi hào đại danh Lý Bạch ngơ ngác say, phải ca tụng qua bài « Thanh bình điệu » :
*Vân tướng y thường, hoa
 tướng dung*

tiêm áo như mây, mặt tựa hoa)
 Sắc đẹp của nàng làm cho rung động quả tim già.

Huyền-tông mê say nàng, bỏ triều chính, mê đến nỗi thành quang. Huyền tông lại tin ng vô trượng Phiền trẻ tuổi An-lộc-sơn đề Ancó dịp cùng Dương-quí-phi thông dâm. Do An được kiêm chức Tiết độ sứ 3 trấn Bình-lư, Phạm-dương Hà đông, trong tay cầm đến vạn quân, thế lực rất mạnh. Năm 775, An lộc Sơn cử binh, chiếm kinh đô Trường-an, chiếm ngôi vàng cả con người. Bình triều đại bại. Huyền tông đất Dương quý phi cùng một quần thần, bỏ kinh thành, chạy vào đất Thục.

Đến Mã-ngôi, tướng sĩ bức phải đem thắt cổ Dương quý phi thì họ mới chịu phò vua. Vì cho rằng người ngọc của vua

chính là mầm sinh đại loạn. Trước bước đường cùng. Huyền Tông đành phải cắt lòng giấu mặt mà « hy sinh người yêu khuyển quốc » !

Cái họa An-Lộc-sơn ngay khi còn trong trứng đã có nhiều người cảm thấy. Nhưng vì trong có quý phi che chở, ngoài có gian thần Lý làm Phò và Dương quốc Trung bưng bít, vua Huyền Tông, con người đầu có thông minh nhưng đã đắm mình trong sóng sắc biển tình của giai nhân thì làm sao còn trí xét đoán được phần nào cái tai biến lớn lao đương đề nặng lên một triều đại mấy trăm năm dựng nghiệp của tiên vương !

Thời thanh bình thịnh trị lâu dài đề triều thần sinh hủ hóa, chủ trương sai lầm về chính trị lại đắm say nữ sắc, mù quáng tin dùng người gian, nghe lời xiểm nịnh, như vậy cơ nghiệp làm sao khỏi bại hoại, đất nước làm sao khỏi họa tang tóc đau thương !

Một thời đại vàng son phải đi qua một cách bi đát. Tất cả đều chìm trong cảnh hắc ám, tràn ngập khói lửa binh đao. Rồi một nhà vua già đa tình háo sắc, cực kỳ

phong lưu ấy đành lui thủ lẫn mình vào đất Thục, một nơi hiểm trở núi non chập chùng. Và, với một tấm thân cô độc, nhà vua chỉ còn nằm lắng tai nghe tiếng mưa rơi tầm tã, tiếng gió rít ngàn cây đề hoài niệm cảnh cũ người xưa mà cõi lòng tê tái. Cõi lòng ấy đã được nhà thơ đại danh Bạch Cư-Dị diễn tả trong hai câu cuối của bài *Trường hận ca* :

« Thiên trường địa cửu hữu thời tận,
 Thử hận miên miên vô tuyệt kỷ! »

Tạm dịch :

« Trời đất lâu dài còn lúc tận,
 Hận này dường đặc biệt bao người! »

Trước kia, triều thần, nhiều người đã nhìn thấy những ngày mai đen tối chớm khởi sẽ làm nghiêng nước đổ nhà, nhưng không ai dám đem lời trần tấu. Bọn quyền thần xiểm nịnh quá nhiều, có thế lực mạnh luôn luôn bên cạnh đấng quân vương, thì ai dám đem lời phải can gián ; vì sợ một khi chạm đến sẽ phải uổng mạng, mà vận nước cũng không cứu vãn được phần nào. Họ như những người đứng coi lửa cháy đến bên mình mà không dám kêu, dám chạy,

chớ đừng nói đến dám xông vào dập tắt.

Chán chường nổi bất lực trước thời cuộc, cố nhiên họ cảm thấy túi lòng đau đớn lắm !

Trương Kế sống trong hoàn cảnh đó, trong tình trạng đó. Ông có nhiệm vụ can gián nhà vua và đàn hặc những lầm lỗi của các quan trong triều ngoài quận. Nhưng ông không dám thốt một lời.

Không phải ông sợ chết. Ông không muốn chết một cách oan uổng. Biết chắc can là chết thì còn can làm gì. Ông muốn lưu tâm thân hữu dụng trong một ngày mai khi nước nhà cần đến. Ông đã biết cái thời thịnh trị của Huyền tông không còn cách gì vãn hồi được. Nó phải đổ vỡ. Và, cứ đổ vỡ đi đề rồi xây dựng lại.

Tuy trí nghĩ vậy, nhưng lòng ông vẫn thấy đau khổ ray rức. Chán chường trước cảnh tang tóc của nước nhà, nỗi lầm than chết chóc của nhân dân vì binh lửa làm cho nỗi buồn rầu u uất đè nặng tâm tư, nên vẻ mặt của ông bao giờ cũng lạnh lùng, đăm chiêu, ít có những nụ cười tươi

xuất hiện trên đôi môi khô héo. Ông thấy mình đã hoàn toàn bất lực trước cảnh đen tối của thời cuộc và sinh mặc cảm tội lỗi...

Khi Huyền tông chạy vào đất Thục, Trương Kế không theo kịp nên bước đường tòng vong. Ông lưu lạc xuống Giang-nam với một mái chèo trên con thuyền bênh bằng phiêu bạt. Một đêm ghé bến Phong Kiều, cạnh thành Cô-tô, với những nỗi u hoài chất chứa trước một ngoại cảnh thê lương gợi cảm, Trương đề dòng cảm xúc của mình trong bài thơ *Phong Kiều dạ bạc* ».

Bốn câu thơ vốn vẹn có 28 chữ nhưng nhạc điệu thâm trầm, ý tưởng uẩn súc. Đọc đến, không ai không thấy lòng mình tràn ngập nỗi cảm hoài :

« *Nguyệt lạc, ô đề, sương mãn thiên*
..... »

Trăng lặn rồi. Trời nhuộm màu đen tối. Phải chăng là một thời đại vàng son đã qua để đất nước đắm mình trong một màu âm u thâm đạm. Tiếng quạ kêu bi thiết trong sương lạnh phải chăng là tiếng rên rỉ của con người trong cảnh loạn ly giết chóc ?

Những đóm lửa leo lét của vài chiếc thuyền chài trên sóng nước thê lương, phải chăng là hình ảnh của ngọn lửa thiêng của nhóm người trung kiên chống giặc... một cách tuyệt vọng; hay là như những hồn ma vất vưởng trên bãi chiến trường xương máu ngập tràn ?

Điền thêm trong cảnh tịch tịch thê lương không kém vẻ ghê rợn kinh hoàng ấy, những cây bàng bên mé sông lại rì rào một điệp khúc ai oán như tiếng nước nở của con người đương khốc cho cảnh tang tóc của nước nhà với một nỗi sầu dằng dặc.

Thành Cô-tô, ngày xưa nơi đây, vua Ngô Phù Sai đã kiến trúc đài Cô-tô cho Tây Thi ở. Rồi vì say mê người đẹp ấy mà nước mất mạng vong. Và, cũng nơi đây, Tây Thi nàng con gái đất Việt ở thôn Trử-la, vào những buổi chiều tàn nắng nhạt, nàng thờ thần ngồi trên phiến đá « sâu miên » mà dò mắt vọng về cố quốc. Thành Cô-tô, một di tích lịch sử đã đem lại cho người bao bài học hưng vong !

Thành Cô - tô giờ đây không còn là một chốn phần hoa mà đương chìm trong

sương lạnh đêm dày tịch tịch của một mùa ly loạn. Nhưng ở ngoại thành, xa lìa cõi thế, tiếng chuông lạnh lùng ai oán của chùa Hàn sơn, từng giọt, từng giọt thấm sâu vào tâm hồn sâu muộn ưu tư của một con người giàu cảm xúc đương nằm co trong chiếc thuyền cô lạnh, lạch lạch bên cầu.

Đêm khuya rồi, sao không ngủ được.

Người đã mang nặng nỗi buồn u uất, vì hoàn cảnh đất nước, vì thân thế, sao lại còn gặp phải cảnh đêm tịch tịch thê lương này... Đồi vắng chán không ? Thân thế mình có đáng chán không ?

Tiếng chuông chùa sao cứ boong boong thánh thót vọng lại, phải chăng là tiếng chuông truy hồn khách tục đương say mê trần thế, đương lao mình vào tội lỗi, hay cảnh tình con người cần phải vươn mình lên để giải thoát cho mọi người đương cảnh trầm luân.

Tiếng chuông chùa đã gọi người trần tục cần sám hối các tội lỗi, các điều sai lầm. Tiếng chuông chùa còn gọi người quyết tâm làm tròn nhiệm vụ con người để nêu cao lòng từ bi, hi xả, phổ độ con người... của đức Phật cao cả đối với chúng sinh !

Còn gì nữa ? Bốn câu thơ. 28 chữ đã gói ghém biết bao cảnh, biết bao tình, biết bao niềm tâm sự u uất.

Có lẽ cùng một nỗi tình hoài cảm xúc, nhà thơ cận đại của ta ông J. Leiba (Lê Bái) cũng có một bài thơ rất du dương, mượn ý của thi sĩ họ Trương :

« *Thuyền dạo hồ Đông môn dậm chơi,*
Quạ kêu, trăng lặn, nước mờ khơi.
Hàn sơn vắng tiếng chuông chùa sớm,
Cây bến, đèn ngư nào mộng người ».

Có điều hơi khác.

Tuy cùng một cảnh đau thương tang tóc của nước nhà, thi sĩ họ Trương vì lưu lạc xuống Giang-Nam với một con thuyền bênh bằng phiêu bạt, ngẫu nhiên ghé bến Phong Kiều mà làm ra thơ. Còn thi sĩ họ Lê thì với một con thuyền dạo chơi ở hồ Đông mà làm ra thơ. Nhưng không phải là điểm quan trọng. Và lại, cuộc du hồ phải chăng là một cách để khuấy khỏa nỗi u hoài của một người ưu thời mãn thế.

Điểm quan trọng là cả hai đều có một cảm xúc trước một đối

tượng khách quan giống nhau, mà đề cùng một « giấc sầu vương » với « não mộng người ».

Hai người, hai nước mà cũng chắc chắn rằng nhiều người ở nhiều nước nữa, tư tưởng, tình cảm vẫn gặp nhau ở điểm đó. Chỉ riêng có một số người vô liêm sỉ thừa nước đục thả câu, xu thời để sống trên vàng son nhung lụa, mất cả lương tâm, lương tri mà thôi.

★

Bài « Phong kiều dạ bạc » đã dẫn khởi không biết bao nhiêu lời bình luận và chú giải của những nhà hữu tâm với văn học. Người ta đã bình luận về tư tưởng, về thi luật, ngay cả những từ ngữ trong bài. Tất cả đều có lý lẽ xác đáng... nhưng lại không đồng ý kiến nhau. Thật là khó.

Hiểu lầm ít, âu cũng là một điều may. Làm sao hiểu được hoàn toàn thâm ý của cổ nhân?

Vậy bài bình luận thô thiển trên đây cũng thế.



Chỉ có điều muốn nói là khi đọc lại bài thơ của họ Trương sao thấy lòng bồi hồi cảm xúc. Phải chăng nó đã chứa đựng bao nhiêu phản ảnh của thời đại, bao nhiêu ẩn ức sâu xa thầm kín của con người trước hoàn cảnh đau thương của đất nước, của thân thể bị kích thích bởi những đối tượng khách quan gợi cảm. Và, ngày nay, mặc dầu chúng ta chưa có dịp may mắn được ghé thuyền ở bến Phong-Kiều như nhà thơ đại danh họ Trương để nghe những hồi chuông áo não của chùa Hàn-sơn vọng lại, nhưng ở trên đất nước này hay cũng như những nơi khác vẫn còn có tiếng chuông chùa, khiến chúng ta mơ nhớ đến bài « Phong kiều dạ bạc » mà không khỏi phát sinh tâm lòng hoài cảm cho thân phận mình trước tương lai của Tổ-quốc, của Dân tộc đang đắm mình trong cảnh binh lửa loạn ly...

Mà mình thì cứ thần thờ thờ thần: « Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn Sơn »

● ★

khoa truyền
hình màu ở

NHẬT

hiện nay.

TV:



R Ê N thế giới hiện nay, Hoà Kỳ và Nhật-Bản là có những buổi truyền hình màu thường

xuyên.

Thật ra, Nhật Bản đã biết truyền hình màu từ 6 năm nay nhưng mãi tới ngày 20 tháng 3 vừa đây, một hệ thống vi ba truyền hình màu mới được thiết lập trên toàn quốc, do hãng Điện Tín và Điện Thoại Nhật-bản hoàn thành.

Đồng thời, nhiều công ty lớn chế tạo điện cụ đã thi nhau tăng

gia sản xuất máy thu hình màu. Nhiều đài truyền hình trong nước kể cả Đài Bá Âm Nhật - Bản (NHK) đã khởi sự khuyếch trương phương tiện và tăng thêm những buổi truyền hình kể từ tháng 4 vừa rồi.

Công thức truyền hình màu của Nhật-Bản

Về phương diện kỹ thuật, khoa truyền hình màu có nhiều công thức cần phải lựa chọn tùy theo mục phiêu áp dụng. Bởi vậy, vấn đề lựa chọn là điều cốt

Yếu tố hợp nhất phương tiện truyền hình và thâu hình của tư gia.

Sau khi nghiên cứu sâu rộng, Nhật-Bản đã áp dụng một công thức giống như ở Hoa-Kỳ.

Công thức này được hai điểm tiện lợi là khiến máy thâu hình thường, máy thâu hình đen trắng có thể thâu được hình màu của các đài truyền ra nhưng không thật màu mà chỉ trắng đen thôi, song không phải điều chỉnh lại máy thâu. Hai là nếu dùng máy thâu hình màu để thâu hình đen trắng cũng được và không phải điều chỉnh lại.

Sau ba năm thí nghiệm, hai đài NHK (bán công) và NTV (thương mại) đã khởi sự truyền hình màu thường xuyên từ tháng 9-1960.

Bước đường khó khăn

Tuy vậy, việc phát triển truyền hình màu ở Nhật-Bản cũng không phải là công cuộc dễ dàng. Trong khi khoa truyền hình màu đòi hỏi những phương tiện tinh xảo mà kỹ nghệ điện tử có thể cung cấp được thì việc sản xuất những vở truyền hình cũng vấp phải nhiều khó khăn ngay từ buổi

đầu về mặt kỹ thuật.

Mặt khác, việc sáng tác chương trình truyền hình cũng cần phải phát triển ngay từ đầu. Một trong những khó khăn trên địa hạt này là vấn đề chiếu sáng.

Những ống ảnh truyền hình trong thời kỳ sơ khởi còn rất kém, mỗi khi sử dụng phải cần tới 10.000 luks ánh sáng thay vì 1.000 luks đối với hình trắng đen. Do hơi nóng tiết ra, nhiệt độ trong phòng đóng truyền hình thường lên tới 40° centigrades, mặc dầu có máy lạnh chạy đều. Ngay cả về mùa đông, các nghệ sĩ đóng trò cũng thường đổ mồ hôi ướt đầm và mầu thoa chảy dòng mặt mày.

Lại nữa, những mầu sắc hiện lên màn hình cũng không được tốt như dự liệu. Những mầu đen, trắng, vàng và bạc không được dùng vì không chắc chắn, thất thường và hay làm lóa. Người thoa mầu thường phải tô đi tô lại cho các nghệ sĩ để mầu da hiện trên hình được tự nhiên.

Nhiếp ảnh viên làm việc ngoài trời cũng gặp nhiều khó khăn vì mầu các vật chụp vào phim

thường biến sắc theo ánh mặt trời. Vì vậy họ luôn luôn phải trông chừng những đám mây và dùng máy lọc ánh sáng để điều chỉnh mầu sắc những vật chụp vào phim.

Do đó, người ta đã cho là những màn kịch trên sân khấu hoặc những cuộc biểu diễn thể thao trong nhà không thể truyền lại bằng mầu được vì ánh mầu thất thường.

Mặt khác, phần nhiều người chơi máy truyền hình có quan niệm là máy thâu hình mầu rất đắt, khó có thể mua nổi. Khi mới có truyền hình mầu, một máy thâu cỡ 17-inches đã bán tới 400.000 Yen một chiếc, quá sức bình thường của dân chúng.

Ngoài ra, máy thâu hình mầu còn rất là phức tạp, người chơi không thạo thì khó mà điều chỉnh được máy để làm cho các mầu sắc ăn nhập với nhau không bị xáo trộn. Lại nữa, hình mầu thâu bằng máy thường dùng cho mầu đen trắng rất dễ bị lu mờ.

Vì những sự kiện kể trên nên máy thâu hình mầu hồi đầu không thông dụng mấy như thứ dùng thâu hình đen trắng.

Những Tiến Triển Mới Về Kỹ Thuật

Dầu sao, sự tiến bộ về kỹ thuật điện-tử của Nhật cũng đã giúp ngành truyền hình mầu vượt dần những khó khăn kể trên. Do đó Nhật-Bản ngày nay đã sản-xuất được một cách dễ-dàng và rất nhiều chương-trình truyền hình mầu cũng như trắng đen vậy.

Ngoài ra, kỹ-thuật truyền hình mầu của Nhật-Bản còn đạt được nhiều tiến bộ khác về phương diện máy móc, chẳng hạn như kiểu máy chụp có huy độ phân tách mầu rất mạnh và thứ đèn orthicon biến mầu rất nhạy do Hãng NHK sáng chế. Những tiến triển này đã kỷ một kỷ nguyên mới trên địa hạt truyền hình mầu của Nhật-Bản.

Máy chụp truyền hình cổ điển có 3 đèn dùng cho 3 mầu sắc căn bản là đỏ, xanh và lục để tạo thành những mầu khác theo một phương thức rất phiền toái. Nước bóng của mầu sắc được phóng đi bằng vô tuyến rồi khi qua đèn Braun của máy thâu sẽ biến thành mầu. Với phương thức này 3 thứ mầu đỏ, xanh, và lục được đặt chồng lên nhau để kết thành những mầu khác. Sự kết hợp như vậy trên phương diện kỹ-thuật rất là phiền phức, nhiều

khi mẫu bị lu mờ, nhất là khi in phim. Hơn nữa là hình mẫu thâu bằng máy thường dùng cho màu đen trắng không phân biệt nhau mấy.

Nhưng ngày nay, với thứ đèn mới sáng chế, có huy độ phân tách màu rất mạnh, người ta có thể thâu tín hiệu màu trắng đen vào đèn rồi làm biến ra thành những màu sắc rất rõ rệt.

Thứ đèn mới này khiến hình hiện trên màn máy thâu với màu sắc rõ ràng và sáng sủa hơn thứ đèn cũ-diền. Nếu thâu bằng máy thường dùng cho màu đen trắng cũng không bị mờ. Điểm lợi ích khác là máy chụp kiểu rất gọn, tiện cho việc tiếp vận hình phóng đi. Kiểu máy này đã được đem dùng trong kỳ Thế Vận Đông Kinh 1964, khiến các nhiếp ảnh viên ngoại quốc được cử đến quay phim trong kỳ Thế Vận đã phải lấy làm ngạc nhiên.

Với thứ đèn orthicon có tác động rất nhạy mới sáng chế và đem dùng năm vừa đây, kỹ thuật Nhật-Bản đã tiến một bước dài trên đường phát-triển và hiện nay người ta cho đây là

thứ đèn truyền hình tinh xác nhất thế-giới.

Đèn in hình orthicon của máy chụp truyền hình cũng tựa như phim ảnh máy chụp hình thường. Thứ đèn Hãng NHK mới sáng chế có sức mạnh gấp 5, 6 lần thứ đèn cũ-diền. Thí dụ như thứ đèn mới này có thể chụp được rất rõ ràng với một huy độ chừng 0,1 luk thôi, một huy độ trong đó người ta không thể nhận được rõ các vật bằng mắt trần.

Thứ máy chụp truyền hình có huy độ phân tách cao cùng với thứ đèn orthicon rất nhạy mới sáng chế có thể chụp được những màn trên sân khấu và các cuộc biểu diễn thể thao trong nhà. Sự tiến bộ này đã tránh được cho các nghệ sĩ và nhân-viên phụ-trách sản-xuất chương trình truyền hình khỏi bị nóng bức và ướt đầm mồ hôi trong phòng đóng phim như trước đây.

Phẩm Chất Máy Thâu Hình Màu Cũng Đã Cải Tiến.

Song song với những tiến bộ về phương tiện truyền hình màu máy thâu hình màu cũng được

cải tiến rất nhiều về các phẩm chất. Nhưng máy bán trên thị-trường ngày nay đều có gắn óc điện tử, và ngay một em nhỏ cũng có thể điều khiển được một cách dễ dàng. Màu hình chẳng kém màu thật, màn chiếu không mờ.

Một cuộc khảo nghiệm do Hãng NHK thực hiện vào khoảng tháng 10 năm rồi cho thấy 12, 40% trong số các gia đình vùng ngoại thành Đông-Kinh có máy truyền hình màu đều công nhận là những mẫu hiện trên máy thâu của họ tỏ ra hết sức sáng sủa và đẹp. Một số 80% khác cho biết là màu rất sáng; như vậy ít ra cũng có 80% các tư gia lấy làm vừa ý với những chương trình màu cải tiến này. Còn khoảng 66% khác cho hay là việc điều chỉnh máy thâu hình màu ngày nay không khó như trước nữa.

Giá máy thâu hình màu hiện nay cũng hạ hơn trước nhiều. Có 16-inches, thứ thông dụng nhất, chỉ vào độ 168.000 Yen, còn thứ 19-inches thì độ 198.000 Yen, tức là khoảng 10.000 Yen một inch. Nhưng

giá này so với khoảng 6 năm trước đã hạ tới gần nửa.

Việc sản-xuất chương trình cũng tăng gia

Ở Nhật hiện nay có tất cả 8 đài vừa truyền hình vừa sản-xuất chương-trình, đây là những đài NHK, Nippon Television (NTV), Tokyo Broadcasting Station (TBS), Fuji Television (hết thầy đều có đài chính ở Đông-Kinh), và các đài Yomiuri, Asahi và Kansai (tất cả đều ở Osaka), với đài Chunichi (ở Nagoya).

Đài NHK mỗi tuần truyền hình mẫu vào khoảng 24 tiếng trên hệ thống thường và về chương trình giáo dục. Những chương trình này có nhiều mục khác nhau, từ những màn quay trong xưởng cho tới những cảnh ngoài trời và trong nhà, các mục giải trí và giáo khoa. Đài NTV, tiên phong về hình mẫu trong số các đài thương mại, hiện nay mỗi tuần có 25 giờ về chương trình mẫu, đài Fuji có 3 giờ và TBS 2 giờ mỗi tuần về các chương trình mẫu.

Cả hai đài Fuji và T.B.S. hiện đang tổ chức lại,

cơ xương để truyền hình mẫu thường xuyên và một khi hoàn thành sẽ tăng thêm giờ truyền mẫu. Một đài chính yếu khác ở Đông-Kinh là NET trước kia không quan tâm tới hình mẫu thì nay cũng dự tính khởi sự một ngày gần đây.

Với hệ-thống vi-ba mới hoàn thành trên toàn quốc, đài NHK hiện bao trùm tới 93% lãnh thổ quốc-gia về hình mẫu trong các chương trình thường xuyên và giáo dục. Các đài phụ thuộc những đài chính ở Đông-Kinh hay Osaka hiện cũng đang chuẩn bị truyền hình mẫu.

Triển vọng sản xuất

Năm 1960 Nhật mới chỉ sản xuất được một số 5.000 máy thu hình mẫu và năm 1961 mức sản xuất cũng không thay đổi. Tới năm 1962 số sản xuất đã xuống 4.500 rồi năm 1963 lại giảm tới 3.500. Nhưng qua năm 1964, nhờ có kỳ Thế-Vận Hội Đông-Kinh và mức tiêu thụ trong nước cũng như bán sang Hoa-Kỳ đã tăng nhiều nên số sản-xuất đã nhảy vọt lên 53.000 chiếc. Năm vừa đây số sản xuất

đã lên tới 93.000, và tính từ trước tới nay tổng số đã được lên tới tất cả là 164.000 chiếc.

Năm 1964 Nhật bán sang Hoa-Kỳ được 15.000 máy thu hình mẫu. Số xuất cảng năm vừa đây lên tới 35.000 chiếc. Như vậy có thể nói là số máy mẫu hiện đang sử dụng trong nước có tới 120.000. Số này so với 20 triệu máy hình trắng đen thì chỉ vào khoảng 1%.

Tuy vậy, việc sản xuất máy mẫu của Nhật năm nay rất có triển vọng bành trướng. Với hệ thống truyền hình mẫu vừa hoàn thành trên toàn quốc, sự tiến bộ trong việc chế tạo cùng với phẩm chất máy vừa tốt lại thêm giá hạ, và việc sản xuất chương trình tăng gia, người ta tin rời ra máy thu hình sẽ bán được rất nhiều ở Nhật.

Các nhà chế tạo máy thu hình mẫu ở Nhật cũng đang dự tính tăng gia sản-xuất. Còn thứ máy thu hình trắng đen thì hồi 1964, khi có cuộc Thế - Vận Hội Đông-Kinh, đã được phổ biến tới cùng độ. Mới đây, tuy các nhà chế tạo đã ra công cõ động để tăng gia mỗi hàng với thứ máy xách tay và vi-âm nhưng

máy thu hình trắng đen cũng dạt trở nên ít khách hơn trước.

Trái lại, máy mẫu lại ngày một được người dùng thêm nhiều khiến các nhà chế tạo dự tính tăng gia sản xuất. Điều khó khăn hiện nay trong việc khuếch trương mỗi hàng và sản xuất chương trình là sự bất đồng ý kiến giữa các đài thương mại và nhà chế-tạo.

Các nhà chế tạo thì giữ lập trường là máy mẫu sẽ không bán chạy nếu các đài thương mại không tăng gia các buổi truyền hình mẫu của họ, và một khi bán không chạy thì máy mẫu không thể hạ giá được vì không có thể sản xuất ở at.

Đề bác bỏ lập luận của các nhà chế tạo, các đài thương mại nêu lên luận thuyết là việc tăng gia các buổi truyền hình mẫu không phải dễ vì giá sản xuất cao hơn hình đen trắng nhiều, nên họ không chắc gì đã thu được đủ phí tổn với số máy mẫu của khách còn rất ít. Bởi vậy điều cần làm trước hết là các nhà chế tạo hãy tìm cách hạ giá máy mẫu bằng cách sản-xuất ở-at.

Dấu sao, sự bất đồng ý kiến này cũng sẽ ổn định vì các nhà

chế tạo và đài truyền hình cũng sẽ đi tới một giải pháp dung-hòa.

Mức sản-xuất máy mẫu năm nay của Nhật ước được vào khoảng 300.000 chiếc, gấp 3 lần năm vừa đây. Giá bán có thể sẽ hạ đi vào khoảng 10.000 Yen một inch và trong khoảng 2,3 năm nữa có thể xuống tới khoảng 7.000 Yen một inch. Nếu những dự tính trên đây đạt được thì chắc chắn máy thu hình mẫu ở Nhật sẽ hết sức thông dụng.

Theo sự tiên đoán của một nhà quảng cáo có nhiều tin nhiệm thì khoảng từ mùa thu này cho tới cuối năm sau máy thu hình mẫu ở Nhật sẽ được phổ biến mạnh và sớm thì năm 1968 hoặc chậm là 1972 sẽ trở nên hoàn toàn thông dụng. Các nhà thông thạo trong giới truyền hình cũng đồng ý như vậy.

Nếu những dự đoán trên đây thành sự thực thì tới kỳ Đấu Xảo Hoàn Cầu dự tính mở vào năm 1970 tại Osaka, và Thế Vận Hội 1972 tại Sapporo, quốc dân Nhật sẽ có thể coi được những diễn tiến qua màn máy thu hình mẫu của mình.

BUỒN BUỒN



Chiều nay én liệng qua sông
Ngồi đây mà thấy nhớ mong nơi nào
Gió chiều thổi lạnh làm sao
Mây chiều từ một phương nào về đây ?
Ngồi nhìn cây lá lung lay
Mà tâm hồn thấy ngất ngây thế nào
Đờn ai khoan nhặt tiêu tao ?
Nghe qua lòng những xuyên xao buồn buồn
Lệ đâu bỗng lại khơi nguồn
Rung rung sắp sửa trào tuôn đây rồi
Lệ tuôn lòng những bồi hồi
Hỏi lòng sao lại ra ngòi ngân ngơ ?
Lòng đây đang tỉnh hay mơ ?
Tỉnh hay mơ ? Sao lại ngơ ngẩn buồn ? ●

● LÊ-THỊ-CÚC
(Phan-Thiết)

● TÂM-TRÍ

(tiếp theo PT 178)

LỜI TÒA SOẠN.— Vì một lý do đặc biệt, một chương dài rất sôi động nói về tình hình HUẾ và ĐÀ NẴNG trong thời gian tác giả vắng thăm, hồi tháng 5 vừa rồi, không thể đăng tiếp được.

Nay chúng tôi đăng đoạn cuối của cuộc hành trình quan sát miền Trung trước khi đăng tiếp cuộc hành trình thứ hai :
SAIGON — CHÂU ĐỐC — BIÊN GIỚI VIỆT — MIỀN.



Tôi được đức Hòa-thượng
và Đại - đức Thích - Như -
Khương, Phó trụ-trì chùa Tam
Thai tiếp-đãi rất trọng-hậu.
Cả hai vị đều là những bậc
chân tu rất đáng kính phục.
Nơi đây tôi có làm 5 bài thơ
rất tiếc không bài nào được
đăng trong *Phở Thông*. Một bài
đề là « Non Nước », tôi có
đưa Hòa-thượng và Đại-đức
xem, hai thầy tâm-tâm cười...
Nhưng hai nụ cười tử-bi cũng
không cứu được bài thơ đấy

một bài sau đây, xin ghi lại làm
chút quà kỷ-niệm thân kính
tặng Hòa Thượng Tam Thai
và Đại-đức Như-Khương :

ĐỘNG-HUYỀN-KHÔNG
(Núi Non-Nước Đàng)

Vào động Huyền Không
thoảng khói trầm,
Một vung trời nhỏ tít cao
thâm !
Bên tường thanh thoát
nguồn Cam-lộ,
Dưới ánh phù hư giải Tịnh-
tâm
Đau khổ cạnh lòng tình Đất
Nước.
Nguyện cầu trước tượng
Phật Quan Âm.
Mẹ Lành cảm ứng lời kêu
cứu.
Tế độ toàn dân khỏi loạn
xâm !

Tâm-Trí N.V.



Buồn quá ! Ngày đêm nằm trong mây trong đá nghe sủng nổ, buồn chết đi được !

Trên một mồm núi, có một ghề đá thiên-nhiên trông như chiếc Ngai, và hai tảng đá bằng phẳng như hai mặt bàn, vài nét chữ khắc sau lưng ghề. Vua Minh - Mạng và Vua Thành-Thái có đèn đây đôi ba lần ngồi xem trăng hóng gió, cho nên gọi là « *Vong-Nguyệt-đài* ». Tôi thường ngồi dưới chân Ngai, tựa tay vào bàn, xem biển Nam-Hải lao xao cuộn cuộn sóng. Xa xa là đồng ruộng bao la xanh ngắt, và bồn cụm Ngũ-Hành-Sơn ngơ ngác giữa đồng quê, như từ đâu lạc lối về đây.

Ở tit dưới đường tỉnh lộ gió tung đầy cát bụi, vắng vẻ đìu hiu, không một chiếc xe đò qua lại vì đang đánh nhau ở Đà-Nẵng, một cô gái Quảng Nam cắp tay đi với một quân nhân Mỹ, có vẻ *tiên-tú* lắm.

Chán quá, tôi trở lại Huyền Không Động chẳng biết bao nhiêu lần. Chỉ có thặng cảnh thiên nhiên là xem hoài không chán. Trong góc tường

đá sát Điện thờ Đức Quan-Thê-Âm, chung quanh đầy thạch nhũ, có hai vú đá thiên-nhiên, tròn trịa và đầy đặn như đôi vú của Venus de Milo. Nước trong núm vú chảy ra từng giọt, từng giọt, rơi boong boong xuống một chậu đá. Nước hiền lành và ngọt xớt, và mát-rượi, và trong veo... Sư ông múc nước này cúng Phật. Nhưng chỉ một núm vú bên phải là nước chảy đều đều như giọt nước Cam - lộ của Đại bi Bồ-tát. Còn núm vú bên trái, trước kia cũng chảy đều, nhưng một hôm, hồi năm xưa năm xưa, Vua Thà h Thái đứng coi say mê, rồi đưa tay ra bóp vú, vú máu cở tịt luôn. Đến nay, Vua Thành Thái đã băng-hà từ lâu, mà núm Vú ngon lành của động *Huyền Không* vẫn không chảy, trong lặng lẽ của *Huyền vi*.

Ngồi trước cửa Động, khách cảm hứng ít vần thơ tặng đôi Vú đá thiên nhiên :

Vú thần linh cảm
Giọt nước cam tuyền
Thượng-Hoàng ngự lâm,

Màn vú, giao duyên.
Bản khoán tâm khảm
Hạnh ngộ mơ huyền,
Thẹn thùng mặc cảm
Kẻ tục người Tiên.
Tiết-linh xâm phạm,
Nguồn nước diệu huyền
Từ nay tắt ngấm,
Bi hận triều miên...
Thiên-Tử u-àm
Quy mệnh Phật tiền,
Sắc-Không ứng cảm,
Vô lượng vô biên !
Tâm-Trí N.V.

Nghe bom đạn mãi cũng chán, làm Thơ mãi cũng buồn, tôi vào chùa Tam-Thai, trong không khí tĩnh mịch, vắng vẻ không ai, ngồi tụng thời Kinh Phổ-môn, hướng lên Quan-Thê-Âm Bồ-Tát.

Trong những giờ phút chán nản tất cả, buồn rầu tất cả, ghét bỏ tất cả, chỉ còn câu Kinh niệm Phật là thanh thoát được tâm hồn.

Ba ngày sau tôi xuống núi, ra đường quan lộ, có mấy bà *Sœurs* ở một Đòng Tu, kín cách đây 5 cây sô, có lòng tốt cho đi nhờ xe được một đoạn đường. Một bạn thanh niên đội mũ casquette bằng ni đô,

đi chiếc xe đạp kêu lạch cạch... lạch cạch... từ xa đạp tới, Tôi đứng bên đường vẫy tay làm « auto » — Stop, Người bạn trẻ không quen vẫn vui vẻ ngừng xe cho tôi ngồi phía sau, trên porte-bagage.

— Bác đi về đâu ?

— Đà-Nẵng.

— Cậu Delattre bị cảm lưu thông rồi, bác ơi. Bác phải đi đò, ở trên tề.

— Đền bên đò còn xa không ?

— Sáu bảy cây sô. Để cháu chờ bác tới đó. Cháu cũng xuống đò qua Đà-Nẵng.

Ngó qua Đà-Nẵng nghe sủng nổ tạch tạch, đường phở vắng teo.

Tôi đi đứng đỉnh trên bèn Bạch-Đằng, quẹo qua đường Độc-Lập, giữa tiếng sủng bóp... bóp... tạch... tạch... vang-dội rền trời...

Trái tim thành phố đang chảy máu.

✱ TÂM-TRÍ

Kỳ sau :
SAIGON — CHÂU ĐỐC
— BIÊN-GIỚI VIỆT —
MIÊN.

ĐI TÌM SỰ THẬT VỀ BÙA YÊU

● Ở THỜI CỒ AI CẬP,
NGƯỜI TA ĐÃ BIẾT DÙNG
BÙA YÊU.

BÙA YÊU LÀM
BẰNG HOA, BẰNG DẦU
Ô-LIU VÀ TRÁI TİM
CHIM YẾN

NHƯNG, VẪN KHÔNG
GÌ CÔNG HIỆU BẰNG
LÒNG NGƯỜI...

BA N đọc hẳn đã hơn một lần, nghe thấy người ta thuật chuyện, hay báo chí đăng tin về bùa yêu, bùa mê. Nhưng có thật là bùa yêu linh nghiệm, vì có phép thần bí gì chăng?

Không có phép tắc thần bí huyền hoặc nào cả ! Sở dĩ những « bùa yêu » ấy có năng lực làm người ta đam mê luyến ái, đề rồi chẳng còn biết phân biệt nên hư, phải trái gì cả, mà hoàn toàn bị « bùa » sai khiến theo ý muốn của kẻ chủ mưu, hay những tay « phù thủy » chuyên mê hoặc người ta đề thủ lợi, hay đề thỏa mãn dục vọng chiếm đoạt người yêu, là do những chất đặc tính kỳ lạ của thảo mộc và hoa quả mà thôi.

Thật vậy, bạn đọc hãy đọc những mẩu chuyện sau đây, mà khoa học đã khám phá, phân chất những cái mà người ta gọi là « bùa yêu, bùa mê » ấy !

Vào năm 1936, người ta đã đem một thứ hoa từ đảo Tích-

lan về Luân đôn,ithử đổ nước Anh, đề cho phòng thí-nghiệm phân chất.

Thứ hoa này là hoa Naga-Maru, người ta gọi nó là một thứ hoa thần, vì chất nước của nó vắt ra, có ma-lực làm cho lòng người rạo rức vì yêu thương luyến ái. Nói dễ hiểu, người ta gọi chất nước hoa đó là bùa yêu. Bạn muốn ai yêu mình, cứ cho người ấy nuốt một giọt nước hoa ấy, thì kết quả rất linh nghiệm : người ấy sẽ yêu mê bạn tha thiết !

Qua sự thí nghiệm, trong ống kính hiển vi và phân chất, người ta được biết chất nước ép từ những cánh hoa Naga-Maru ra, nó có một sức quyến rũ người ta và bắt người ta yêu.

Như thế, chúng ta đã hiểu rằng bùa yêu có phép thần thông biến hóa theo ý tưởng thần-quyền, ma lực, là một sự tưởng tượng, do những kẻ bịp bợm phù thủy sơn phết cho nó một lớp sơn huyền bí để dễ gạt gẫm những kẻ mê tín dị đoan. Và chúng ta cũng đã hiểu rằng ái tình là cái gì qua sự thực nghiệm của khoa-học. Chúng ta sẽ nắm

được cái bí quyết của tình yêu do « bùa yêu » tác hợp, nguyên chất của nó như thế nào, và chúng ta chẳng còn lạ gì nữa.

Ai muốn được yêu, chiếm được người yêu là được liền, chẳng khó khăn gì, chỉ cần có một giọt nước hoa là đạt được nguyện vọng ! Nhưng liệu họ có được yêu đương say đắm lâu dài chẳng ? Và ái tình đó có phải là ái tình thật sự chẳng ? Cố nhiên, là không ! Vì đó là một thủ đoạn cưỡng ép, chiếm đoạt, và lẽ tất nhiên là bất hợp tình, bất hợp pháp, pháp luật không dung dưỡng, một khi chất ma túy mạnh cho là bùa yêu đó hết linh nghiệm, người bị ép yêu tình ngộ. Tuy thế, chúng ta vẫn nghe thấy, thỉnh thoảng có một vụ dụ dỗ phụ nữ vì bùa yêu. Vậy chúng ta cũng cần biết qua « bùa yêu » và ngãi yêu như thế nào.

Chất nước « Zep » cũng là bùa yêu ?

Trên bình diện pháp luật hiện nay, nhà cầm cân pháp luật vẫn chưa công nhận là có bùa yêu, ngãi yêu và

cũng không nhìn nhận là bùa ngải-yêu có một mãnh lực tác yêu tác quái như thế.

Vào năm 1935 — 1936 tại Anh - quốc có một bà tên là Wilkinson. Bà này bị truy tố về tội lừa gạt lấy hàng mấy ngàn Anh-kim của hai cô gái ế chồng, đến nhờ bà ta làm Nguyệt lão xe duyên cho. Bà khai trước nhà chức trách rằng bà dùng một chất nước tên gọi là nước « Zep » mà chỉ có bà là người biết chế hóa chất nước đó mà thôi. Chất nước ấy có một tánh cách thần-bí kỳ-dị.

Hai cô gái lỡ thời tên là Dora và Mabel Lyne chỉ xúc một chút nước ấy vào một chiếc áo, quần mặc dở rồi đem đốt trên ngọn đèn, là tự khắc nhìn thấy người chồng tương lai của các cô, rõ mồn một như trong chiếc ảnh hay trên màn bạc vậy. Hình ảnh của người chồng đó, sẽ hiện lên rõ rệt trong đám khói do áo quần cháy xém trên ngọn đèn dầu hay đèn cây.

Hai cô gái tin lời, thế là tiền bạc tu trang từ tay hai cô lọt sang túi bà phù thủy bị bợm ấy.

Huân tước Iswin, nguyên Phó

vương Ấn-Độ là Luật-sư bình vực cho bà phù thủy ấy. Ông quả quyết nói rằng thân chủ của ông không tự chế lấy nước « zep » mà dùng một chất do con gái của bà từ Floride gửi về. Dù thế, thân chủ ông cũng bị tòa tuyên phạt 18 tháng tù ở.

Bùa yêu có từ thời cổ Ai-cập

Tại Ai-cập, thời thượng cổ, người ta đã viết bằng chữ tượng hình những giòng chữ mà về sau, các nhà khảo cổ đã tìm ra ý nghĩa của nó như sau :

« Nàng hãy nhắm mắt lại ! Nàng chớ biết là hiện nàng ở đâu ! Bùa thiêng ơi ! Người hãy thành một ngọn lửa trong mạch máu của nàng, để xô nàng vào lòng ta mãi mãi. Người hãy thổi ngọn lửa tình yêu trong lòng nàng, để nàng yêu ta ! Nàng phải quên cha mẹ nàng, anh em chị em của nàng, để chỉ tưởng nhớ đến ta thôi ! »

Và bài thuốc luyện bùa yêu thời cổ Ai-Cập, người ta thấy khắc vào đá như sau :

« Lấy đầu ô-liu thật tinh khiết, một vài cành cây ô-liu và một củ cải, bảy lá củ cải nghiền

lấy nước hòa lẫn với đầu ô-liu. Đến nửa đêm, đứng đối hướng về mặt trăng mà đọc bảy lần câu thần chú.»

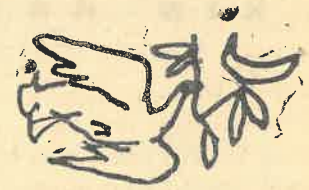
Chất bùa yêu trên đây chẳng có gì khó tìm và khó uống. Và đầu ô-liu có thể vô hiệu trong việc kêu gọi tình yêu chẳng nữa, nhưng bao giờ cũng là một món thuốc huyệt trường rất tốt vậy. Nghĩa là có linh ứng về yêu đương hay không, bùa yêu hay ngải yêu đó cũng không có hại chi cho người uống nó !

Bùa yêu làm bằng tim chim Yến.

Văn sĩ Burton, người nước Anh, trong cuốn « Giải phẫu sâu muộn », kể ra một loạt những bài thuốc bùa yêu, không ngon lành béo bở như « bùa yêu » bằng đầu ô-liu của Ai-Cập kể trên, chẳng hạn như một trái tim của chim yến chắm vào nước sấp của cây nển mà ăn. Burton nói bùa yêu : « Chỉ cốt làm kích động huyết mạch những cuộc « phản động hóa chất » trong con người của ta ».

Có lẽ như thế mà những bài thuốc yêu của nhà văn này, hầu

hết, căn cứ vào tính chất của các thực phẩm.



Thứ bùa yêu mãnh liệt nhất lại không phải là bùa yêu

Nghĩ kỹ, nhà văn Burton nói chí lý. Ai cũng biết rằng người có khoẻ mạnh thì mới nghĩ đến những sự trao trút tình yêu đương. Vậy thứ bùa yêu nào cũng phải lấy sự kháng kiện thân thể làm căn bản. Rồi kể đó là những giờ phút nhàn rỗi, một bữa cơm ngon, một phòng ngủ trang hoàng thanh nhã, mỹ lệ.

Đó là thứ làm kích động những sự phản động hóa chất trong huyết mạch người ta mạnh hơn một trái tim chim yến nhiều.

Vì thứ bùa yêu mãnh liệt không phải thứ bùa yêu nào lạ cả. Nó chính là sự « tưởng tượng tình yêu ». Nó (magination amoureuse) chính là lòng người vậy.



THƯ CHO ANH

★ KIM - HẢI

Trời Cao-nguyên chắc gió nhiều anh nhỉ ?
Rừng sang thu vàng úa lá không anh ?
Hoa sim đại còn cúi đầu ủ rũ ?
Sơn-nữ buồn nghiêng khóe mắt long lanh ?

Nơi phương này mưa thu giăng buồn quá,
Sách vở sầu uể oải nhớ thương ai
Đã bảo mãi khổ gì khi xa cách,
Sông trong lòng sao luôn thấy u hoài

Đại lộ ven sông chiều mưa hiu hắt
Ngồi trơ vơ nhìn mây tìm quanh trời
Thu năm xưa trời xanh như màu ngọc,
Thu năm này da diết lá vàng rơi.

Thư anh về cứ nhắc em chăm học
Cố gắng hoài nhưng vẫn mãi âu lo
Chinh chiến ấy quê hương mình rách nát,
Bao nhiêu năm mình mới tiếp hẹn hò

Lần lữa mãi rồi cuối cùng vẫn thẽ,
Vẫn đêm đêm vắng vắng liếng sùng xa
Chân gối ấm không đỡ tròn giấc mộng,
Nước mắt buồn đêm úa, héo mơ hoa.

Phượng trời đó anh bảo rằng trống vắng
Hơi lạnh Cao-nguyên ngùn ngụt sương đèo,
Những lần hành quân băng rừng vượt suối,
Những chiều tà bên triền núi cheo leo

Đọc thư anh em vô cùng ân hận,
Vì mãi sầu than thở với anh thôi
Nhận thư xong anh sẽ buồn biết mấy
Nhưng biết sao, khi đã trót lỡ rồi

Đừng giận anh, em gái nhiều đa cảm,
Lại trót mang nghiệp thi tứ vào thân
Những lúc cô đơn, ngày mưa xiêng nhỏ,
Thì làm sao lòng ngăn được bóng khuâng.

Anh thông cảm và em nay xin hứa
Lo học hành chờ ngày phép anh thôi
Chắc khi ấy có buồn anh chẳng trách,
Vì em, anh thu gọn một khung trời.

★ KIM-HẢI

(Thi nhóm Sóng Vàng — Huế)



truyện ngắn

★ THÙY-DƯƠNG-TỬ

H I Ế C xe bò đưa Tiến vào thành phố. Đêm mưa bụi làm mắt chàng chẳng trông thấy gì hết.

— Ở thành phố này chỉ có mình bác đánh xe bò à ?

Không. Chúng tôi gồm 8 người, nhưng đều ra trận, chỉ có mình tôi ở lại. Ông đi đâu đấy ?

Đến bà giáo sư Hoàng Lựu.

A, tôi biết bà ấy mà, bà là con của kỹ sư Nguyễn, đã chết vì chất nổ phải không ?

Chiếc xe bò cọt-cạch leo qua dốc bù n lầy lội. Bác ân nhè, không nguy đấy.

Người phu xe đáp : — Những đêm trăng thì thấy rõ lắm, chỉ ngại đêm tối như đêm nay không nhìn thấy hổ lộ.

Tiến chần một điều thuốc mời người phu xe. Mưa ròi, mưa ròi, chiếc xe bò lắc lư trên miền đất đầm nước.

Tiến nghĩ thầm, có lẽ bây giờ cũng đã hai giờ sáng. Người phu xe : trời tối quá, nên chả biết mấy giờ (?) Tiến yên lặng : Ta mong được nghỉ phép ở đây để dưỡng vết thương — bây giờ ta ao ước nằm trong phòng quán chần lắng tai nghe mưa ròi.

— Ông là gì của bà..

Giọng của người phu xe, chặt đứt dòng tưởng tượng của Tiến. Chàng yên lặng. Người phu nghĩ thầm : có lẽ là chồng bà ta. Thế mà người ta đồn là bà giáo sư bỏ chồng trước khi ông ra trận.

Tiến lại nghĩ — Sao bắt mình phải đến tận nhà, đêm khuya gọi cửa thật là bực — nhưng trong chàng có một sự nao nức riêng.

Tiến nghĩ lại càng khó hiểu — trước khi lên đường, luật sư Thăng trao chàng phong bì, trong lời nói của Thăng có một niềm bí ẩn.

— Nàng là linh hồn của tôi, nàng là lẽ sống của tôi, nhưng nàng không phải là vợ tôi. Thăng chỉ nói ngắn ấy và im bặt.

Mưa xối xả. Chiếc xe bò dừng lại. Tiến bước xuống.

— Ông đợi tôi nhé, để đưa tôi về bến.

Trời tối mịt. Mưa rá rích, buồn lạ ! Miền cỏ đơn lại về với Tiến : đời sẽ tàn héo — nhưng ta vẫn sống lẻ loi. Đã

... mười bảy tuổi rồi, mà ta chưa được nếm vị ái tình như
... ăng, đã nói.

— Ông hãy ấn mạnh tay xuống. Lời người phụ. Tiến
... xuống. Chuông vang lên trong nhà, nhưng vẫn im bất.

Người phụ ngáp thành tiếng, có vẻ tự do.

— Mặc sức mà ngủ cho sướng, trời lạnh mà.

Tiến ấn mạnh chuông hơn — bước chân người nện
... hành lang, dừng lại cửa lớn.

Yên lặng, giọng nói khó chịu phát ra :

— Ai đó ? khuya rồi, bấm chuông làm gì ?

Tiến định trả lời nhưng người phụ xe đã đáp : Chứ

... r hãy mở cửa — có người ở mặt trận

... m giùm thư về cho bà giáo, sư Hoàng-Lựu.

— Là nhĩ ? có ai ở mặt trận đâu ?

Người phụ xe gằn: là cái gì ? người ta đem giùm thư
... phương xa về cho mà...

Cửa hé mở. Tiến giải thích sự có mặt của mình. Người

... an ông sợ sệt lộ ra mặt :

— Mời ông vào — bà tôi đương ngủ. Ông đứng đây

... i tôi thấp đèn — điện hôm nay bị cúp — khéo vấp mây

... ng cấp nhẽ.

Ánh sáng của đèn cây yếu ớt — người đàn ông nói :

Đừng midol Đủ các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

« mời ông vào ». Tiến bước vào. Người giúp việc mỉm
... cười nhìn Tiến. Ông đợi nhẽ, tôi đi gọi bà tôi đây.

Tiến dốt 1 điều basto gắn lên miệng, ngồi đợi. Chàng
... đột ngột và khó chịu sự hiện diện của mình — nhất là
... giữa đêm khuya, chàng có mặt trong ngôi nhà chứa
... nhiều bí ẩn mà chàng là kẻ ngoại cuộc dò đường.

Ngôi nhà trang hoàng thật là tuyệt diệu làm cho Tiến
... tróc ao — chàng muốn ở lại đây, không muốn đi nơi nào
... hết.

Mùi hương tỏa ra trong nỗi buồn đêm khuya. Bỗng
... đứng ý tưởng cũ kỹ lại về với Tiến, thời gian đẩy ta vào
... căn cõi và chết. Chàng cười thầm : Sao ý tưởng này lại
... xuất hiện trong căn nhà này, căn nhà ta không quen biết
... và chốc nữa ta sẽ ra đi. Đời ta như chiếc tàu neo bến.
... Chàng ngẩng đầu lên.

— Xin lỗi, làm ông chờ lâu quá — người thiếu phụ
... vừa nói vừa mời chàng ngồi.

— Xin lỗi bà là... nữ giáo sư Hoàng-Lựu ?

— Vâng, tôi ạ.

Tiến ngạc nhiên khi thấy nàng trẻ và đẹp lạ. Bốn mắt
... dò hỏi. Xin lỗi đã làm rộn bà, chàng vừa nói vừa đưa
... phong bì. Nàng cảm ơn, đón nhận nhưng không mở ra
... xem ngay — đặt thư trên chồng sách.

Đừng midol Đủ các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

Tiến xin phép nàng được hút thuốc.

— Vâng, ông tự nhiên cho.

Tiến nhìn nàng qua ánh sáng bạch lập — chàng rất ngạc nhiên. Về mặt quen thuộc của nàng. Tiến tự hỏi : hay là Hoàng của ta tám năm trước — phải chăng ? Phải chăng ? phải chăng ? Tiến nghĩ vậy song không dám đặt nên thành câu đề dò nàng. Chàng cố xua đuổi dĩ vãng.

Hoàng-Lựu ngồi đối diện với chàng. Nàng yên lặng nhìn mưa qua khung cửa sổ trong khi Tiến chờ đợi những câu hỏi của nàng về chiếc thư hay thăm dò gì chăng (?)

Hình như nàng biết ý định của Tiến, — nói về luật sư Thăng à ? Nàng vừa nói vừa cau mày. Anh Thăng còn sống, thế là được rồi, mong ông hiểu cho.

Lựu dịu giọng như một người thân, ông vừa ở ngoài mưa lạnh không lẽ lại ra hứng mưa lạnh nữa sao ? mời ở lại uống trà với tôi đã. Tiến nhận lời.

Ông đừng lo, tôi sẽ đưa ông ra bến tàu, bây giờ ông cho người phu xe về đi. Tiến y lời, bước ra trả tiền. Khi trở vào thì trong bàn đã bày ra những thức ăn: bánh, trái cây và rượu mạnh.

Lựu xin lỗi về bữa ăn đạm bạc này. Nàng nói cho Tiến biết nàng đang vận động xin về miền Nam dạy.

Tiến yên lặng và mong muốn nàng nói về Thăng. Ngay từ lúc Thăng cùng nằm nhà thương, Tiến cũng đoán được phần nào cái bi đát của gia đình bạn, và bây giờ chàng mới thấy rõ hơn sự bi đát ấy. Tiến lặn lội đến đây vì là thư của bạn, vì sự phối thác nhưng nàng vẫn thờ ơ.

— Ông đừng bận lòng về việc đó nữa. Không hiểu vì sao nhà tôi lại phá rầy ông nhỉ.

— Thưa bà có gì là phá rầy đâu. Chúng tôi cùng sống chết có nhau ngoài mặt trận. Hơn nữa... thật là thoải mái cho tôi.

— Thưa ông, cái gì thoải mái ?

Nàng nhìn ngay mặt Tiến. Tiến bối rối ngập ngừng : trong một khoảng không gian và thời gian nào đó đưa đến cho ta những cái ước mơ thành sự thật, những ngẫu nhiên bất chợt làm ta thích thú — rồi bất chợt ra đi. Để trái tim mỗi người mang nỗi nhớ mong ở mỗi miền xa lạ. Chàng ngừng lại.

— Mời ông uống tiếp. Nàng vừa nói vừa rót thêm rượu vào cốc của Tiến.

Hoàng Lựu nhìn chàng :

— Ông đã có...

— Vâng, tôi vẫn còn là tôi. Ở trận tuyến cũng như nhà thương tôi vẫn là tôi cô độc. Tôi đã từng mơ tưởng đến đoạn đời của tôi — tôi mơ chiến tranh mau kết thúc để tôi hưởng những kỳ diệu giữa con người và con người.

Wết thương tôi tạm lành, tôi được đi dưỡng bệnh. Tiến nhìn nàng và tiếp :

— Trên những nẻo đường hay những giòng sông tôi đã đi

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm (?)
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

1360/BVT/DPDC

qua — nơi nào tôi cũng vẫn thấy cô đơn. Nói vậy không có nghĩa là tôi sợ cô đơn, đôi lúc tôi chấp nhận sự cô đơn, khiếp đảm ấy.

— Cái gì làm cho ông buồn, cái gì làm cho ông vui sướng?

— Tôi không biết nữa. Rồi chàng im bật.

— Sao lại ngừng? tôi muốn ông nói tất cả, vì tôi mong mỏi và đương khao khát được nghe. Nói đúng hơn, tôi rất thèm nghe.

Mưa vẫn rơi — Hoàng-Lưu nhìn Tiễn qua ngọn bạch lạp và thỏ thẻ: ông đã sống cuộc đời cô độc, và tôi, hiện tôi cũng vậy.

Bỗng gió thổi tắt ngọn đèn, vô tình hai người nắm tay nhau trong khi tim bật lửa. Tiễn siết chặt lòng bàn tay của nàng — hơi nóng tim sang một cảm giác mới. Lưu khẽ nói: tôi không ngờ hôm nay, một ngày độc nhất của đời tôi mà suốt đời tôi không quên.

Tiếng còi thổi thúc như cướp đi cái hạnh phúc phút giây của người cô độc.

Tiến thở dài: đã đến giờ lên đường. Lưu bình tĩnh: ông đợi nhé. Nàng khẽ ngâm hai câu Kiều cốt cho Tiến nghe:

« Người đầu gặp gỡ làm chi »

Trăm năm biết có duyên gì hay không ».

Dùng midol
1360/BY.T/DPDC.
tri các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Tiến mỉm cười, nàng xoay đầu nơi khác. Tiến trông thấy hai vai trắng buốt, tóc đen xỏa xuống, ngực nàng quyen rũ và căng đầy sự sống — Tiến nghĩ rằng nếu nàng không phải là vợ của Thắng, thì chàng sẵn sàng tình nguyện làm một tên nô lệ nơi đây, nơi thành phố này và nhất là nơi nàng, nơi nàng thiếu phụ đẹp, buồn, dễ mến. Chàng sẵn sàng chối bỏ tất cả, tất cả! Nhưng không, còi đã thúc giục.

Hai người yên lặng dò bước trong đêm tối. Lưu rùng mình. Tiễn lo ngại: Bà lạnh à? Không. Nàng trả lời mạnh bạo.

Trời tối quá, đường khó đi, mưa lại nặng hạt. Lưu bảo: ông đưa tay đây, tôi dắt cho khỏi bị sụp hố. Chàng ngoan ngoãn vâng lời nàng tuyệt đối.

Chân Tiến đã bắt đầu giảm nước, chàng lo ngại và đau nhói cả con tim. Lát nữa chàng sẽ xa Lưu, xa người thiếu phụ đã làm con tim lãng du của chàng mong muốn neo bến. Trời ơi! sự ràng buộc của nguồn máy bắt chàng phải chặt đứt con tim mọi kết. Dù mới gặp nàng lần đầu song chàng cảm thấy hết sức gần — nhưng rồi đây Tiến phải xa nàng, xa cái bàn tay thần tiên đã dắt chàng đi trong đêm nay.

Trời! còi tàu lại gành tị ta, lại dứt giữa ta và nàng.

Gần tới rồi, thôi chúng ta hãy chia tay, giọng nàng buồn rười rượi — cái nhìn của nàng chứa cả trời buồn kết tụ.

Dùng midol
tri các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



Tiến nắm tay nàng :

— Thưa bà, đêm nay sẽ thành quá khứ đau buồn, cái đau buồn của trang tình sử sẽ gặm mòn xương tủy của hai ta.

Chàng qui xuống đất ẩm nước và nói : « giữa thế kỷ hai mươi này, một thằng trai đã dày dạn chiến trường đương qui dưới chân nàng để cảm tạ và nhận lãnh chiếc hôn ». Hoàng Lựu cảm động và đột nhiên nàng qui theo và nói :

— Không. Đây không phải là sự hèn mạt — mà đây là hành động của kẻ anh hùng, hào hoa hiem có trên đời này.

Mưa ào xuống — gió ngoài sóng tạc vào tề buốt. Hoàng Lựu đỡ Tiến dậy. Thôi ! ông về mặt trận. Tiến yên lặng, cái yên lặng khiếp đảm nơi chàng — chàng làm lui bước lên tàu — tàu nhỏ neo. Bốn mắt nhìn nhau chết sững — quá khứ đã về, khi một ngày mới bắt đầu.



NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ
LÒNG DANH TRONG
LỊCH - SỬ



22. — HOÀNG HẬU

THEODORA

★ TÂN - PHONG



(tiếp theo P.T. 178)

■ Cô gái diễm vô danh bước lên Ngai Hoàng-Hậu

NHÀ viết sử Procope không nói rõ trong trường hợp nào vị Trượng-phu trẻ tuổi Justinien đã gặp Théodora lúc nàng vừa chân ướt chân ráo đến Thủ-đô Constantinople. Điều ấy khiến người hậu thế rất ngạc nhiên, vì Procope đã theo dõi những cuộc phiêu lưu của Théodora từ lúc thiếu-thời, không sót một chuyện gì trong đời sống của nàng mà ông không thuật lại rõ ràng những chi tiết.

Các sách viết dưới thời Hoàng-đế Justinien, thế kỷ VI, cũng không đá-động đến chuyện ấy. Mãi thế-kỷ thứ XI, mới có một vài nhà văn Hy-Lạp chép rằng : « Théodora thuê một ngôi nhà nhỏ ở kế-cận Cung-điện của Vua, và nơi đây Théodora có cuộc sống ăn-dật và đạo-đức, suốt ngày chỉ đan len bỏ mối cho

bạn hàng, làm kẻ sinh-nhai như một cô gái rất hiền lành nết-na đứng-dẫn, nhưng tuy còn trẻ mà nhan-sắc đã gần tàn-tạ vì lúc dĩ-vãng ăn chơi quá độ». Có người cho rằng ngôi nhà này chính là do Justinien thuê cho Théodora ở, để đêm đêm ông có thể tới lui với nàng mà không sợ ai để ý. Sau khi lên ngai Hoàng-hậu, Théodora đập phá căn nhà này để dựng lên một Thánh - đường thờ Đức Bà Maria để tạ ơn Bà đã « thương nàng và tiếp-dẫn nàng đến địa vị Hoàng-Hậu ».

Nhiều người đồng thời ở Hy-Lạp trong giới trí-thức và trưởng-giả không hiểu tại sao Justinien có thể mê-dắm nàng Théodora quá như thế. Có người cho rằng Théodora có «bùa yêu». Phải chăng chính bùa yêu do cô bạn vũ-nữ Macédonie đã cho nàng ở Antioche đạo nọ ? Cũng có thể, như nhiều nhà văn khác ở Hy-Lạp và Ai-

NGƯỜI ĐÀN BÀ LỪNG DANH

Cập đã nói, Théodora là một cô gái làng chơi quá sành sỏi, nàng có những thủ - đoạn tinh-xảo về nghệ-thuật luyến ái khiến cho Justinien đem mê đắm-đuối vì nàng và không thể xa nàng được.

Procope đã viết về tình-yêu của Justinien đối với nàng : « Théodora là mối tình mê-khoái nhất của Justinien. Nàng đòi hỏi ân huệ gì, hoặc món vàng bạc châu báu nào, Ông cũng sung-sướng lấy cho nàng đầy đủ như nàng mong ước. »

Một thời-gian ngắn-ngủi, Théodora đã trở nên giàu sang, một cảnh giàu sang bậc nhất trong đế - quốc Byzantin, huy hoàng tráng lệ không ai bì kịp. Nàng chỉ còn thiếu một điều, là lễ thành-hôn. Nàng nhõng-nheo đòi Justinien chính-thức cưới nàng làm vợ. Ông Trượng-phu Triều - đình Hoàng-đế chấp nhận ngay, nhưng thiêm của ông, bà

Hoàng-hậu già, vợ vua Justin, quyết - liệt phản - đối. Người em dâu của vua, chính là mẹ ruột của ông, cũng không ưng-thuận. Hai người đàn bà này đều cho rằng « Justinien bị bùa mê bả-dột của con phù-thủy » nên mới say mê nàng quá như vậy. Phải tìm cách ngăn cản « con yêu - tinh » đó vào trong Cung-Điện.

Mặc dầu Justinien bênh-vực người yêu đủ điều, ông cũng không thuyết - phục được mẹ và thiêm của ông. Ông đành chờ hai bà này chết để cưới Théodora.

Vả lại, luật - pháp Triều-đình không cho phép một vị Đại-thần thành-hôn với một gái diễm, mặc dầu gái diễm ấy đã giải nghệ và đã trở về nếp sống lương-thiện. Justinien bèn ép buộc chú ông, là Hoàng-đế Justin, phải ký một sắc lệnh tôn Théodora lên bậc mệnh-phu. Như thế, Théodora không còn là «gái

điểm » nữa. Tiếp theo đó, Hoàng-đế lại phải ký một sắc lệnh thứ hai cho phép « những cựu vũ-nữ, ca nữ, gái điếm, đã giải nghệ, được phép đưa đón lên Hoàng-đế để xin phục hồi địa - vị phụ - nữ lương - thiện, và được kết hôn với bất cứ người đàn ông nào, kể cả các quan Đại thần trong triều đình, và vẫn được chức mạng-phụ, Phu-nhân.»

Sắc lệnh được ban bố ra thì ba ngày sau, Justinien cử hành long trọng lễ thành hôn chính thức với Théodora. Và ngay hôm đó, Théodora được vào ở trong cung điện với tư cách là mệnh phụ, vợ chính thức của vị Đại-thần Justinien. Đó là năm 524 (có sách chép là 525).

Năm 527, Hoàng đế Justin lại ra sắc lệnh như sau đây :

« Để thỏa mãn nguyện - vọng của thần dân, Trẫm quyết định giao phó cho cháu của Trẫm, là Justinien, trọng trách kế vị Ngai vàng của Đại Đế-Quốc Byzantin». Rồi ba ngày sau, ngày chúa nhật lễ Phục sinh, 1 tháng 4 năm 527, Justinien làm lễ phong vương tại nhà thờ Sainte Sophie. Lễ Đăng-quang của Hoàng hậu Théodora thì được cử hành trọng thể tại Chánh điện của Hoàng đế, trước mặt bá quan văn võ. Xong, Tập Hoàng Hậu được đưa ra bao lơn để giới thiệu với dân chúng và được dân chúng hoan hô theo nghi lễ đã sắp đặt trước. Có điều đáng chú ý là dân

chúng cũng như triều đình sợ uy quyền đang mạnh của Justinien, nên không ai dám hó hé tỏ một thái độ gì gọi là bất mãn. Procope bảo : « Trước sự kiện trơ trẽn đó làm nhục cho Đế quốc, ở Nghị viện không có một vị nào dám tỏ vẻ phản đối, hay khinh tởm. Trái lại, toàn thể nghị viên đều phải đến quỳ sụp trước mặt Théodora như trước một đấng Nữ thần.» Bên giới tu sĩ cũng thế « Không một vị nào của Giáo hội Thiên Chúa tỏ một vẻ gì tức giận, dù bằng cách hòa nhã. Trái lại, tất cả các vị Linh mục và Giám mục đều cúi đầu cung kính tôn Théodora làm « hặc Despoina.» Còn Quân đội thì : « Không có một vị Tướng Tá nào tự cho

là nhục nhã phải phụng sự Théodora như quốc mẫu. Họ sẵn sàng vì nàng mà hy sinh tính mạng nếu cần phải ra chiến địa...» Dân chúng thì : « như một bầy nô lệ chia tay ra van xin nàng che chở!» Tóm lại, « tất cả mọi người đều mặc nhiên chấp nhận sự kiện ở nhục kia : để một gái điếm lên ngôi Hoàng hậu ». Bốn tháng sau, Hoàng đế Justin băng hà, Tân Hoàng đế Justinien và hoàng hậu Théodora được toàn quyền xử dụng các Lầu đài cung điện của đế đô.

Nàng bắt đầu phá bỏ hết các cảnh bài trí cũ kỹ của cựu Hoàng, và thay đổi toàn diện nếp sống hằng ngày trong cung điện. Nàng sửa đổi lại các nghi lễ, để

Đông
1950-1951-1952

midol

trị các chứng đau nhức
vô cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

Đông
1950-1951-1952

midol

trị các chứng đau nhức
vô cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

địa vị Hoàng-hậu được nâng cao lên tột bậc, để toàn thể cung nhân và Triều đình phải răm rắp tuân theo mệnh lệnh của nàng. Cung - điện của nàng ở được trang hoàng cực kỳ lộng lẫy. Các đoàn công nhân giỏi nhất trong nước, thợ nề, thợ mộc, thợ vôi, thợ vẽ, được gọi về Hoàng cung, làm việc quanh năm suốt tháng, không ngớt ngày nào, để xây cho nàng một bồn tắm vô cùng mỹ lệ và một phòng trang điểm huy hoàng nhất trong lịch sử Byzance. Procope có ghi lại thời khắc biểu của Théodora :

«...Mỗi buổi sáng, thật sớm, nàng đến bồn tắm và ở đấy thật lâu, nằm ngâm tắm thân ngọc ngà trong

nước âm âm, trong xanh và thơm phức. Xong, nàng tiếp các quan đến bái yết, dùng bữa trưa, rồi ngủ, rồi dùng bữa tối, rồi ngủ. Nàng ngủ ngày ngủ đêm... Các món ăn của nàng thì khỏi phải nói : Hoàng-đế Justinien truyền lệnh cho các quan coi bếp phải dâng lên Hoàng hậu tất cả những đồ ngon vật lạ, quý nhất ở Âu-châu và Á-châu. Có những buổi tối, nàng thức để sắp đặt và tính toán việc cai quản của cải riêng của nàng. Ngoài vô số vàng, bạc, châu báu đủ loại nàng còn có rất nhiều các biệt-thự đồ-sộ, lộng-lẫy, mà nàng cho xây-cất ở chung quanh Cung điện, và ở khắp nơi trong thành phố, ở cả các đô-thị ngoại-quốc, ở lục địa Á-châu, và Ai-cập. Nàng

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BX.Y/BPDC

giao việc quản-đốc các động sản và bất động sản của nàng cho một viên quan trẻ, đẹp trai, triết để trung thành với nàng, tên là Aréobinde. »

Theo Procope kể lại, thì dư luận trong Triều cũng như ngoài dân gian đồn rằng Hoàng-hậu si-mê Aréobinde, nhưng về vấn-đề tiền-bạc của-cải nàng rất phân-minh và không lấy tiền cho trai như những đàn bà si-linh khác. Chúng có lẽ có lần Aréobinde tinh sô, làm mất đâu một món tiền khá lớn, liền bị nàng bắt binh lính trói ké hai tay, đánh đập tàn nhẫn, và chính nàng chứng kiến cuộc hình-phạt dã man ấy. Sau đó, Aréobinde bị thủ tiêu bí mật, không ai thấy tấm tích hấn đâu cả.

Nàng đặt ra một ban mật vụ riêng, dưới quyền điều-khiển trực tiếp của nàng. Nhiệm vụ của ban này là đi



Hoàng-hậu Théodora trang điểm (tranh vẽ thế kỷ VI, còn để lại)

rảo khắp các phố, nghe ngóng tin tức, dư luận của dân chúng và về tâu lại với nàng tên tuổi những kẻ nói xấu nàng, về bất cứ phương diện gì. Hầu hết những kẻ chống đối nàng đều bị thủ tiêu.

QUAN - THẾ - ÂM

Bài họa số 14 :

Cứu khổ cứu nàn, Quan thế-âm,
 Đại hùng, đại lực, Đại Bi-Tâm.
 Con thuyền Bắc nhả về cực lạc,
 Giọt nước Cành-Dương rây ách xâm.
 Chấn chấn nhân-sinh, sâu khổ lụy,
 Nơi nơi Phật pháp nguyện hoằng thâm.
 Quê hương khói lửa đầy tang tóc,
 Máu lệ hòa chan ngập đỉnh trầm.

* TRINH-HƯƠNG
 (Tuy Phong - Bình Thuận)

Bài họa số 15 :

Cứu khổ muôn loài Quán thế Âm,
 Nghìn thu ơn đức khắc ghi tâm.
 Diệt trừ phiền não thương an lạc
 Đứt bỏ mê lầm nghiệp chướng xâm.
 Dưa muối, kệ kinh, thân tự tại,
 Tinh tiên, danh lợi, họa càng thâm.
 Đường tu vi biết, mau lui bước,
 Trần tục lánh xa, đến đỉnh trầm.

Cửu-sĩ GIÁC-NGẠN
 (Bình Đại - Kiến Hòa)

NGƯỜI ĐÀN BÀ LÔNG DA NH

Nàng đặt ra những nghi lễ mới trong triều, và bắt buộc các quan đại thần phải đối xử với nàng cũng như với Hoàng-đế. Mỗi buổi sáng, đúng 10 giờ, sau khi nàng tắm nước hoa và trang điểm xong, nàng tiếp các quan Đại thần đến vấn an nàng, nơi phòng khách riêng của nàng. Không một vị quan nào, dù ở chức cao tột bậc trong Triều, được miễn nghi lễ ấy. Vì đông quá, các quan phải chầu chực nơi phòng kế cận, có khi hàng giờ mới đến phiên mình được cho vào « bái yết Hoàng-hậu ».

Procope chép : « Mỗi ngày, người ta thấy bọn đại thần chen chúc nhau đến « chầu Hoàng-hậu », y như một bầy nô lệ, chờ đợi trong một căn phòng chật chội, thiếu ánh sáng và không khí. Tất cả đều phải xen lẫn nhau để

có chỗ đứng, và thỉnh thoảng phải nhón gót, ngừng cổ cho cao lên để các hoạn quan trông thấy mặt. Nhiều « cụ lớn » phải lo lót tiền cho các viên hoạn quan để được đưa vào bái yết trước những vị khác. Nhiều vị phải chờ đến hai ba ngày mới được Hoàng-hậu tiếp, nhưng ngày nào cũng phải có mặt nơi đây. Khi được hoạn quan cho vào rồi thì vị Triều thần phải khép nép tiến đến trước mặt nàng đang ngự trên ngai báu và quỳ sụp xuống, nàng lấy hai bàn chân nỏ nà và thơm ngát của nàng mà đưa lên môi hôn một cách rất cung kính. Tuyệt đối cấm thừa bảm một lời nào, một tiếng nào, nếu không được nàng truyền lệnh cho phép trước. »

(Kỳ sau hết)



Bài họa số 16 :

Lòng thành khẩn nguyện đức Quan-Âm,
 Mượn nước từ Bi rửa sạch tâm.
 Cứu vớt sanh linh qua bể khổ,
 Dắt diu nhơn loại khỏi lầy xâm.
 Phá tan tiếng súng thay lời kệ,
 Dứt bỏ chiến bào lấy áo thâm.
 Đạo đức tiến lên hung bạo thối,
 Lửa hờn dập tắt ngùn hương trầm.

BÙI-HỮU-NGHĨA

(*Bình-Đại*)

Bài họa số 17 :

Ngưỡng vọng Phật bà Quán-Thế-Âm
 Cảnh đương cam lộ gọi dân tâm
 Cho về nẻo phải thôi sinh sát
 Để lại đường ngay hết lẩn xâm
 Huỳnh đệ tương tàn thù vợi vợi
 Đồng-bào thống khổ hận thâm thâm
 Bến Mê lặn hụp ngày đêm tối
 Lạy Đức Từ Bi vớt khỏi trầm !

TRẦN-PHƯỚC-KÝ

(1915 Lê-Lợi, Thốt-nốt — Long-Xuyên)

Bài họa số 18 :

Riêng kính tặng thi sĩ Nguyễn-Vũ

Nhà-Thơ cầu nguyện Phật Quan-Âm
 Mà dấng Từ-Bi chẳng bận tâm ?
 Muốn lạy mỗi chờ ơn tế-độ,
 Mười năm chưa dứt hận lầy xâm !
 Nặng cảnh Dương-liều, sương rơi lụy !
 Hứng giọt Cam-lồ, mắt trũng thâm !
 Kết chuỗi Thơ-Hoa dâng cúng Phật,
 Hương mơ tan-tác quỵện hương trầm !...

● **PHAN-HỒNG-NGA**

(*Đại Học Sư Phạm*)

Bài họa số 19 :

Làm sao kêu thấu Đức Quan-Âm
 Dân-tộc triền-miên khổ-hận tâm.
 Máu lửa toi-bời huỳnh-đệ chiến
 Nước non xơ-xác ngoại-lai xâm.
 Áo cơm đất đỏ leo thang tít
 Đời sống xô-bỏ xuống vực thâm.
 Lạy Phật Từ Bi mau tế-độ
 Bầy con hụp lặn bể luân trầm.

● **Trần Diệu Lý**

● **Trần quang-Thanh**

● **Lệ Sâm**

(*Nam nữ công chức Saigon*)

Mình ơi,

**IN DẤU
NGÓN
TAY**

**trên giấy
CĂN CƯỚC
đề chi vậy ?**



— Đề biết mình là AI trong số 25 triệu người Việt-Nam

* **DIÊU-HUYỀN**

CÁCH đây sáu bảy tháng, một hôm Bà Tú đi chợ chỉ mua một bó rau muống, mười đồng mằm ruốc, một trái chanh, hai trái ớt, bốn miếng đậu hủ, mà bà đề tụi mót tụi nưng mất chiếc bóp của bà trong đó có thể căn cước, một lọ nước hoà, phấn, sáp, biên lai đóng tiền hụi và một tấm ảnh của ông Tú.

Về nhà bà Tú khóc quá xá. Ông Tú an ủi bà rồi đưa bà đến Quận đề khai mất đồ và xin làm thẻ kiểm tra khác. Người ta chỉ cấp cho bà một giấy chứng nhận tạm, hứa 3 tháng sau mới làm thẻ kiểm tra mới. Mấy tháng nay vì vấn đề an ninh sao đó, bà Tú mỗi lần xách giỏ đi chợ là bị Cảnh Sát chặn lại khám xét và hỏi căn cước. Đưa giấy chứng nhận tạm, họ tỏ vẻ không tin, cứ hạch sách, kiểm chuyện này nọ hoài. Bực mình quá, bà đến Quận đòi làm thẻ căn cước cho xong. Nhưng nơi đây họ làm việc theo phương pháp Rùa bò, cứ khất lần khất hồi, 5 tháng rồi mà vẫn chưa làm. Mai đến sáng thứ Hai hôm qua, bà gặt gồng quá họ mới đưa bà đến phòng Cảnh Sát Tư Pháp đề làm căn cước mới cho bà.

Nhưng đến đây bà Tú lại bực mình vì việc « lẫn tay ». Họ cầm mấy ngón tay nơn nà của bà đề lăn trên một ống mực đen, rồi in vào thẻ kiểm tra, và ba bốn tấm giấy khác nữa (họ bảo đề giữ trong hồ sơ). Hai tay bà bị mực in dính tèm lem, dơ quá xá dơ mà họ chỉ đưa bà một miếng dẻ bần thiu đề chùi sơ sạ, càng làm dính mực vào cả tay áo và vạt áo trắng của bà nữa. Bà Tú nổi sùng, gây thôi là gây !

Nhưng về đến nhà, trông thấy mặt ông Tú là bà vui tươi lại ngay. Với một giọng thổ thổ vô cùng dịu lành, âu yếm, bà hỏi ông Tú :

— Mình ơi, họ in dấu mấy đầu ngón tay của em vào thẻ căn cước, đề chi vậy, hả Mình ? Nè, Mình coi ! Cái tụi dã man, họ làm tay em ghê tởm chưa !

Bà Tú chìa hai bàn tay dính mực đen thui nơi bốn đầu ngón tay. Ông Tú cười bảo :

— Em đi lấy xà bông rửa tay sạch sẽ rồi anh sẽ nói chuyện cho em nghe.

— Mình chờ em một tí nhé, Mình !

Bà Tú ngoan ngoan đi ra

phòng tẩm. Một lát, bà trở vào ngồi cạnh chiếc võng nơi đây ông Tú đang nằm xem một tờ báo ngoại quốc. Bà đưa bàn tay trắng nõn trắng nõn thơm mùi sô-đum gần mũi ông Tú. Ông đặt một nụ hôn lên mỗi ngón tay, rồi bảo :

— Đáng lẽ họ lấy dấu một ngón tay trở của em cũng đủ rồi, không cần làm bần mấy ngón khác.

— Lấy dấu ngón tay để chi vậy, Minh ?

— Đối với Cảnh Sát Tư Pháp (Police judiciaire), lấy dấu ngón tay của mỗi người để cất vào hồ sơ, là một điều tối ư quan trọng để họ biết mình là ai trong khối vô danh của dân số một nước.

Nói một cách thiết thực hơn, đó là một biện pháp dự phòng hiệu nghiệm tuyệt đối và chắc chắn nhất để tìm vết tích của một người nếu người ấy là thủ phạm một vụ án bí mật chẳng hạn...

Bà Tú tỏ vẻ lo sợ, hoảng hốt :

— Em có phạm tội ác gì bí mật đâu mà họ lấy dấu các ngón tay của em ?

— Anh đã nói đó chỉ là một phương pháp dự phòng thôi (un procédé préventif). Ở tất cả các nước trên Thế Giới, khởi đầu là các nước văn minh tân tiến nhất của Âu Châu, mỗi người công dân, bất luận ở giới nào, đến tuổi trưởng thành, trai cũng như gái, đều phải làm thẻ căn cước cá nhân để tiện việc kiểm tra dân số, kiểm soát quân dịch, v.v... Muốn ấn định thật đích xác những đặc điểm riêng biệt của mỗi cá nhân, không thể lầm lẫn với bất cứ một cá nhân nào khác, người ta đã đặt ra phương pháp đo thân hình : đo bề cao, bề ngang, và ghi những dấu vết riêng trên mặt mũi, tai, tóc, những nốt ruồi, sẹo, tàn nhang, v.v... Phương pháp đo tổng quát thân người như thế, gọi là **Anthropométrie**. Khoa này gồm cả phương pháp lấy dấu những đường chỉ nơi đầu các ngón tay, gọi là **Dactyloscopie**.

— Ghi những dấu vết riêng biệt của thân thể mỗi cá nhân, trên mặt, mũi, trán, như những nốt ruồi, sẹo, tàn nhang v.v... thì em chịu là có lý, vì không ai

giống ai. Nhưng còn lấy dấu chỉ tay trên các đầu ngón tay, thì làm sao phân biệt được mỗi người khác nhau như thế nào ?

— Ấy, cái đó mới là tài ! Nguyên thủy người ta đã khám phá và xác nhận rằng **mỗi người có những đường chỉ tay riêng biệt hẳn, không giống với những đường chỉ tay của bất cứ một người nào khác**. Hai người sinh đôi, mặt mũi thường giống nhau, đến đôi người ngoài nhìn có thể lầm lẫn được, thế mà những đường chỉ trên bàn tay và các xoáy trên năm đầu ngón tay của họ vẫn khác nhau hẳn, không có một ly một tí nào giống nhau cả. Nhà bác học chuyên môn của Anh Quốc trừ danh về khoa sinh lý học, **Sir Francis Galton** (1822-1911), em họ của Ch. Darwin, trong quyển *Natural Inheritance* có tính ra rằng phải xét kỹ những dấu chỉ tay của **64 . 000 . 000 . 000** (64 tỷ) người họa may mới tìm được **2** người có chỉ tay giống nhau ! Nhưng trên quả Địa Cầu của chúng ta đang ở đây, chỉ có **2.500.000.000** (2 tỷ rưỡi) người mà thôi, thì

ta thấy rằng **không thể nào có một người thứ hai có những đường chỉ tay và những xoáy đầu ngón tay giống như của mình hay của một người nào khác**.

Áp dụng sự-kiện thiên nhiên bất di bất-dịch đó, một nhà Bác học Pháp, **Alphonse Bertillon** (1853-1914) Giám đốc Nha Cảnh sát Tư-pháp Paris, đã phát minh ra phương pháp « **lấn tay** », tức là lấy dấu các đường chỉ tay, các xoáy đầu ngón tay của tất cả công-dân nước Pháp, để dự phòng việc truy tầm các thủ phạm những vụ án bí-mật xảy ra trong xứ.

— Truy tầm cách nào các thủ phạm đó ?

— Thí-dụ, trước kia chưa có phương pháp của Bertillon, một kẻ ăn cắp đồ nữ-trang trong một nhà giàu, hoặc một kẻ giết người bằng súng lục hay bằng dao, v.v., sau khi phạm tội ác xong thì trốn mất biệt, cảnh sát tư pháp không thể nào tìm bắt được thủ phạm. Hoặc có bắt được những kẻ bị tình nghi thì cũng không có bằng chứng để buộc tội người ta. Nhưng từ

khi có phương pháp lấy dấu các đầu ngón tay cất trong hồ-sơ của nha Cảnh-sát Tư-pháp thì sự truy tầm thủ phạm rất là dễ dàng và mau chóng. Bởi vì trong lúc hành-sự phi - pháp, giết người hay cướp của chẳng hạn, thủ phạm đã để lại dấu vết những ngón tay của hắn trên các vật mà hắn đã đụng chạm, sờ mó, như cánh cửa, chìa khóa, mặt kiến tủ, bàn ghế đánh véc-ni, giấy tờ, v.v.., Nhờ một vài chất hóa học, như phấn chì (céruse) bột nhôm (poudre d'aluminium), Sulfure chì, anti-moine, v.v... người ta lấy được và chụp hình được, **những dấu vết rất rõ rệt, nổi bật lên từng nét**, những đường chỉ và các xoáy trên năm đầu ngón tay do thủ phạm đã để lại trong lúc đụng chạm đến các vật tang-chứng kia. Người ta so sánh những dấu vết ấy với những dấu « **lấn tay** » trên bốn sao các thẻ căn cước cá nhân mà sở Tư-pháp cất kỹ - lưỡng trong những hồ sơ của họ, thì họ tìm ra được ngay tên tuổi và lý lịch của kẻ phạm tội, không bao giờ sai lầm cả, và không một chút khó khăn nào cả.

— Họ tìm cách nào mà tài quá vậy, hả Minh ? Làm sao họ truy tầm được căn cước của một thủ phạm trong đồng 25 triệu hồ-sơ cá-nhân của dân số Việt-Nam chẳng hạn? Chẳng lẽ một kẻ nào đó giết một người nào đó vì lý-do nào đó, rồi sở Tư pháp Saigon phải lục soát tất cả các bốn sao căn cước của 2 triệu dân ở đô-thành Saigon, kể cả của Minh và của em, để tìm dấu lấn tay giống với dấu tay của thủ phạm ?

— Họ đâu cần lục soát đến hồ sơ của em và của anh, và của hai triệu người công dân ở Saigon ! Một vụ án bí mật, dù bí mật thế mấy chẳng nữa, cũng chỉ có một số 5, 7 người, nhiều lắm là 10 người, **bị tình nghi** vì một lý do này hay một lý do khác. Thí dụ, một thiếu nữ bị ám sát, thấy bỏ nằm trong phòng hoặc ngoài bờ ngoài bụi, thì người ta điều tra tất cả những người đàn ông, hay đàn bà, bị tình nghi vì ghen tuông, vì bị ruồng bỏ, bị phản bội, v.v.. hoặc có thể bị dính líu vào nội vụ vì một trường hợp nào đó, một lý do nào đó. Cuộc điều

tra các nhân chứng và các người có dính líu với nạn nhân sẽ kết quả có một số 2, 3 hoặc 4, 5 người **bị tình nghi nhiều nhất**, và sự so-sánh dấu chỉ tay trong hồ-sơ căn cước của họ với những dấu chỉ tay lấy được trên các đồ vật ngay tại nơi xảy ra án mạng, sẽ lời ra thủ phạm. Đó là trường hợp thứ nhất : trường hợp có những kẻ bị tình nghi.

— Thí dụ người ta thuê kẻ khác giết thì sao? Thủ phạm là người ngoại cuộc thì biết đâu mà tìm ?

— Đó là trường hợp thứ nhì : không có ai bị tình nghi, hoặc những người bị tình nghi đều hoàn toàn vô tội, những dấu chỉ tay làm tang - chứng đều không phải là những dấu chỉ tay của họ. Đây là trường hợp thủ phạm là một kẻ giết thuê, một kẻ ngoại cuộc, như em nói, một kẻ không trực tiếp dính líu gì với đời sống cá nhân của nạn nhân. Hoặc thí dụ cô thiếu-nữ đi xem hát về khuya một mình trên con đường vắng vẻ, bị một thằng đàn ông lạ mặt chọc ghẹo, cưỡng dâm không được,

v.v... nó rút con dao đâm một nhát cho chết, rồi bỏ chạy trốn trong bóng tối, không ai trông thấy. Nó tưởng rằng nó phạm tội sát-nhơn như thế mà không có bằng chứng gì, thì không có cảnh sát công-an nào truy tầm được nó. Nhưng không sớm thì muộn thế nào nó cũng bị bắt, không thoát được lưới của Tư pháp.

— Vì sao ?

— Chính vì những dấu vết năm đầu ngón tay nó còn để lại ngay nơi xảy ra vụ án mạng dã-man rùng-rợn của nó. Em nên biết rằng chỉ lấy được dấu vết **một ngón tay**, như ngón trỏ, hoặc ngón cái, ngón áp-út, ngón đeo nhẫn, của tay trái hay tay phải, cũng đủ để tìm ra thủ phạm, chứ không cần có đủ dấu vết cả 5 ngón, hay 4 ngón. Tuy trên thế giới này hiện có trên 2 tỷ rưỡi con người ta, nghĩa là có trên 2 tỷ rưỡi dấu chỉ tay khác hẳn nhau, không cái nào giống cái nào, nhưng tựu trung người ta có thể chia ra làm **6 phân loại**, theo **6 biểu thức** (Schemas) dưới đây :



1 : Xoáy nghiêng bên trái, 2 : Xoáy nghiêng bên phải.

3 : Xoáy hình cung, 4 : Xoáy hình trái núi,

5 : Xoáy tròn, 6 : xoáy hình chữ S.

Trong mỗi thể cá nhân (fiche individuelle) như thể của em chẳng hạn, sắp xếp trong tủ hồ sơ của Nha Tư Pháp, đều có ghi 2 tổng số mỗi lồng số gồm 5 đơn số để phân biệt những dấu chỉ trên đầu 10 ngón tay của mỗi người thuộc về phân loại kiểu mẫu nào. Thí dụ : đây, trên tay trái của em, **ngón cái** có xoáy tròn, tức là thuộc về hình thức kiểu mẫu **5**. **Ngón trỏ** có xoáy hình trái núi, thuộc hình thức kiểu mẫu **4**. **Ngón giữa** có xoáy tròn, kiểu mẫu **5**. **Ngón đeo nhẫn** có xoáy nghiêng bên phải, kiểu mẫu **2**. **Ngón út** có xoáy nghiêng bên phải, kiểu mẫu **2**. Trên tay phải của em, những con số khác... 1,2,2,4,6. Do đó, người ta đã

ghi trên thẻ cá nhân của em những con số thay vì những ngón tay, thành hai tổng số nhất định: **54522—12246**. Mười con số này, bất di bất dịch, là tiêu biểu đúng hình thể kiểu mẫu của 10 ngón tay của em, **tổng số trước** là **tay trái** quan trọng hơn, **tổng số sau** là **tay mặt**. Đây là ám hiệu để nhận ra căn cước mỗi người do các dấu lặn tay (điểm chỉ), theo phương pháp áp dụng ở khắp các sở Tư-pháp của các nước trên Thế Giới hiện nay.

Bà Tú cầm bàn tay ông Tú :
— Đề em xem 10 ngón tay của Minh thuộc về ám hiệu nào nhé. Tay trái : ngón cái, xoáy tròn, số **5**. Ngón trỏ xoáy nghiêng bên trái, số **1**. Ngón giữa xoáy tròn, số **5**. Ngón áp út xoáy tròn, số **5**. Ngón út, xoáy tròn, số **5**. Tay phải : ngón cái xoáy tròn, số **5**. Ngón trỏ xoáy tròn; số **5**. Ngón giữa, xoáy tròn, số **5**. Ngón áp út xoáy tròn, số **5**.

Ngón út xoáy nghiêng về bên trái, số **1**. Thế là ám hiệu của Minh là... xem nào...:

51555 — 55551

Những ngón tay của Minh nhiều xoáy tròn quá, há! Em lấy ám hiệu của Minh thế có đúng hông ?

— Đúng... Bây giờ anh nói tiếp về tư tưởng hợp của kẻ thủ phạm vô danh giết cô thiếu nữ lúc này. Người ta xem những dấu vết điểm chỉ do hấn đã để lại trên một vài vật ở ngay nơi xảy ra án mạng, có thể là trên lá cây, trên ống quần lụa xa-tanh của cô gái, trên thẻ kiểm tra của cô ấy, v.v., nghĩa là vô tình trong lúc 5 hay 10 ngón tay của hấn sờ mó, đụng chạm các vật trên kia, là những tang chứng không thể nào chối cãi được do chính hấn đã để lại để tự tố cáo tội ác của hấn.

Người ta lấy được các dấu tay đó, chụp hình để lộ ra rõ rệt, và tìm ám hiệu, thí dụ : 22453 — 44352.

Người ta tra-cứu các thẻ cá nhân (fiches individuelles) đã được sắp xếp theo phân loại

các ám hiệu căn cước của những kẻ mà lý lịch có thành tích bất hảo ở Saigon. Dĩ nhiên là họ gạt ra một bên những người lương thiện, mà chú trọng công việc truy tìm trong các phần tử xấu xa, tội bại, thì thế nào cũng lộ ra ám hiệu 22453 — 44352 của thủ phạm. Về nguyên tắc, phương pháp truy tìm là như thế. Tuy nhiên về thực hành, không phải là không gặp vài sự khó khăn, mất nhiều thời giờ tra cứu. Nhưng sớm hay muộn, họ cũng tìm ra thủ phạm một khi họ đã lấy được tang chứng cụ thể nhất, chắc chắn nhất, là **ám hiệu căn cước của thủ phạm**. Ta nên biết thêm rằng mỗi dấu tay đều có những **điểm đặc biệt** (points caractéristiques), do đó mà nó khác biệt các dấu tay khác. Những đặc điểm ấy là những cái ngắn, cái quẹo, cái đường cong, cái vòng, cái gạch, ngang, cái chấm, v.v... Lấy kính hiển vi, hoặc kính lúp (loupe) mà xem thì thấy dấu chỉ tay nơi đầu mỗi ngón tay nào cũng có đến hàng trăm điểm đặc biệt như thế. Chính những điểm đặc biệt đó tiết lộ ra căn cước

dịch xác của thủ phạm, chứ không phải hình thức tổng quát của nó. Những *ám hiệu* bằng con số như trên kia được dùng làm căn bản cụ thể để truy tầm đến những điềm đặc biệt. Khi so sánh **hai dấu chỉ tay cùng một ám hiệu mà có tối thiểu là 12 điểm đặc biệt giống nhau**, thì không thể nào lăm lăm về căn cước của thủ phạm được nữa.

— Minh à, thế ngộ như thủ phạm mang « *găng* » tay để phòng, khỏi để lại dấu tay thì sao?

— Cứ như kinh nghiệm của hai nhà chuyên viên **Locard** và **Stockis**, thì thủ phạm dùng « *găng* » tay vẫn để lộ các dấu tay như thường, không che lấp được. Tại phòng thí nghiệm của sở Cảnh Sát tội ác ở Lyon, một thị trấn lớn của Pháp, đã số kê bắt lương dùng « *găng* » để mở các tủ sắt, cướp các đồ châu báu, và giết người, đều bị « *lộ tẩy* » chính vì những dấu tay của họ để trên mặt bàn ghế có đánh véc ni, mặt tủ, mặt gương, hột xoài cửa, v.v... mà chiếc *găng* không che lấp được. Vì hầu hết những dấu tay

để lại trong trường hợp đeo *găng* là do chất ẩm của mồ hôi thành hột nhỏ lý tỷ ở trong da tay rịn ra, và in nguyên vẹn rõ rệt trên mặt các đồ vật mà bàn tay đụng chạm hoặc sờ mó vào. Nhờ các chất hóa học, người ta lấy được các dấu tay đó, và chụp ảnh nó, rất dễ dàng.

— Minh à, các dấu tay có thể thay đổi, hoặc phai mờ, hoặc biến mất được không, vì tuổi già, vì đau ốm, vì bị phỏng lửa, vì làm việc lao động lâu ngày bàn tay và ngón tay bị chai?

— Không bao giờ một dấu chỉ tay bị biến mất, hoặc bị thay đổi, phai mờ. Một đứa bé sơ sinh từ **4 tháng** cho đến khi lớn lên, **đến già, đến chết**, vẫn giữ nguyên những đường chỉ tay và những xoáy trên đầu các ngón tay, không hề bị thay đổi bất cứ vì lý do nào. Thí dụ ngón tay bị phỏng lửa, bị phỏng nước sôi, và bị sưng lên, rồi làm mũ, v.v... Nhưng đến khi lành, kéo da non, lại hiện ra những đường chỉ mới giống hệt những đường chỉ cũ, không sai một ly. Những ngón tay bị chai, người ta dùng các chất hóa học lột các lớp chai đó

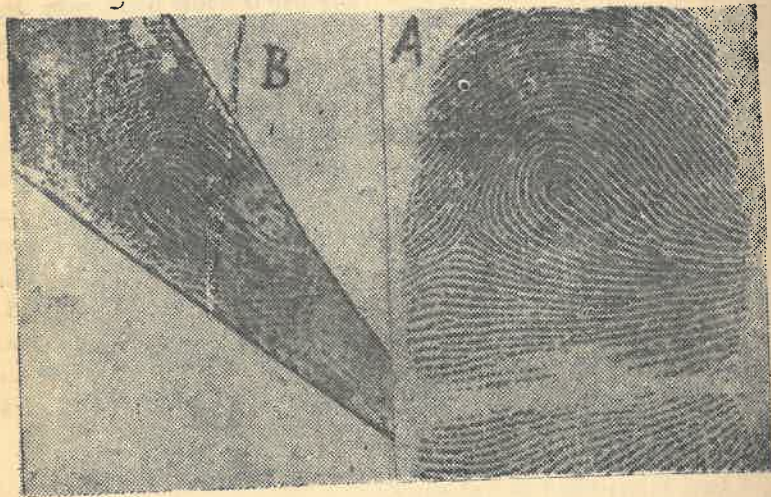
thì cũng thấy lộ ra các đường chỉ thiên nhiên bất di bất dịch của nó.

Em nên biết rằng một tên sát nhân, hoặc một tên cướp khét tiếng, sau khi gây tội ác một cách hết sức dã man và bí-mật, rồi trốn đi ngoại quốc, trước sau gì rồi cũng sẽ bị lộ tông tích và bị bắt ngay ở ngoại quốc. Vì sao vậy? — Vì các ám hiệu căn cước của hắn đã được gửi đến các cơ quan truy tầm của tư pháp, nhờ đó sự hiện diện

của hắn ở ngoại quốc, mặc dầu hắn đã để phòng đời tên, đời nghề nghiệp, đời hình tướng (đề râu, cạo râu, v.v...), đời cả nếp sống trở thành một nhân vật lương thiện, cũng sẽ bị tiết lộ vì **mấy đường chỉ trên đầu các ngón tay** mà hắn không làm cách nào đời được. Một hai năm, có khi 5, 10 năm, 15, 20 năm, hắn cũng bị lọt vào lưới cảnh sát công an ở bất cứ nơi nào hắn trụ ngụ, bất cứ trá hình bằng cách nào.



Henri Léon Scheffer, tên sát nhân Pháp sau thời gian bỏ trốn, đã bị bắt năm 1902



A :
Dấu 1 ngón tay trở của thủ phạm Scheffer in trên thẻ căn cước (bản sao cất trong hồ sơ của Tư-pháp).

B :
Dấu một phần ngón tay trở ấy, do chuyên viên tư-pháp « lấy » được trên mặt kính cửa sổ nơi xảy ra án mạng. So sánh và tra cứu bằng loupe, thấy những xoáy và những « điểm đặc biệt » của A và B đều giống hệt nhau ! Do đó, thủ phạm Scheffer đã bị bắt.

Chẳng hạn như Henri Léon Scheffer, tên sát nhân Pháp đã bỏ trốn một thời gian sau khi phạm tội ác, và đã bị bắt năm 1902, lần đầu tiên nhờ phương pháp lấy điểm chỉ của Alphonse Bertillon, đã áp dụng bên Pháp từ năm 1882.

Từ đầu thế kỷ XX, nhất là từ vụ án Scheffer, khoa « lẩn tay » — *Dactyloscopie* của Bertillon, được thực hiện bên Anh, Đức, Ý, Mỹ, Nhật, Nga, rồi dần dần khắp các xứ khác trên thế giới.

— Mình ơi, hèn chi em xem báo hằng ngày thấy nhiều vụ

trộm bí mật, nhiều án-mạng cũng rất bí-mật, tưởng không thể nào tìm ra thủ-phạm, thế mà một thời-gian sau các báo đăng tin thủ phạm đã bị bắt, em cứ thắc mắc hoài.. Thì ra chỉ nhờ mấy đường chỉ tay và mấy cái xoáy trên mấy ngón tay « lạy ông, tui ở bụi này » !

— Các sở Cảnh-sát tư pháp (Police judiciaire), trên thế-giới đều có đầy đủ hồ sơ về những thành phần gọi là « bắt hảo », những tay đã có thành tích trộm cướp, hiếp dâm, hoặc chủ mưu, hoặc đồng lõa các hành động phạm pháp, v.v... với *ám hiệu căn cước* của họ (code d'identité) bằng những con số như chúng ta đã thấy lúc nãy. Hoặc thủ phạm là người xưa nay vẫn vô-tội, mới lần đầu tiên nhúng tay vào tội-ác, thì cũng để lại *ám hiệu căn cước* của mình ngay nơi gây ra tội-ác đó. Cho nên hầu hết các thủ-phạm và

đồng-lõa không sớm thì muộn cũng lọt vào lưới pháp luật.

— Còn như em, và Mình, và bao nhiêu người lương thiện khác, sao cũng bị « lẩn tay » vào thẻ căn cước, để chi ?

— Đó chỉ là biện pháp dự phòng, áp dụng chung cho toàn thể công-dân một xứ. Nếu mình vô-tội thì ai dám rờ đến mình

— Rờ đến em, em hoảng cho gãy xương sống chớ bộ. Ai rờ đến Mình, em cũng bẻ cổ nó, chớ bộ !

Bà Tú tự-nhiên ôm choàng lấy ông Tú, hôn thối là hôn... và khề rừ rừ bên tai ông :

— Hai đứa mình cứ sống hiền lành âu yếm mãi mãi như thế này, thì hạnh phúc mãi-mãi-đời-đời-kiếp-kiếp-vô-cùng-vô-tận, Mình há !

Điền Huyền



▲ TƯ TƯỞNG HAY

Vô đa ngôn, đa ngôn đa bại.

Không-Tử



* NGUYỄN - VỸ

(tiếp theo P.T. 178)

1932 — Hà-nội, Phong
phụ-nữ đi bộ được gọi
« Phong trào tiểu-thư đi

1936 — Sài-gòn, Phong
phụ-nữ đi xe máy.

ả hai đều bông-bột được
t vài tháng, làm sôi-nổi
- luận, rồi bông - dựng
ội lạnh. Ngọn lửa rom
tắt, chỉ còn lại một đồng
tàn, tan biến trong cuộc

sống gió-bụi hằng ngày,
không ai nhắc đến.

Chứng-kiến cả bề mặt và
bề trái, của hai cuộc vận
động ấy, Tuấn nghĩ rằng
nếu một ngày nào đó nổi
lên phong-trào phụ-nữ lái
xe Camion chở hàng-hóa,
hoặc phụ-nữ lái xe ô-tô,
buýt chở hành khách, hoặc
phụ-nữ lái máy bay đi từ
Hà-nội, Saigon, qua Hong-

TUẤN. CHÀNG TRAI

Kông, Tokyo, Manille, New
York, Paris, London, v.v...
thì chừng đó Tuấn mới
hãnh-diện cho phụ-nữ thật
gọi là tân-tiến của Việt-Nam.

Nhưng xét kỹ lại, Tuấn
cho rằng « bệnh ấu-trĩ của
Tân-thời » không thể nào
tránh được đối với một xã-
hội vừa mới ở trong tình-
trạng cố-cựu bước qua giai-
đoạn tân-tiến, do sự tiếp-xúc
với những yếu-tố của một
văn-minh hoàn-toàn mới lạ.
Nhất là trong lúc một xã-
hội bị gọi là « chậm tiến »,
(danh - từ của thực - dân
thường dùng là « arriéré »),
chưa chuẩn-bị đầy đủ để
đón-nhận các hình-thức mới
của nếp sống, của tư-tưởng,
của quan-niệm về nhân-sinh
tập-tục. Lénine cũng đã gọi
« la maladie infantile du
communisme », (bệnh ấu-
trĩ của chế-độ Cộng-sản)
những hăng-hái quá-trớn,
sai lầm, vô-ý-thức của Cộng-
sản ở giai - đoạn sơ-khởi,

chưa chuẩn-bị đầy-dủ, thiếu
kinh-nghiệm, và ngoan-cổ.

Xã-hội Việt - nam trong
khoảng 20 năm giữa Đệ-
nhất và Đệ-nhi Thế-chiến
(1919 — 1939) cũng ở trong
tình trạng ấu-trĩ của « bệnh
Tân thời ». Nó muốn vươn
mình theo kịp tiến-bộ Tây
phương, nhưng không đủ
phương tiện, yếu-tố, cho
nên chỉ chuyển động quanh-
quẩn trong khung-khổ mong
manh, của một xu-hướng
tân-thời chưa có căn-bản
vững-vàng, chưa có phương
hướng nhất định.

Những phong-trào « Tiểu-
thư đi bộ », « phụ-nữ đua
xe máy », « khiêu-vũ »,
« áo Lemur » v.v... đều là
những biểu-dương của chứng
bệnh ấu-trĩ đó, mà phụ-
nữ « An-nam » đã mắc
phải trước nhất.

(Tiện đây, xin nhắc lại
phong-trào « Áo Lemur »
rất thịnh-hành lúc bấy giờ.

1932, lần đầu tiên, người thợ may cổ-trên báo *Phong Hóa*, nội, một kiểu áo dài cho « phụ-nữ tân thời » « *Áo Lemur* », lấy theo áo đầm, và sửa đổi cho hợp với phụ nữ Nam ».

Thợ may ấy tên là G., và lấy danh hiệu tiếng Pháp *Le mur* (ch tường) để « lảng tránh » kiểu áo « tân thời » của sự bảo trợ của báo *Phong Hóa*. Các cô ả-đào Âm-Thiên, Ngã-tư-Sở, các cô vũ nữ ở Rex, Asia, là những cô gái diện mặc áo « Lơ-muya » bắt-phơ những buổi lảng-mạn trên Bờ Hồ Kiếm, để gây ra phong cách, và sau đó từ một ông các cô Nữ-Sinh Hà Nội đến các con-sen chi các tỉnh đều đua nhau áo « Lemur ».

Áo « Lemur » được thịnh hành nhất ở Hà-nội và các tỉnh Bắc Kỳ và vài ba tỉnh Trung-Kỳ. Ở Saigon và các tỉnh Nam Kỳ, các nhà may áo phụ-nữ đã chế ra kiểu áo giản dị hơn, thích hợp với xứ nóng).

Biết mục-dịch cuộc Nam-du của Tuấn là quan-sát tinh-hình Văn-hóa, xã-hội, chính-trị, của Saigon « Lục tỉnh », một người bạn đưa Tuấn đến dự một buổi tập dượt của « Đoàn Kịch Bắc Kỳ » do một kịch gia Pháp chuyên môn, tên là Claude Bourrin sáng lập và điều khiển. Và lại, do sự giới thiệu trước của người bạn ấy, ông Claude Bourrin có gửi giấy mời Tuấn đến xem, lúc 6 giờ chiều chủ nhật, tại sân khấu của đoàn, ở đường Pellerin. Đoàn Kịch, được biết nhiều hơn bằng danh-hiệu Pháp-ngữ, *Groupe théâtral Tonkinois*, gồm độ 10 Nam-nữ kịch-sĩ, trẻ tuổi,

toàn người Bắc-Kỳ nhưng có gia đình ở Saigon.

Tuấn rất cảm động được chủ - nhâu, ông Claude Bourrin, đón tiếp niềm-nở và cho biết buổi tập dượt đặc-biệt hôm nay là cốt đề cho Tuấn xem, và mong Tuấn cho biết cảm nghĩ sau khi xem xong.

Hôm ấy, đoàn diễn 4 hài kịch ngắn (seynètes) bằng tiếng Việt : « *Biên lạn* », « *Nửa!* », « *Ông Cò* », « *Thợ cút tóc* », đúng hai tiếng đồng hồ, mỗi kịch dài 30 phút.

Tuấn công nhận rằng toàn thể kịch-sĩ, cả Nam lẫn Nữ, đều có tài và đã thành công rất mỹ mãn, tuy họ không có nhiều thì giờ tập dượt, theo lời họ cho Tuấn biết. Kịch do ông Claude Bourrin soạn bằng tiếng Pháp và được dịch và diễn bằng tiếng Việt. Cách bài trí trên sân khấu đơn giản lắm, nhưng sự sắp xếp bối cảnh của mỗi

vở kịch rất mau lẹ và có nghệ thuật điều luyện, không hề bừa bãi, luộm-thuộm. Cả 4 vở kịch đều có ý - nghĩa hài-hước rất sâu-sắc, và các diễn viên đã biết làm nổi bật lên những đoạn khôi hài khiến thịnh giả không thể nhìn cười được rất nhiều lần suốt buổi trình diễn.

Tuấn bắt tay khen tặng nồng-nhiệt ông Claude Bourrin và tất cả các kịch-sĩ tài-hoa, trẻ trung của ông. Lúc ra về, một nữ diễn viên, cô Tâm-Hồng, tỏ ý muốn mời Tuấn đi ăn « bánh đập », để thưởng thức một món ăn đặc - biệt Saigon mà cô biết ở Hà - nội không có. Chỗ bán bánh - đập ở một khoảng đất trống, bàn ghế kê la liệt ngoài trời, ở cuối đường Frère Louis, (nay là Võ - Tánh) giáp đường Cây Me (nay là Nguyễn-Trãi) và gần Đồn Ô.Ma của nhà binh Pháp, (nay là khu Ủy - Hội

Quốc-Tế Đình-Chiến). Chung quanh là bờ bụi hoang vắng, đèn điện chỉ lưa thưa vài ngọn, rải rác có vài túp nhà lá thấp đèn dầu. Chỗ bán bánh-đập trứ danh đó, vì theo lời cô Tâm-Hồng, là chỗ bán bánh-đập duy nhất ở Saigon cũng là nơi gặp gỡ của « trai thanh gái lịch » của « Hòn - Ngọc Viễn-Đông », trong những đêm oi-ả.

Lần đầu tiên, Tuấn ngỡ ngác nghe cô Tâm-Hồng gọi 2 chai « xá-xì »... Ở Hà-nội Tuấn chưa hề thấy loại nước ngọt có cái tên tân-kỳ đó.

Chín năm sau, năm 1945, Tuấn ở tù ra, đi xe lửa vô Saigon thăm lại kinh-đô Nam-kỳ. Tuấn trở lại quán bán bánh-đập thì ngạc nhiên thấy khu đất hoang 9 năm trước nay đã biến thành một cái chợ, gọi là chợ Thái-Bình. Quán bánh-đập ngon lành đã biến đâu mất. Tuấn đi tìm khắp Saigon Chợ-lớn

không còn thấy một quán bán bánh-đập nào nữa cả. Tuấn ghé vào một tiệm Hoa Kiều trong chợ, gọi một chai... « xá-xì »...

Tâm-Hồng là một nữ nghệ sĩ có danh tiếng thời bấy giờ ở đất Saigon. Cô có căn bản văn hóa, nói tiếng Pháp thạo, viết văn Việt bóng bẩy, và hiểu rõ đời sống văn nghệ ở thủ đô. Cô cho Tuấn biết rõ rằng công chúng Nam kỳ kể cả giới trí thức Thượng lưu và Trung lưu, chỉ mê coi Cải lương, chứ không thích coi kịch. « Đoàn kịch Bắc Kỳ » của Claude Bourrin là đoàn kịch duy nhất ở Saigon, diễn kịch theo lối Seynètes của Pháp, rất hay, nhưng không được công chúng thưởng thức mấy. Mỗi lần trình diễn, đăng quảng cáo trong các báo liên tiếp mấy ngày, mà số khán giả mua vé đến xem không quá vài trăm người.

Các rạp cải-lương, trái lại, đông nghẹt người ta, đàn ông, đàn bà, con nít, và những Đào cải-lương như cô Năm Phỉ, cô Phùng Hà, kếp Năm Châu, đều được nổi tiếng như cồn.

Ngoài ra có một số thích xem hát bội. Khán giả Ciné, thì đa số là Tây, Đám, và đám học-sinh và thanh niên trí-thức An-nam.

Kịch là một môn Văn nghệ do người Pháp nhập-tích vào, bị người « An-Nam » cho là « lạt lẽo », « trơ - trên », vô - duyên, không hấp-dẫn bằng Cải-lương, hát chèo Triều-Châu, và hát bội Cầu-Muối.

Riêng về chủ-nhân Đoàn Kịch Bắc-Kỳ, điều khiển với

tất cả một lòng tận-tụy hăng-say vì nghệ thuật, ông Claude Bourrin, thì Tuấn đã nghe tên ông trong lúc đọc các nhật báo Pháp ở Sài-gòn và Hà-nội. Ông là một Kịch-gia chuyên môn, đã nổi tiếng ở Paris, nơi đây ông đã có nhiều vở kịch được trình diễn trên sân khấu L'opéra. Suốt thời gian ông ở Saigon, làm một công-chức Pháp, ông vẫn có thì giờ để trình-diễn các vở kịch của ông tại « Nhà-hát-tây » (nay là nhà Quốc-Hội và nhà Văn - Hóa) và rất được khán-giả Pháp và ngoại-quốc nhiệt-liệt hoan-ngheh. Ở Hà-nội, Hải phòng ông cũng được thành-công rực-rỡ.

Cho nên bị thất-bại với « Đoàn Kịch Bắc Kỳ », mà

Dùng midol

ĐI CÁC CHỢ ĐAU NHƯ
VÀ CỬN CƯỜI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

theo lời cô Tâm Hồng ông đã bỏ vào đây biết bao là tiền bạc và thì giờ, ông đành phải giải tán, với lòng thất vọng chua chát thấy rằng người « An nam chưa biết thưởng thức nghệ-thuật của môn Kịch ». Anh chị em kịch-sĩ xin phép ông cho họ giữ lại danh hiệu Đoàn, và họ tự động đi diễn kịch qua các tỉnh Trung kỳ và Bắc kỳ, để phổ biến nghệ thuật Kịch rộng rãi trong dân chúng. Nhưng rất tiếc họ vẫn không đạt được mục đích tốt đẹp ấy. Tại Hà Nội, Nam định, Hải phòng, mặc dầu có sự ủng hộ triệt để của báo chí, và số khán giả có phần đông hơn ở Saigon gặp ba lần, nhưng họ vẫn

không gặt được kết quả khả quan về tài chánh. Không đủ tiền sở hụi, và khán giả phần đông là trí thức có Tây học, chỉ đông đảo trong một hai đêm đầu.

Trong thời gian đó và tiếp tục về sau, *ban kịch Vi-huyền-Đắc* ở Hải phòng, *ban kịch Tinh Hoa* của Thế Lữ và Đoàn phú Tứ ở Hà nội, cũng không « sống » được lâu trong sự lãnh đạm cố thủ của công chúng.

Dù sao, Tuấn cũng thấy rằng *Claude Bourrin* và *đoàn kịch Bắc Kỳ* của ông gồm toàn nghệ sĩ hồn xù, đã đóng vai trò tiên phong rất xứng đáng về môn thoại kịch trong Văn-học-sử Việt nam cận đại-

(Kỳ sau tiếp)

Cần mua và tìm cho được quyền :

Thành Ngữ Điển tích Danh-Nhân Tự-Điển

và của Giáo-Sư TRỊNH-VĂN-THANH
nhóm giáo-sư SIÊNG-HỌC biên soạn.

Do nhà xuất bản VĂN phát hành vào đầu tháng 8 dl 1966

SÁCH BÁO MỚI

● **Mây ngàn**, truyện dài của Vita, có di ảnh của tác giả đã qua đời hồi tháng 6-1956. Có bài « *Đọc lại mây ngàn, nhớ Vita* » của Thiếu Sơn, nơi trang đầu quyền truyện. Dày 137 trang, giá bán 55đ. Nhà X.B. Nhân Loại, 9/1 đường Phan Tôn, Saigon.

● **Gió Nồm**, Thi tập của nhà thơ Đông Xuyên.

Tiên sinh là một Thi sĩ của hai phái Nho học và Tây học, nổi tiếng từ lúc còn đăng thơ trong An Nam tạp chí của Nguyễn Khắc Hiếu, và cũng là một bạn cố tri của Tân Đà.

Đông-Xuyên có sở đắc về thơ Đường, thâm thúy, mông lung, và dịch thơ Hán văn của Nguyễn Thượng Hiền và Trần Quý Cáp, nhiều bài rất tế nhị, thanh thoát.

Gồm trên 50 bài, tập Thi tuyển có giá trị này quay bằng Renéo và không hề giá bán.

● **Chương trình Bàn Đường Công tác Xã-hội.**

Của Ông Đỗ Ngọc Yến, Văn phòng : 27-29 Bùi Quang Chiêu, Saigon.

★ **Đầy Đại Học**, tài liệu chỉ dẫn cho các học sinh vừa qua bậc Trung học, do Phong Trào Thanh Niên Công Giáo Đại Học Việt Nam biên soạn, rất công phu. Một cuốn sách hữu ích cho những sinh viên mới vào Đại Học. Sách tặng, không hề giá.

□ **THƠ LỤC-BÁT của Anh-Hoa.**

Sách in đẹp, trình bày trang nhã. Anh-Hoa là một nhà thơ Quân đội đồng thời với Diên-Nghị, Nhất-Tuấn, Hoàng-Ngọc-Liên, Sẽ có bài phê bình ở số sau.

truyện...

TRẦN - THANH - LÝ

Trộn vụn về Thù Giang

Mười mấy năm rồi xa cách nhau,
Thời gian đọng phủ mái trường nâu;
Trường vôi mờ trắng ghi ngày tháng,
Em có nhớ không. Truyện ban đầu.

Hồi ấy em là một nữ sinh,
Vui đùa trong nắng ấm bình-minh.
Dạo ấy anh vẫn còn đi học,
Đuổi mộng bàng-khuàng. Truyện chúng mình.

Anh thương em qua tình ngây thơ,
Đôi vai suốt tóc chảy đậm bờ.
Mắt xanh dọn liễu — đôi mày nhỏ.
Trong truyện sách đèn — Truyện bâng quơ.

Anh hỏi em rằng : em mấy tuổi (?)
Em cười và bảo : bằng tuổi anh.
Năm ấy đôi ta cùng mười sáu,
Gát truyện bâng quơ — Truyện học hành.

Thế rồi kẻ tiếp mấy Thu sau,
Trong tuổi học trò cảm tình nhau.
Anh lên trao em vần thơ đẹp,
Đôi ta nguyện hẹn : Truyện giao cầu.

Từ đấy nhiều lần trong mơ ước,
Con đường hạnh phúc một ngày mai.
Nhựa đời tràn thắm niềm tha thiết,
Trường về thương nhắc — Truyện tương lai...

Những tưởng cuộc đời là bề cả,
Đôi ta phăng mái vượt trùng-dương;
Nhưng tiếng ve sầu trong nắng Hạ,
Đề ai buồn nhắc — Truyện đôi phương.

Em về mang tâm sự băng trình,
Nhạc buồn anh tiễn khúc ly-tinh,
Tà áo nữ sinh thay áo cưới.
Em ơi ! đồ võ chuyện chúng mình.

TRẦN-THANH-LÝ

ALASKA

Biên thủy cuối cùng của Lục địa Mỹ châu

★ THÁI-BÌNH-DƯƠNG dịch :

BẮT cứ người dân Alaska nào cũng đều triu mến gọi tiểu bang mình là « Biên thủy cuối cùng » như vậy. Alaska là một vùng địa cầu bao la cuối cùng chưa được « khám phá ». Trong khi lái thuyền buồm của Hoàng đế nước Nga qua vùng biên thủy này, Vitus Bering đã nhìn thấy ngọn núi St Elias năm 1741, và đã phác họa được những nét đại cương của khối đất bán cầu này

● ERNEST GRUENING
(thực-nghị-st)

Excerpts from The Romance of North America, (c) 1958 by Houghton Mifflin Company. Abridged from the book and reproduced by permission of the publisher.

trên bản đồ Bắc Thái Bình-Dương. Giấc mộng vĩ đại của William H. Seward, Ngoại-trưởng dưới thời các Tổng Thống Lincoln và Johnson, là muốn tậu cái « Châu Mỹ thuộc Nga » của Hoàng Đế Alexander đệ nhị. Khi Quốc hội được triệu tập vào năm 1868, tức là năm sau Hiệp định Nhượng địa để xem xét việc ứng dụng ngân khoản nhượng địa 7.200.000 Mỹ-kim, thì Alaska lúc ấy được gọi bằng nhiều thứ tên thật

BIÊN THỦY CUỐI CÙNG

chối tai; như « Con diên của O. Saward », « Băng sơn », « Wal-russia », và được mô tả như một vùng hoang địa không thể nào cư trú.

Tuy nhiên, trước khi theo dõi lịch sử Alaska, ta cũng nên biết qua về khí hậu của xứ này. Vì là vùng bao la bát ngát, nên trạng thái khí hậu cũng rất phức tạp. Alaska chiếm một diện tích 586.000 dặm vuông, rộng bằng một phần năm diện tích của cả 48 tiểu bang khác. Ngoài mọi tiểu tiết không đáng kể, ít ra cũng có ba vùng khí hậu chính: miền duyên hải, miền nội địa và miền Bắc. Đa số dân Alaska cư trú dọc theo bờ biển Thái Bình Dương của Alaska, hoặc ven biển miền Nam. Tất cả các thị xã của Alaska đều ở miền này, nhưng chỉ có hai đô thị lớn. Phần đông dân Alaska sống trong một trạng thái khí hậu khá ấm áp về mùa đông, hơn là các miền Tân Anh-quốc, Nữ ước, Ohio, Illinois; và khá mát mẻ về mùa hạ, với nhiệt độ ít khi quá 80°F. Giòng nước nóng của Nhật Bản chảy dọc theo bờ biển cũng có liên hệ tới hiện tượng này. Hơi nước ấm áp của các giòng nước đó đã bốc ra thổi vào

các sườn núi lạnh lẽo hơn cũng giúp ta hiểu rõ tại sao vùng đông nam Alaska lại có nhiều nước đọng nhiều hơn bất cứ nơi nào trong lục địa Hoa Kỳ. Khi người ta di chuyển vào nội địa thì mùa đông trở nên lạnh lẽo hơn, mùa hạ nóng bức hơn. Tới phía bắc dãy núi Alaska từng chia khu vực này thành hai mảnh từ đông sang tây, người ta đã tìm thấy mức nhiệt độ cực thấp đúng như cuốn tiểu thuyết của Jack London đã quảng bá. Mùa đông tuy lạnh mà khô. Và tới khi mực thủy ngân của hàn thử biểu, trong một vài trường hợp, xuống thấp hơn 40° F thì đến một hơi gió cũng không có.

Sự thực, khí hậu Alaska cũng giống như khí hậu của hầu hết các tiểu bang khác, và vấn đề ít dân cư không phải vì lý do lạnh, nóng, mưa hoặc tuyết rơi, mà đặc biệt ở sự tương phản giữa vấn đề ngày đêm dài vẫn khác nhau. Cứ mỗi năm dân Fairbanks lại tổ chức ngày lễ hạ chí. Ngay ở miền nam Alaska, về cuối mùa xuân và mùa hạ, chỉ có vài giờ đồng hồ tối trời giữa khoảng mặt trời lặn và mặt trời mọc, một dịp tốt đối với những ai — như mọi người

aska — biết cảm thông với
ai vật.

hoa kỳ đã được thêm một
g đất rộng ba trăm bảy mươi
triệu sào (375.000.000), quả
miền đất bao la đúng với ý
tên đặt cho nó trong ngôn
truyền khẩu của người Alent.
nhập được Alaska rồi, các
cầm quyền lại quên lãng nó
y. Trong mười bảy năm đầu,
ốc hội chỉ ban hành có hai
luật liên quan đến Alaska.
t đạo luật mở rộng phạm vi
dụng các luật thương mại và
g hải đến Alaska. Đạo luật
nhì giao cho Tổng trưởng Tài
nh quyền kiểm soát việc sản
cầu lấy da tại quần đảo
bilof, quyền này lại để cho
t Công ty ở San Francisco độc
yền khai thác trong hai mươi
n. Quyền cai trị không được
t lập. Quyền hành không do
t đạo luật nào quy định, mà
rc tế, nằm gọn trong tay vị
ng Chỉ huy đoàn quân Hoa-kỳ
n trú tại Sitka. Đến năm 1877,
o quân này dời về Idaho; và
ng hai năm sau, Cục - trưởng
ánh thu Quan thuế, một viên
rc của Liên bang đã cầm đầu
aska.

Năm 1884, để phúc đáp năm
bức điện văn liên tiếp của Tổng
thống phủ hối thúc, Quốc hội đã
thông qua một Văn kiện tổ chức
« khu Alaska ». Văn kiện tổ chức
mới này thiết lập các chức vụ
Thủ hiến và Thăm phán Liên-
bang khu do Tổng-thống bổ nhiệm
và bốn chức vụ Thăm phán tòa
dưới. Bộ luật của tiểu bang Ore-
gon đã được đem áp dụng cho
Alaska. Vì không thể thi hành
được nên trong mười bốn năm sau
đó, năm vị Thống đốc các tiểu
bang đã liên tiếp hối thúc các
nhà cầm quyền liên bang ban hành
một bộ luật riêng cho Alaska.

Tuy vậy, nhà cầm quyền liên
bang vẫn chẳng làm gì cả, cho
đến khi khám phá được vàng tại
Klondike, vào cuối năm 1890,
đưa chừng 60.000 người tìm
vàng, từ các tiểu bang tiến vào
Alaska. Nhiều cơ sở khác sản
xuất vàng tại Alaska, đã biến
việc « tìm vàng » thành một giai
hoại của Alaska. Khi những lớp
người thuộc nhiều tiểu bang mới
tới Alaska, khám phá ra rằng, luật
pháp hiện hành hoàn toàn không
thích ứng để thỏa mãn các nhu cầu,
của họ, họ liền viết nhiều bức thư
chỉ trích các Thượng và Hạ nghị

sĩ của họ, vì khi đó, họ vẫn còn
là cử tri đơn vị. Các nhà lập pháp
quốc gia đã phải ghi nhận các
nguyên vọng này. Tuy nhiên,
những đạo luật dầy thien chỉ đó
vẫn tỏ ra chưa thích đáng, họ lại
thỉnh cầu cử một người hiểu rõ
Alaska — một đại diện không do
đầu phiếu bầu lên — có thể biện
hộ cho Alaska một cách chính thức
Cho đến năm 1906 thỉnh nguyện
này vẫn chưa được chuẩn nhận.
Trong khi đó, dân số Alaska đã
tăng gia đến 60.000 người. Họ
đòi hỏi phải có cơ quan lập pháp.
Sáu năm sau, ngân sách của
họ mới được Quốc hội thỏa mãn
Các tiến triển chính trị trong tiền
bán thế kỷ chiếm ngụ Alaska đã
giến hành chậm chạp, nhưng không
hề có điều gì có tính cách áp bức
trực tiếp hoặc công khai cả.

Tuy văn kiện tổ chức năm
1912 có phần cải tiến, lớn lao
hơn đối với văn kiện năm 1884;
nhưng vẫn còn những điều khoản
cầm đoán những gì mà người dân
Alaska làm. Thêm một lần nữa,
nó cấm đoán việc thành lập các
lãnh địa cai trị. Nó giữ nguyên
quyền của Liên bang kiểm soát
các tài nguyên chính yếu của
Alaska, sự đánh cá và thú rừng.

Năm 1916, Quốc hội đã ban
hành Đạo luật Liên Bang. Tài
Trợ Kiến-thiết Đường Lộ; Liên
Bang và Tiểu bang đều đóng góp
những ngân khoản bằng nhau trong
công cuộc kiến thiết. Nhưng Alas-
ka không có tên trong bản Đạo
luật này (trừ National Forests thì
có). Do sự kiện trên, Alask hồi đó
chỉ có chừng 3.500 dặm đường
lộ, với một số đường lộ tương
đương đã được kiến thiết do nhu
cầu quân sự, dù rằng, không cần
nói, đường lộ nào cũng đều hữu
dụng cả.

Tại Alaska có một đường xe
lửa chính — đường Hòa xa
Alaska dài chừng 470 dặm, đi
từ S urd qua Anchorage đến
Fairbanks. Đường này do Chính
phủ thiết lập và quản trị. Nay một
đường phụ đặc biệt dùng cho
Quốc phòng đang được nghiên
cứu. Năm 1954, Tổng thống
Eisenhower đề nghị thêm một kế
hoạch phụ, cả hai dùng cho việc
phòng thủ và cải tiến hệ thống
đường lộ quốc gia. Ngẫu nhiên,
một tu chính án được đề nghị
ghi tên Alaska vào chương trình
thường xuyên của Liên Bang,
nhưng khả năng dành cho Alaska
bị hạn chế tới giới hạn một phần.

ba diện tích của nó.

Ngày nay, Alaska dần dần thể giới trong việc xử dụng phi cơ tính theo đầu người; thứ nhì là Gia-nã-Đại; thứ ba là Hoa kỳ. Trong cái thế hệ không gian, sự vượt bậc kể ra rất đáng hãnh diện. Và với sự dẫn đầu đó, Alaska đã tiếp tục bước vào thời đại phân lực, và đã đóng góp một phần nào vào vị trí chiến lược của Alaska — một phần vào các khoản chi phí hàng triệu mỹ kim của Liên bang cho những cơ sở phòng thủ. Đối với mọi điểm bất lợi của Alaska, chỉ có quy chế tiểu bang mới là liều thuốc chữa trị thần hiệu. Nhiều dự án qui chế Tiểu bang đã được gửi ngay tới Hoa Thịnh Đốn, nhưng lần lượt không một dự án nào vượt ra khỏi hai ải của lưỡng viện trong cùng một khóa họp Quốc hội. Cơ quan Lập-Pháp Lãnh thổ năm 1955 dự liệu một Quốc-Hội Lập - Hiến có nhiệm-vụ soạn - thảo một Hiến-Pháp cho Tiểu bang Alaska. Các cử-trì cũng đã tán-thành một sắc lệnh cho phép cử hai Thượng-Nghị-Sĩ và một Hạ-Nghị-Sĩ tới Hoa-Thịnh-Đốn để thương-thuyết cho Alaska được công - nhận là một Tiểu bang trong Hiệp-Chủng-

Quốc-Hoa-Kỳ. Phái-đoàn đã sớm bắt tay vào việc tại Thủ-Đô Quốc-Gia, tìm cách vận-dộng đề các phúc-trình ủy-ban của cả hai viện trong khóa họp thứ nhất kỳ nhóm Quốc-Hội lần thứ 85 đều thuận-lợi cho các dự án Tiểu bang, và sau cùng đạt tới thành-công trong khóa họp thứ nhì năm 1958.

Dân Alaska là những ai? Sáu phần bảy dân số chừng 225.000 người, đã từ các Tiểu bang cũ di-cư đến: Họ, hoặc cha mẹ, ông bà họ, theo tập tục của những người Mỹ xưa nhất, thực-hiện cuộc tây tiến để tìm nhiều tự-do hơn, nhiều thuận tiện hơn. Một phần bảy dân số thuộc giòng dõi những lớp thổ dân nguyên-thủy — Eskimo, Aleut, Da Đỏ — tất cả đều hòa-thuận với nhau.

Còn cách sinh-hoạt của họ ra sao? Đa thể là nguyên do đầu tiên, và kể liền ngay đó vào năm 1870, sự đánh cá và khai thác hầm mỏ đã là những động lực thúc đẩy người Mỹ tới Alaska. Với Thái - Bình - Dương phong-phủ hồi đó, chính cá chét và vàng bạc cơ man đã là những cột trụ kinh-tế chính - yếu nâng - đỡ Alaska trong thời kỳ Mỹ chiếm ngụ. Ngày nay, cả hai nguồn lợi

ấy đã suy tàn nhưng vẫn còn tiếp-tục. Thêm vào đó, đã có kỹ nghệ xay bột giấy và sự phá rừng phụ thuộc. Trong quá trình thám-hiềm, người ta đã khám phá ra được giếng dầu lửa vào năm 1957. Và do dự án khai thác vùng Matanuska thúc đẩy nông-nghiệp đã trở thành một nguồn lợi kinh-tế vững mạnh. Sự khai thác mỏ sắt khởi tiền ở miền đông nam Alaska, đã báo hiệu sự phát-triển chất kim-loại căn-bản, và cuộc lùng kiếm tích-cực các thứ kim loại chiến-lược được biết là có tại Alaska, cũng đang được xúc tiến. Và gần đây, vấn-đề quốc-phòng đã trở thành cực kỳ quan-trọng về phương-diện kinh tế. Cũng như tại hầu hết các nước ở ngoài bức màn sắt, kỹ-nghệ du-lịch đang bành trướng mau lẹ.

Trừ các vùng hẻo lánh xa xôi, Alaska đã tự cung cấp cho mình đầy đủ mọi tiện nghi hợp thời-đại. Họ rất đời hãnh-diệp với hệ

thống giáo-dục của họ. Tự lúc khi có qui chế Tiểu bang, thì hệ thống giáo-dục liên-bang cho «Thổ dân» (người giòng giõi Alaska nguyên thủy) lúc bấy giờ được sát nhập vào hệ-thống lãnh thổ. Năm 1913 cơ-quan lập-pháp đầu tiên đã giải-phóng phụ-nữ. Cơ-quan lập-pháp thứ nhì năm 1915, đã thiết lập các quỹ hưu bổng cho người già cả. Một khóa họp đặc-biệt của Quốc-Hội năm 1946 đã thông qua Qui-chế đầu tiên của các CỰU CHIẾN-SĨ ĐỆNHỊ THẾ CHIẾN áp-dụng trên toàn - thể lãnh-thổ Quốc-Gia. Nhờ ở những khoản tiền được vay, các cựu chiến-sĩ đã mua được nhà, tậu được nông trại, tàu đánh cá hoặc dùng vào việc kinh doanh.

Đời sống xã-hội tại Alaska cũng na ná như tại các Tiểu bang khác. Người dân vùng biên-giới rất ưa tổ-chức các trung-tâm sinh-hoạt xã hội quan-trọng tại các thị-xã thuộc Alaska. Các trung-tâm này có tính

ong-thân tương-ái và là
-lạc các dịch vụ cộng-đồng
hiệu-loại khác nhau. Hội Phụ-
phương là chi nhánh của
Liên-Đoàn Phụ-Nữ Quốc-
c Hội « Four H. Clubs »
hệ trẻ tích-cực hoạt-động
khu nông-nghiệp của miền
Alaska. Sinh-hoạt của các
(nam nữ) Hướng-đạo-sinh
động và phồn-thịnh.
g thường tại Alaska cũng
Tây-Phương và thực ra tại
nơi nào khác, sự kiện
chân chiếm hàng đầu vẫn là
nh diện lớn lao đáng kể.
những lớp người tiên phong
đã thiết lập được những
buôn dọc theo sông Yukon
nơi khác trong nội địa
nh. Tại đây, họ buôn bán
cạnh tranh với thổ dân ;
các trạm buôn này tồn tại
thành những cơ sở thương
trong các làng hẻo lánh. Còn
am buôn khác thì đã bị sát

nhập vào Công-ty thương-mại
miền Bắc, cơ-sở thương mại lâu-
đời nhất trên lãnh thổ và cũng là
đối thủ của Công-ty Hudson của
Gia-Nã-Đại.

Vì có người tưởng rằng tại
Alaska có một giai cấp tinh hoa
căn-cứ hoặc vào sự đến trước,
sự giàu có, hoặc vào những khu-
thước khác thường không thể đo-
lượng được, nên cũng cần vạch
rõ rằng, tại Mỹ-Châu, không có
nơi nào bằng Alaska lại hầu như
hoàn-toàn vô giai-cấp. Người dân
biên-giới Alaska chỉ cần biết bạn
là ai và hiện đang làm gì ở đây mà
thôi. Điều may cho Alaska là các
nền văn-hóa thời tiền chiếm —
Eskimo, Thingit Nga — hầu như
đã không lưu lại vết tích gì về
ngôn-ngữ hoặc ảnh-hưởng gì tới
nền văn hóa Alaska hiện đại cả.
Thời kỳ Nga thuộc chỉ để lại một
số ít vết tích về vật-chất hiện
được giữ trong các Nhà Thờ Nga

chính thống. Còn đối với nền văn-
hóa Da đỏ, thì dấu vết chủ-yếu
là những vật tổ của dân Thingit
và Haida, và hiện được lưu-trữ
tại miền Đông Nam Alaska.
Nhưng ngoài đó ra, và cũng ngoại
trừ chừng 30.000 dân Eskimo,
Aleut, Da Đỏ, thì chính người
Alaska đem theo họ một nền văn-
hóa riêng. Tại Alaska, ta nghe
thấy đủ mọi thứ giọng nói : giọng
người vùng Maine và Massachu-
setts, các giọng nói kéo dài khác
nhau của miền Nam; giọng mũi của
vùng Indiana; và trong các giọng
đó, nhiều giọng « lạ tai » dễ nhận,
nhất là giọng của những người
thuộc vùng Thụy - Na - Đan
(Scandinavia). Người Bắc Âu đã
tìm thấy Alaska giống như đất họ
ở và xem như hợp với sở thích.
Nếu trong các Tiểu bang miền Tây
đa số các vị thủ hiến, và không
thiếu gì các Thượng, Hạ-Nghị-
Sĩ có mang tên gọi của vùng Thụy-
Na-Đan (Scandinavia) như thế

nào, thì Alaska cũng vậy : người
Bắc-Âu có quan-niệm về tự-do
song song với ta, cũng đã lưu
truyền vết tích của họ lại.

Trước đây, mới chừng 20 năm
trước Đệ Nhị Thế Chiến, cách du
lich duy nhất là đường biển. Du
khách rời Seattle sẽ được hưởng
cảnh đẹp huy - hoàng của vùng
INSIDE PASSAGE ; kể đó,
rời các khu vực bảo vệ trên mặt
nước, và vòng quanh một dãy núi
từ dưới nước mọc thẳng lên, du-
khách vượt vịnh Alaska, đến Se-
ward. Cuộc du-hành kéo dài một
tuần lễ. Trên tàu, du-khách có
dịp làm quen và bầu bạn với
nhiều người. Mỗi lúc dừng chân
nhiều giờ tại các hải cảng để chất
hàng lên tàu và bốc hàng xuống,
họ đã có nhiều cơ-hội thăm viếng
xã-giao với nhau hoặc giao dịch
thương mại trên bộ. Nhờ đó mà
người dân Alaska quen biết nhau.
Có lẽ, không có nơi nào khác
trên mặt địa-cầu, và chắc - chắn

midol Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC

midol Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC

không có nơi nào khác dưới màu cờ Hiệp-Chung-Quốc-Hoa-Kỳ, có một dân tộc ở rải rác thưa thớt đến thế mà lại quen biết nhau như vậy. Ngày nay, bốn đường hàng-không chở hành-khách thẳng từ Seattle đến Anchorage đến Fairbanks và khi trở về « lượn trên đầu » hoặc bay phớt qua các thị-xã gặp dọc đường. Còn đường thủy Alaska thì nay chỉ còn dùng để chuyên chở hàng-hóa. Một nhà khai thác kỹ-nghệ du-lịch — Ông Charles B. West — đã tậu được hai chiếc tàu xinh xắn chở hành-khách, nay chở các hành-khách đi Inside Passage trong các tháng mùa hạ. Mục tiêu của họ là chở các du-khách.

Tuy Đệ Nhị Thế Chiến có gây ra tang tóc và những chuyện đau lòng, nhưng nó cũng đã góp phần nhiều vào công cuộc phát-triển Alaska. Nó đã mang lại cho Alaska cuộc viện-trợ quan-trọng đầu tiên cho ngành hàng không, cho đường bộ, và nâng đỡ



kinh tế cho các tỉnh Kodiak, Anchorage và Fairbanks. Nó đem lại sự tăng cường dân số do hàng ngàn cựu binh-sĩ dẫn vợ con về xây dựng nhà cửa cư-ngụ tại đây. Giữa dân chúng Hoa-Kỳ, dân Alaska được coi như những người « đi máy bay nhiều nhất. » Các phi-công « Bush Pilot » của Alaska thời đó không có phi trường, không có đèn rọi dẫn đường, không có máy vô-tuyến. Họ hạ cánh xuống các khu rừng trống nhỏ hẹp, các bờ biển, các bãi cát ven sông, các bãi gỗ trên mặt hồ và trên mặt các giòng sông ven biển hoặc mùa đông tại miền Bắc, họ hạ cánh xuống các cánh đồng tuyết. Đối với các tiền đồn hẻo lánh

nhất, việc tiếp hàng hóa được vận chuyên bằng phi cơ. Từ các điểm an dưỡng đó, trên một nửa tá nhà chuyên chở hiện đang hoạt động tại Alaska. Trong số đó, có hai nhà chuyên chở thẳng đến tận Hoa Kỳ. Máy thu thanh đã giúp những người bầy thú trong rừng, hoặc khai mỏ bên khe núi, triển sông bớt cảm thấy cô-độc. Sự truyền điện cho các xóm nhà ở thị-xã hoặc nơi thôn dã, thực hiện được tới mức độ rộng lớn (hãng R.E. A), đã biến phần lớn Alaska thành một biên-thùy có đầy đủ mọi tiện nghi tân-tiến. Chỉ cách nền văn-minh và các tiện - nghi tân - tiến

của các đô-thị và thị-xã là đã đến cảnh đẹp nguyên thủy và sự huyền bí của vùng hoang vu không bị xâm-phạm với những khu rừng vắng, những vịnh nước sâu, những băng giang sáng chói, những hồ nước bất ngát, những thác nước cao, và đời sống thiên nhiên phong-phú. Với các bối cảnh lằng lằng tâm hồn này, người dân Alaska cương-quyết biến tân tiều bang của mình (Alaska) thành một tấm gương làm sáng chói tất cả những gì được gọi là tinh hoa nhất của nếp sống Hoa-Kỳ.

CÙNG BẠN ĐỌC PHỒ-THÔNG

Mấy lúc gần đây, sở dĩ Phồ-Thông ra trễ vì tình trạng giấy báo khan hiếm rất trầm trọng, nhiều đồng nghiệp khác phải ngưng một hai kỳ, như bạn đọc đã thấy. Tuy vậy, Phồ-Thông vẫn cố gắng ra đều, nhưng phải trễ hơn ngày đã định.

Hy vọng một ngày gần đây nạn giấy báo bớt khan hiếm, chúng tôi sẽ ra đúng ngày trở lại như trước.

Mong Bạn đọc thông cảm cho nỗi khổ tâm của chúng tôi trong tình trạng chiến tranh hiện nay.

Đa tạ

PHỒ-THÔNG tạp chí.

Midol

thì các chứng đau nhức
và cảm cúm
CƠ ĐÀN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/CH/1/P.D.C.



truyện dài tình cảm : * THẨM - THỆ - HÀ

« Nếu anh nhìn vào vực thẩm,
vực thẩm sẽ nhìn vào tâm hồn anh »

NIETZSCHE

VỪA ở rạp ĐAI-NAM ra, Hoàng muốn đưa Lan và Hạnh về nhà nhưng Hạnh đã liếng lầu hỏi em :

— Máy giờ rồi, em Lan ?

Lan đưa tay lên xem đồng hồ :

— Mới tám giờ rưỡi.

Lan nhấn mạnh tiếng « mới » rất hợp với ý Hạnh. Cả hai dường như đồng ý muốn nói :

— « Còn sớm chán » ! Hạnh đề nghị ngay :

— Vậy chú Hoàng dẫn hai cháu đi ăn cơm rồi còn đi dạo mát một vòng nữa chớ.

Hoàng ngần ngừ :

— Nhưng về trễ sợ...

VỰC THẨM

Hạnh cười :

— Không sợ gì hết, hai cháu đã xin phép ba má rồi. Vả lại, đi với chú thì sợ gì ?

Hạnh vừa nói vừa nhìn thẳng vào mặt Hoàng, như muốn biết ý nghĩ thâm-kín của chàng trước lời nói có vẻ tự tin nhưng đầy vẻ khiêu khích ấy. Nàng không hiểu được gì cả mà chỉ thấy Hoàng mỉm cười một cách rất hồn nhiên :

— Nếu không sợ thì đi, về nhà có bị đòn thì rán chịu.

Câu nói của Hoàng rất tự nhiên nhưng Hạnh có ý nghĩ khác. Nàng cho rằng ông chú ranh mãnh này cố ý « dọa » mình : không phải bị đòn thật, mà phải coi chừng ông ta. Nàng càng trở nên láu lỉnh hơn :

— Chú khỏi lo, chỉ sợ chú về nhà ngủ không được. Hoàng cười :

— Sao ngủ không được ?

— Rồi chú sẽ biết mà.

Hoàng đón một chiếc taxi. Hạnh kéo tay em lên xe. Lan thụ động riu riu theo chị. Hạnh mở miệng muốn nói gì nữa, nhưng thấy Hoàng đã lên ngồi phía trước cạnh tài xế, nàng đành xiu mặt lặng im, Hoàng dặn anh tài xế :

— Chạy xuống nhà hàng Mỹ.Cảnh, bến Bạch-Đằng.

Bây giờ Lan mới nói với chị :

— Phim « Áo ảnh cuộc đời » hay ghê, hén chị ?

— Hay ở chỗ nào đâu ?

— Ở chỗ... khó nói quá...

— Ở diễn xuất giỏi hay dàn cảnh khéo ?

— Không phải.

— Ở màu sắc đẹp hay cảnh thơ mộng ?

— Không phải.

Nghe chị em đối đáp, Hoàng phì cười, chàng nói với lại phía sau :

— Bàn về nghệ thuật mà như là tra vấn, ai mà thêm nổi.

Xe từ từ ngừng lại. Cả ba bước vào nhà hàng, chọn một chỗ ngồi có thể ngắm cảnh trên sông. Lan im lặng đưa mắt nhìn trên mặt nước lao xao phản chiếu ánh đèn màu rực rỡ. Mắt nàng nhìn cảnh nhưng tâm trí nàng vẫn vương những hình ảnh trong cuốn phim vừa xem đã làm cho lòng xúc động nhẹ nhàng.

Hạnh không nhìn cảnh mà chỉ nhìn người. Nàng thấy xung quanh nàng, bàn nào cũng có một vài thiếu nữ. Về phái nam, thanh niên rất ít mà hạng đứng tuổi thật nhiều. Công việc đầu tiên của Hạnh là tìm những đôi mắt đẹp. Chẳng hiểu sao Hạnh chỉ mê đôi mắt. Ngắm ảnh, xem tranh, nàng chỉ chăm chú ở đôi mắt, tìm ở đó một cái gì ấp ủ hợp với sở thích của mình. Xem qua hàng mấy chục cặp mắt, nàng thấy không ai đáng cho nàng chú ý. Nàng tự nhủ : « Tất cả người đẹp ở đây, không ai có đôi mắt đẹp như mình ». Nàng sung sướng mỉm cười.

Hoàng chợt hỏi :

— Hạnh cười gì thế ?

Mắt Hạnh chớp chớp như khoe vẻ mỹ miều :

— Cháu cười chi đấy.

— Chú làm sao mà cười ?

— Chú không biết thưởng thức cái đẹp. Hạnh muốn nói : « Chú không biết thưởng thức đôi mắt đẹp của Hạnh » nhưng nàng chỉ nói một cách bóng bẩy xa xôi. Hoàng ngỡ ngàng muốn ám chỉ cảnh đẹp trên sông, nên thản nhiên đáp :

— Phải, chỉ có Lan là có tâm-hồn thi-sĩ, Lan sửa soạn làm thơ đấy à ?

Lan dịu hiền nhìn lại :

— Cháu mà thơ với thần gì ? Cháu đang nghĩ đến một tình kỳ lạ trong phim « Mirage de la vie ». Sao con bé ngây-thơ thế ấy lại có thể yêu thắm-thiết một người đàn ông đứng tuổi đáng cha, chú mình ? Thật là vô lý ! Và thật là tội nghiệp cho cô bé !

Hạnh ra vẻ sành đời hơn em :

— Chuyện ấy rất thường ở thế-hệ chúng ta, có gì là lạ.

Lan trở mắt, ngạc nhiên :

— Thế hệ chúng ta ?

Hạnh nhìn em như nhìn một cô gái quê mới vừa thấy ánh sáng văn minh.

— Thế hệ Françoise Sagan, chỉ trừ ra em gái cùng của chị.

Lan cúi đầu như nhận chịu sự đốt nát của mình. Hạnh bỗng quay lại Hoàng :



— Phải Sandra Dee là thần tượng của chú không, chú Hoàng?

— Không.

— Vậy chó thần tượng của chú là ai?

Hoàng chỉ mấy đĩa đồ ăn xong mùi thơm phức:

— Thần tượng của chú là « gà nấu nấm » và « éch chiên beurre ».

Hạnh làm bộ xu mặt, nũng nịu:

— Thôi, chú đừng giả vờ, cháu biết mà...

Hoàng mỉm cười, không chấp nhận, cũng không định chính.

Sau bữa cơm, Hoàng đưa Hạnh và Lan ra đường.

Chàng nói:

— Bây giờ chú đưa hai cháu về nhà là vừa.

Hạnh nhanh nhẩu:

— Chưa vừa đâu chú. Chương trình còn một vòng đi dạo mát nữa.

Lan tán thành ngay:

— Phải đi chứ, cháu chưa dạo mát bến tàu lần nào.

Hoàng đành chịu ý:

— Cũng được. Vậy mình thả bộ từ đây đến công trường Mê-Linh.

Hoàng đi giữa, Hạnh và Lan đi hai bên. Gió từ dưới sông thổi lên, lạnh lạnh như thời tiết vào đông. Hạnh bỗng nắm lấy tay Hoàng:

— Lạnh quá, phải không chú à.

Hoàng cảm thấy một hơi ấm truyền từ bàn tay thiếu nữ sang tay mình, rồi lan dần, lan dần khắp cơ thể. Cái cảm giác ấy rất tự nhiên, chàng không có ý nghĩ gì quấy

đối với đứa cháu gái bé bỏng, con người bạn thân của chàng. Nhưng bàn tay Hạnh vẫn từ từ siết chặt, chẳng hiểu vô tình hay cố ý. Hoàng không dám giết tay ra, mà thậm chí tâm chàng cũng không muốn giết ra. Chàng thấy mình cũng cần một hơi ấm.

Hoàng nhớ đến thuở Hạnh, Lan còn bé, mỗi lần Hoàng đến nhà chơi, cả hai chạy đến đưa ôm lưng, đưa nắm tay biểu lộ sự quyến luyến ngây thơ, chân thành; lạ một điều: đưa ôm lưng luôn luôn là Hạnh; đưa nắm tay luôn luôn là Lan. Không bao giờ chúng chịu đổi nhau cái cử chỉ thân mến ấy. Cá tính của chúng đã phát hiện từ bé, một đứa sôi nổi, bông bột, một đứa kín đáo, rụt rè.

Hoàng nhớ đến kỷ niệm ấy để cho lương tâm mình được yên ổn.

Lan thích cảnh thiên nhiên, mắt nàng chiêm ngưỡng vẻ đẹp trên sông, từ chiếc tàu rục rờ ánh đèn cho đến xóm Thị Nghè đắm chìm trong màn đêm u ám. Hạnh chỉ thích ngắm cảnh có người: những cặp nhân tình tâm sự dưới dàn hoa thiên lý hay những mái đầu kề nhau trên băng đá cạnh bồn bóng. Đối với nàng, cảnh thiếu người là thiếu linh hồn, mà người trong cảnh phải là người chan hòa tình cảm.

Đến một chiếc băng trống dưới dàn hoa ti gôn, Hạnh níu tay Hoàng lại:



Midol

Đi các chứng đau nhức
và sưng tấy
CÓ BÁN Ở CÁC NHÀ THUỐC TÂY

— Chú Hoàng ngồi lại đây ngắm cảnh, thú hơn đi bộ mỗi chân.

Không đợi Hoàng đáp, Hạnh ngồi xuống trước, kéo luôn Hoàng xuống bên cạnh. Lan cũng ngồi bên chị, ngoan ngoan và không hề mặc cảm. Mặt nàng vẫn không rời cảnh đẹp trên sông.

Cách chỗ Hoàng ngồi chừng mười thước, có một chiếc băng đá khác, trên đó một thanh niên vào khoảng 25 tuổi và một thiếu nữ độ chừng 16 đang ngồi khít bên nhau, cử chỉ vô cùng âu yếm. Thiếu nữ dựa vào vai thanh niên, mái tóc nàng như luồn vào cổ chàng trai, hai mắt nàng long lanh như đang bị một sự kích thích êm ái, tế nhị. Chàng trai không đếm xỉa gì đến những người chung quanh, choàng tay qua vai nàng như muốn siết chặt thêm chút nữa.

Hoàng cảm thấy ngượng, vội ngảnh mặt nơi khác, nhưng cử chỉ của chàng không thoát khỏi đôi mắt tò mò của Hạnh. Nàng bĩu môi một cách duyên dáng, giống hệt đôi môi của B.B :

— Cô bé ấy là học trò của chú, phải không chú Hoàng ?

— Có lẽ không phải.

— Sao lại có lẽ ?

— Vì học trò nhiều quá, chủ làm sao nhớ hết. Nhưng



midol

ĐỊ CÁC CHỨNG ĐAU NHỨC
VÀ CẬN CẬN
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC LỚN

chú tin là không phải.

— Tại sao chú tin là không phải ?

— Vì nếu là học trò chú, cô bé ấy phải chào chú hay ít ra cũng phải xéo đi nơi khác chứ.

Hạnh bật cười :

— Chú lý luận sai rồi, chú ơi ! Chú đạo mạo quá nên không lường được tâm lý của tui đợt sống mới đó.

Hoàng cũng cười, nu cười ngượng nghịu :

— Vậy chú thuộc đợt sống cũ, hết xài rồi á ?

— Phải, chú thuộc đợt sống cũ, nhưng chưa phải hết xài đâu. Chú là cái mục tiêu của tui đợt sống mới đó.

Hạnh vừa nói, vai nàng vừa kề sát vào vai Hoàng, mái tóc nàng cũng luồn vào cổ chàng y hệt hình ảnh bên băng kia.

Hoàng cảm thấy một mùi hương thoang thoảng mà chàng muốn phân tích đó là hương gì, hương nước hoa hay hương trinh nữ. Tâm trí Hoàng đang bận rộn về cặp nam nữ bên kia, về lý lẽ táo bạo của Hạnh mà lúc nào chàng cũng chỉ xem là một đứa cháu gái bé bỏng, ngây thơ.

Hạnh bỗng hỏi :

— Nếu cô bé ấy là học trò thật của chú, chú nghĩ thế nào ?

— Chú lấy làm buồn.

— Sao chú lại buồn ? Buồn vì nó không chịu chào chú á ? Hay buồn vì nó không chịu xéo đi ?

— Đó chỉ là duyên cơ phụ, không đáng kể.



midol

ĐỊ CÁC CHỨNG ĐAU NHỨC
VÀ CẬN CẬN
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC LỚN

— Sao lại không đáng kể. Học trò ngồi tình tự trước mặt thầy thì nó coi thầy còn ra kỳ-lô nào nữa ?

Hoàng hơi cap máy, lời thành thật và mĩa mai của Hạnh làm cho chàng khó chịu và cảm thấy dị vị «tôn sư» của chàng đang bị long lở đáng lo ngại. Những điều nhận xét của Hạnh có thể rất đúng. Chàng thở dài :

— Điều buồn của chú là quan niệm sai lầm của thế hệ trẻ hôm nay. Đối với chúng tất cả những mối tình cao quý đều trở nên hơi hợt, lỏng lẻo : tình thầy trò, tình anh em, tình bạn bè, tình đôi lứa. Chúng đang phá phách mà không xây dựng gì cả.

Lan từ nãy im lặng, giờ mới chịu góp ý :

— Chú Hoàng nói đúng đó. Chính cháu còn không chịu nổi tội đợ sống mới nữa là.

Hạnh cười phá lên, giọng vừa nũng nịu vừa trêu đùa đi dỏm :

— Chú Hoàng bảo thủ. Con Lan thì chỉ biết bây giờ « học gạo » sau này nấu cơm và chần một bầy con tình nghịch như quỉ như yêu.

Lan cười dụi dằng :

— Bầy con như yêu như quỉ chắc hẳn là lũ đợ sống mới lộn kiếp. Như vậy em sẽ có dịp trị cho chúng biết tay.

Hai chị em Hạnh, Lan đấu khẩu với nhau như thế là thường. Sau lúc cãi vả sôi nổi, chúng lại cười đùa với nhau và không ai chịu thua ai, đợi một dịp khác lại cãi vả nhau nữa. Nhưng Hoàng thì không an tâm một khi vấn đề đã đặt ra mà chưa giải quyết ổn thỏa, dứt khoát. Tự ái của một giáo sư, một người chú, làm cho chàng

bực rức trong thâm tâm. Tự ái ủa một thứ mặc cảm tự tôn.

Một phản ứng bất ngờ khiến Hoàng nhìn lại bằng bên. Thiếu nữ có đôi mắt sáng rực và chàng thanh niên có vẻ sành sỏi kia đã biến đi đâu mất tự lúc nào. Chàng đột nhiên reo lên :

— Con bé đã xéo đi rồi !

Hoàng mừng một cách thật tình, không phải mừng vì khỏi trông thấy một cảnh gay mắt, mà vì tự ái nhà mô phạm được xoa dịu một phần nào. Hạnh tế nhị nhận ý nghĩa lời reo của chú, nằng chúm chiêm cười nghĩ thầm : « Chú Hoàng ơi, chú hãy coi bỏ cái mặt nạ đạo đức của chú đi. Nếu không, cháu phải gỡ giùm chú mới được ». Riêng Lan không nghĩ ngợi gì cả, nằng cho là đã đến lúc về thì nằng đề nghị ngay :

— Thôi, bây giờ chú Hoàng đưa hai cháu về.

Hạnh thấy mất hứng nên vội đứng lên, Hoàng kêu một chiếc taxi và đưa Hạnh, Lan về tận nhà. Trên xe, cả ba đều lặng im mỗi người theo đuổi một ý nghĩ.

(còn nữa)

Cần Đến kinh kỳ, Bần hàn đã dượt, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống **Đôi Công Hoàn « ỜNG TIÊN »**. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-hánh-Tôn. Nhà thuốc **« Ờng Tiên »** Phú-Lâm Cholon K.N. BYT. số 1 — 9-5-63

Phong Ngứa, Chê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ỜNG TIÊN »** 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt. Nhà thuốc **Ờng Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)



★ của Bà Huỳnh-thu-Hương, Hóc-Môn :

● Lễ Phật ? hay khoe của ?

... Đức Phật có dạy rằng ở đời con người phải sống giản dị từ bỏ mọi xa hoa thê xác, vậy mà tôi thấy các bà đi lễ Phật ở chùa, khiến tôi tưởng họ đi « bal » ! Nào là đeo những đồ nữ trang đắt giá, nào là phấn son lòe loẹt, quần áo thiết sang trọng xa hoa, bóp đầm kiêu mới, v.v...

Không biết các bà đến Chùa mà diện quá xá để làm gì ? (C'est ridicule, n'est-ce-pas vrai ?) Đã thế, lúc đi lễ xong, về nhà họ bàn qua tấu lại, người này đẹp, người kia xấu, kẻ này giàu, kẻ kia nghèo, v.v... Không phải là một thiếu số mà là đa số. Mỗi lần tới chùa lễ Phật, tôi cứ phải chứng kiến cảnh trái tại gai mắt này nấy. Họ không bàn chuyện đạo lý chân tu mà chỉ bàn chuyện hột xoàn, chuyện làm áp-phe đô-la, giao-du với Mỹ, v.v... Thật làm nhor nhóp cửa Thiên ! Tôi không biết nói với ai, dịp may biết ông cũng là một Phật-tử như tôi, xin ông làm ơn cho biết ý nghĩ về những người tu « à la mode » này sẽ đưa Phật-giáo về đâu ?...

Độc giả trung thành với Phò Thông
Huỳnh thu Hương — Hóc Môn

TIN VUI

Hay tin quá trẻ cô giáo Lê Ngọc Thúy đã vãng linh song thân làm lễ thành hôn cùng đồng nghiệp.

Chúng tôi thành thật chúc mừng hai bạn được hạnh phúc thiên thu.

Nguyễn-Vương. Trần-hoài-Thanh
Mặc-Tướng. Tống-minh-Phụng

ĐÁP BẠN BỒN PHƯƠNG

● ĐIỀU-HUYỀN

★ Đại-Ủy Kh. Pleiku

Năm 1912, ở Lisbonne, Kinh-đô xứ Portugal, (Bồ-đào-Nha); Thượng-nghị-viện đang nhóm, bỗng được tin ông Rio de Branco, Tổng-Trưởng Ngoại-giao xứ Brésil (Ba-Tây, Nam-Mỹ), từ-trần. Quê xúc-dộng đột ngột vì xứ này là một quốc-gia bạn rất thân-thiết với Portugal, viên Chủ-tịch Thượng-nghị-viện liền yêu-cầu toàn thể nghị-viên ngưng nhóm trong mười phút, để im-lặng tưởng-niệm người bạn thân quá cố. Toàn-thể nghị viên đều đứng dậy, mặc niệm. Các báo Portugal đều tường thuật nghi-lễ rất cảm động ấy lần đầu tiên, xảy ra trong lịch-sử ngoại-giao quốc-tế. Sau đó, lần lượt các Chính-phủ khác của Âu-Châu và Thế-giới đều bắt chước cử-chỉ rất đẹp của Thượng-nghị-viện Portugal. Năm 1918, lần đầu tiên nước Pháp áp-dụng 10 phút mặc-niệm trước Đài Kỷ-niệm Tướng-sĩ trận vong hôm lễ Chiến thắng 11-11. Năm 1919, Chính phủ Anh cũng làm theo.

Đây, sự-tích phút « mặc-niệm » những anh-hùng vì quốc vong thân.

★ Cậu Trần-văn-Minh, An-giang

Xin cho địa chỉ rõ ràng, tòa soạn sẽ gửi biểu cậu số 169 mà cậu thiếu.

● Ông Nguyễn-Việt, Qui-nhon

« Hai người đó xãng tăng với nhau », đó là họ nói theo tiếng pháp « s'entendent », nghĩa là « thỏa thuận » với nhau để hành-dộng chung trong một việc gì.

— « Công-xi-tê » với nhau... đó là chữ concerté cũng nghĩa gần như chữ s'entendent, (ils se sont concertés... họ đã âm-mưu với nhau đề...)

— Cái « bọt-dền », phiên âm chữ Pháp : *bordel*, nhà chứa gái điếm...

● **Cậu Lê-văn-Lịch, Gia-dịnh**

— 25-10-1946 — 1 tháng 10 năm Bính Tuất.

— Vũ vô *thiết* tòa năng lưu khách, chứ không phải vũ vô *cầm* tòa. (Mưa không có giầy sắt mà hay giữ khách lại. Sắc bắt ba-đào dị nịch nhân : nhan sắc chẳng phải là sóng lớn mà để làm chìm đắm người ta.

— « *Một ngàn lẻ một đêm* », Pháp dịch là « *Les mille-et-une nuits* » là một tập truyện ngắn trứ danh của A-Rap, Thế-kỷ thứ X, trong đó có rất nhiều chuyện vô cùng hấp-dẫn : Ngọn đèn thần, những cuộc phiêu-lưu của Ali-Baba và 40 người ăn-trộm, chàng lính thủy Sindbab, v.v...

— Câu hỏi chót, đã giải rõ trong P.T. nhiều lần rồi.

● **Bạn Lê thị Lan Xuân, Chợ Mới, An-Giang**

Ngày 1-1 — Đinh Hợi = 22 Janvier 1947

— 8-4 — Bính-Tý = 28 Mai 1936.

(Năm Bính-Tý này nhuận tháng Ba, nghĩa là có 2 tháng Ba).

● **Bạn Madeleine Kim, U.S.P.O. Saigon**

— Mùa Thu, tiếng Mỹ thường dùng chữ *Fall*, hơn là chữ *Autumn*. Nhưng chữ *Autumn* vẫn dùng theo tiếng Anh.

Anf wiedersehen là tiếng Đức, nghĩa là *Au revoir, to see you again*.

(đọc : a-ouf'-vi-der-zê-hen) Phân-tách ra là : Auf : au, wieder : encore, sehen : voir.

★ **Ô. Lê văn Thu, KBC. 3044**

Năm nay ông 29 tuổi ta, là năm *Mậu-Dần* (1938-39), chứ không phải *Canh-Dần*, (1950-1951) ông sinh ngày 13 tháng 12, năm *Mậu-dần* tức là ngày 1-2-1939 (đúng ra, nếu ông sinh đúng vào ngày tháng trên, thì năm nay ông 27 tuổi Tây, 28 tuổi ta, chứ chưa đến 29 tuổi).

Còn ngày 13 tháng 12 năm *Canh-dần*, theo trong thư ông, thì là ngày 20-1-1951, tức là 15 tuổi tây, 16 tuổi ta.

★ **Bạn Minh-Từ, Ty Công-Chánh, Bình Tuy.**

Xin thành thật cảm ơn ông đã tỏ cảm-tình đặc biệt với P.T. Về việc mua dài hạn, chúng tôi xin ông vui lòng đặt mua ngay tại các hiệu sách ở tỉnh, chắc chắn hơn. Tạp chí P.T. chúng tôi gửi đi xa thường bị mất luôn. Có nhiều bạn mua năm, 2, 3 tháng mới may mắn nhận được 1 số ! Thành ra chúng tôi phải gửi lần thứ hai những số báo mà các bạn ấy không nhận được. Phò Thông gửi ra ngoại quốc, sang Pháp, Bỉ, Suisse, Phi Luật Tân, Nhật, Mỹ v.v... không hề bao giờ mất. Còn gửi trong nước, Vũng Tàu, Phan Thiết, Huế, gần nhất như Gò-Công, Tân-An, là Phò-Thông ít được hanh đến tay độc giả mua năm.

Rất mong ông thông cảm.

● **Ô. Ng. an Trinh, Ng uyễn-Kim, Saigon**

Sinh ngày 2-1-1944, nhằm ngày Chủ-nhật, mồng 7 tháng Chạp năm Quý-Mùi.

● **Bạn Huỳnh-Tấn, Giáo sư, Nha-Trang**

— 21-12-Giáp-Tuất : 25-1-1935, (31 tuổi) hoặc : 21-12-Giáp Tuất : 28-1-1875 (91 tuổi)

— Rất tiếc, bài thơ hay quá, nhưng bị... không đăng được.

● **Bạn Nguyễn ngọc Anh, Huế**

Tất cả các số P.T. cũ bạn hỏi từ 1 đến 108, đều đã hết cả, tại Tòa soạn không còn số nào. Tuy nhiên, có một độc giả muốn bán trọn bộ, bạn có thể liên lạc trực tiếp theo địa chỉ sau đây. Ông Lê-Minh-Trí, C.E.E. Centrale Chợ-Quán, hay là 119/73 Cộng-Hòa — Saigon.

* **Bạn Văn Anh, và một nhóm Việt Kiều Marseille, Pháp**
Rất tiếc P.T. là một tạp-chí văn-hóa, không thể đăng tin tức chiến sự như các báo hằng ngày. Mong các bạn thông cảm.

* **Bạn Hoài-Ngọc, Bình Dương.**
Rất tiếc, bài thơ không đăng được. Mến.

● **Bạn Phương Hoài An, Qui nhơn.**

Muốn đổi tên, khi còn vị thành niên phải làm đơn do cha, mẹ, hoặc người đỡ đầu (trường hợp con mồ-côi cha mẹ), gởi lên ông Chánh-án Tòa Sơ-thẩm tại tỉnh nhà. Nếu Ông Chánh-án chấp nhận, sẽ có một phiên tòa để Quan tòa quyết định sau khi nghiên cứu trường hợp của đương sự. Đã đến tuổi trưởng thành, thì tự mình làm đơn và có sự ưng thuận của cha mẹ nếu cha mẹ còn sống. Thủ-tục tư pháp lâu chớ không mau được.

* **Bạn Đông-Mai, An-Hải,**
Bài thứ nhất, cảm động, đăng rồi. Bài thứ hai, nên sửa văn lại. Mến.

Tìm đọc :

đối thoại

nguyệt san do Sinh-Viên Văn-Khoa chủ trương

đối thoại số 3. « *Người Mỹ dưới mắt tuổi trẻ V.N.* »

Một vấn đề phức tạp và tế nhị, chỉ có sinh viên mới dám nói dám viết.

đối thoại 3. Phát hành ngày 10 tháng 9-66

TUỔI TRÉ HAM SÔNG, HAM YÊU, HÃY ĐÓN ĐỌC

Đôi Tám

TUẦN BÁO

Số đầu tiên ra mắt ngày 6-9-1966

Chủ nhiệm : TRỌNG-TÁU

ĐÓN ĐỌC : MỘT TẠP CHÍ MỚI XUẤT BẢN Ở HUẾ
ngôn ngữ mới

Tạp chí Văn học Nghệ thuật Xã hội

Chủ đề số 1 : SỰ LÊN TIẾNG CHÍNH THỨC CỦA NHỮNG
NGƯỜI LỚN BẰNG TUỔI CHIẾN TRANH Ở VIỆT-NAM

Chủ nhiệm, Chủ Bút :
PHẠM THOẠI TUYỀN

Tổng thư ký :
ĐOÀN THƯƠNG HẢI

Tòa soạn và trị sự : 18-B Lê Huân, Thành-Nội, Huế

tìm chú

Chú TRƯƠNG CAO TUẤN, trước làm việc tại LÀO, nay ở đâu ? Xin viết thư về cháu Trương cao Hoạt (con ông Trương-cao-Động và Bà Nguyễn thị-Ký) 22/12 Nguyễn cảnh Chân Saigon — Đồng bào Việt-Kiều thông cảm mách hộ — Xin thành thật biết ơn.

TRƯƠNG CAO HOẠT

22/12 Nguyễn cảnh Chân — SAIGON

CHIA BUỒN

Thiếu Úy HUỲNH-SỬU

đã anh dũng đền nợ nước ngày 14 tháng 8 năm 1966 tại
đức, Quảng-ngãi.

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng tang quyến và cầu
chúc hương hồn bạn SỬU sớm siêu thoát.

Lê Vĩnh Tráng — Trần Chu

EM NHỎ
NÔNG!



Stay
cho em nông
THUỐC DAN NÔNG KIM-QUAN
(RAK-MID)

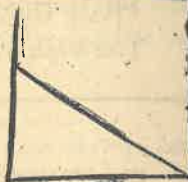
THUỐC
TÂY KIM-QUAN

K.N. số 200 ngày 20-6-63

KINH-LÝ VĂN - PHÒNG

110, đường Nguyễn-Huê - Saigon

Điện-thoại 23.187



Phạm-văn-Lạng

Giám-Định Trắc-dạ-sư

Géomètre — Expert.

375, Phan-thanh-Giản

SAIGON

KD số 2338 ngày 1-9-66

Giấy phép số 292 CDV/TTND ngày 9-10-1964

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231.233, Phạm-Ngũ-Lão — Saigon